

**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

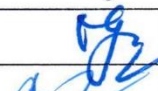
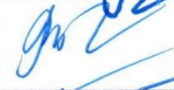

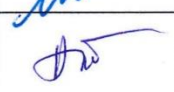
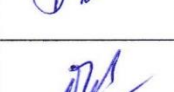




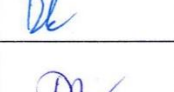
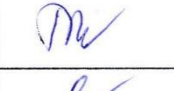

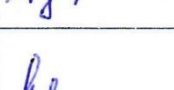
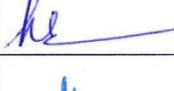
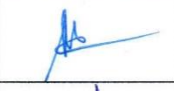


**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

(Ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)

**Hải Dương, tháng 1 - 2024**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN**  
 (Kèm theo Quyết định số 616/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Tạ Thị Thúy Ngân	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
02	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Thường trực	
03	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
04	Nguyễn Thị Đào	Trưởng khoa Kế toán - Tài chính	Phó Chủ tịch	
05	Phạm Thị Yên	Phó trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thư ký	
06	Tô Văn Sông	Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thành viên	
07	Phạm Quang Thịnh	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên	
08	Đàm Văn Bắc	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
09	Đặng Trà Mỹ	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên	
10	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên	
11	Nguyễn Thị Thìn	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
12	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên	
13	Nguyễn Thái Hưng	Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Thành viên	
14	Phạm Thị An	Phó Trưởng khoa Kế toán - Tài chính	Thành viên	
15	Bùi Phương Thanh	Giảng viên khoa Kế toán - Tài chính	Thành viên	
16	Phạm Thị Thu Trang	Giảng viên khoa Kế toán - Tài chính	Thành viên	
17	Lưu Thị Quyên	Sinh viên lớp K12.KT1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

## MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT .....	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung .....	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN TIÊU CHÍ.....	13
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT .....	13
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. ....	13
Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.	16
Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. ....	18
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT .....	20
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....	20
Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	23
Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. ....	25
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	27
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên Chuẩn đầu ra .....	28
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng. ....	33
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	37
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học .....	45
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan.....	45
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR .....	47
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....	50
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....	54
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. ....	54
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. ....	57

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	60
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. ....	63
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập..	65
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	68
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	69
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	74
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. ....	77
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	80
Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....	82
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	85
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	87
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	89
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	89
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. ....	91
Tiêu chuẩn 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. ....	93
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ....	95
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	97
Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học .....	99

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	99
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá .....	101
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	102
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học .....	106
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân.....	110
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	113
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	113
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	116
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu .....	121
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	123
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật .....	124
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	127
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	127
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	129
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. .	131
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. ....	133
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	136
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	137
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	141
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	141

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	146
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	150
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	154
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của CBLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	158
PHẦN III. KẾT LUẬN .....	162

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

#### 1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá (TĐG)

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức khối ngành, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Chương trình giúp sinh viên (SV) tiếp cận tất cả các lĩnh vực như kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp, kiểm toán, tài chính doanh nghiệp, tài chính công, nghiệp vụ thuế,... trong các doanh nghiệp (DN) các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội.

Ngoài ra chương trình ngành Kế toán còn có nhiều học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập. Đồng thời, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kế toán, kiểm toán, kế toán thuế, quản trị hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội trong điều kiện thị trường. SV sẽ được trang bị kiến thức về cách thức thực hiện các chức năng quản lý như thực hiện các phần hành kế toán, lập báo cáo tài chính, phân tích các nguồn vốn, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, kiểm tra và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị trong thực tiễn quản lý hoạt động kinh doanh nói chung cũng như quản trị các lĩnh vực hoạt động khác nhau của một tổ chức, doanh nghiệp.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Kế toán bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo TĐG. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, trung tâm, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

+ **Phần II:** TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả thực trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) TĐG.

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT ngày 31/12/2020, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành Kế toán dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành 1 phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Kế toán được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên (NCV) và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 đề cập các vấn đề về cơ sở vật chất (CSV) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định về nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành Kế toán.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n > 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

## ***1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá***

### **Mục đích TĐG:**



Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo **Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học** của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành Kế toán của Trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, xứng đáng là đơn vị đào tạo, nghiên cứu về kế toán có chất lượng tốt trong khối các trường địa phương và trong khu vực.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Khoa Kế toán trong công tác đào tạo, NCKH và chuyên giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội. TĐG cũng nhằm phục vụ việc đăng ký đánh giá ngoài, được tổ chức KĐ chất lượng giáo dục đánh giá và chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Hoạt động TĐG còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường.

Ngoài ra, phân tích, so sánh kết quả hoạt động đào tạo của ngành Kế toán theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **Quy trình TĐG:**

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi TĐG;

Bước 2: Thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký, Các nhóm chuyên trách;

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo TĐG;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo TĐG tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo TĐG trong toàn khoa và Trường để người đọc tham

gia và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Quá trình viết báo cáo TĐG được thực hiện từ tháng 08 năm 2023 đến tháng 2 năm 2024. Phần TĐG được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến tiêu chuẩn 11.

Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả thực trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng; 5. TĐG.

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành Kế toán, Trường đã ban hành Kế hoạch TĐG CTĐT ngành Kế toán; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 1 do TS. Nguyễn Thị Đào làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2; phần khái quát, kết luận.

+ Nhóm 2 do ThS. Nguyễn Xuân Trường làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4, 5;

+ Nhóm 3 do ThS. Nguyễn Mạnh Tuân làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;

+ Nhóm 4 do ThS. Phùng Việt Phương làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 8, 9;

+ Nhóm 5 do TS. Phạm Quang Thịnh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11;

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Trường tổ chức, các nhóm chuyên trách đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành Kế toán, tiến hành họp cán bộ của nhóm để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa, các khoa, các phòng.

**Phương pháp và công cụ TĐG:** Thực hiện đánh giá CTĐT ngành Kế toán được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên (GV), chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và

phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Công cụ đánh giá CTĐT ngành Kế toán của Trường được thực hiện theo Thông tư 04/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Tổng quan về cơ sở giáo dục**

#### *a) Tổng quan về Trường Đại học Hải Dương*

Trường Đại học Hải Dương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh. Theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương.

- Hệ thống tổ chức bộ máy nhà trường năm học 2023 - 2024 gồm: Hội đồng trường (25 người), Ban Giám hiệu (05 người), 08 phòng, 02 trung tâm, 11 khoa chuyên môn, 03 trường thực hành và Trường THPT tư thục Chu Văn An do trường trực tiếp quản lý, giám sát; Đảng bộ Trường có 25 chi bộ trực thuộc; Công đoàn Trường có 25 tổ công đoàn trực thuộc; Đoàn thanh niên; Hội sinh viên. Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động làm việc trực tiếp tại trường tính đến ngày 25/9/2023 là 360 người, trong đó: viên chức: 268 người, hợp đồng: 92 người. Trình độ chuyên môn: PGS: 02 người, Tiến sĩ 44 người, thạc sĩ - NCS: 13 người, thạc sĩ: 183 người, đại học 66 người, cao đẳng: 16 người, trung cấp 4 người, trình độ khác: 32 người.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các cán bộ, giảng viên, nhân viên, lao động có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp.

Với truyền thống lịch sử từ ngày 17/01/1960, Trường đã trải qua 60 năm xây dựng và trưởng thành trên cơ sở sáp nhập và hợp nhất các cơ sở đào tạo thuộc các ngành: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Lao động và Lương thực. Nhà trường có uy tín và thế mạnh đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề theo các bậc: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học theo các khối ngành kinh tế-kỹ thuật-chính trị-xã hội. Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường Đại học Hải Dương (ĐHHD) đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng

và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trường ĐHHĐ là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và chính trị - xã hội; là trung tâm NCKH – chuyển giao công nghệ (CGCN) phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

**Sứ mạng:** “Trường ĐHHĐ là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường đại học (ĐH) ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”.

**Tầm nhìn:** “Trường ĐHHĐ trở thành ĐH ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường ĐH tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”

**Giá trị cốt lõi:** “*Môi trường sáng tạo - Tập thể đoàn kết - Liêm chính, minh bạch - Chất lượng, hiệu quả - Trách nhiệm cộng đồng*”.

**Môi trường sáng tạo:** Trường ĐHHĐ xây dựng môi trường sư phạm, giảng dạy, học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho cán bộ, GV, SV, học viên được tự do sáng tạo, phát triển tư duy, động lực làm việc. (2) **Tập thể đoàn kết:** Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển bền vững của Nhà trường. **Liêm chính, minh bạch:** Trường ĐHHĐ tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, cơ sở vật chất và quản trị đại học. Công khai và thực hiện nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, cán bộ, viên chức và lao động của Nhà trường, cộng đồng và xã hội. **Chất lượng, hiệu quả:** Các hoạt động của Trường ĐHHĐ luôn hướng tới đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu nhằm đảm bảo sử dụng tốt nhất và bền vững các nguồn lực hiện có. **Trách nhiệm cộng đồng:** Các thành viên của Trường ĐHHĐ luôn suy nghĩ và hành động có trách

nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường, của đất nước, vì sự an sinh của xã hội. Hết lòng vì sự nghiệp giáo dục đào tạo là nhận thức căn bản của mỗi thành viên của Nhà trường [H1.01.01.04].

**Triết lý giáo dục:** "Học để làm được việc", Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Trường ĐHHĐ là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý "*học để làm được việc*" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

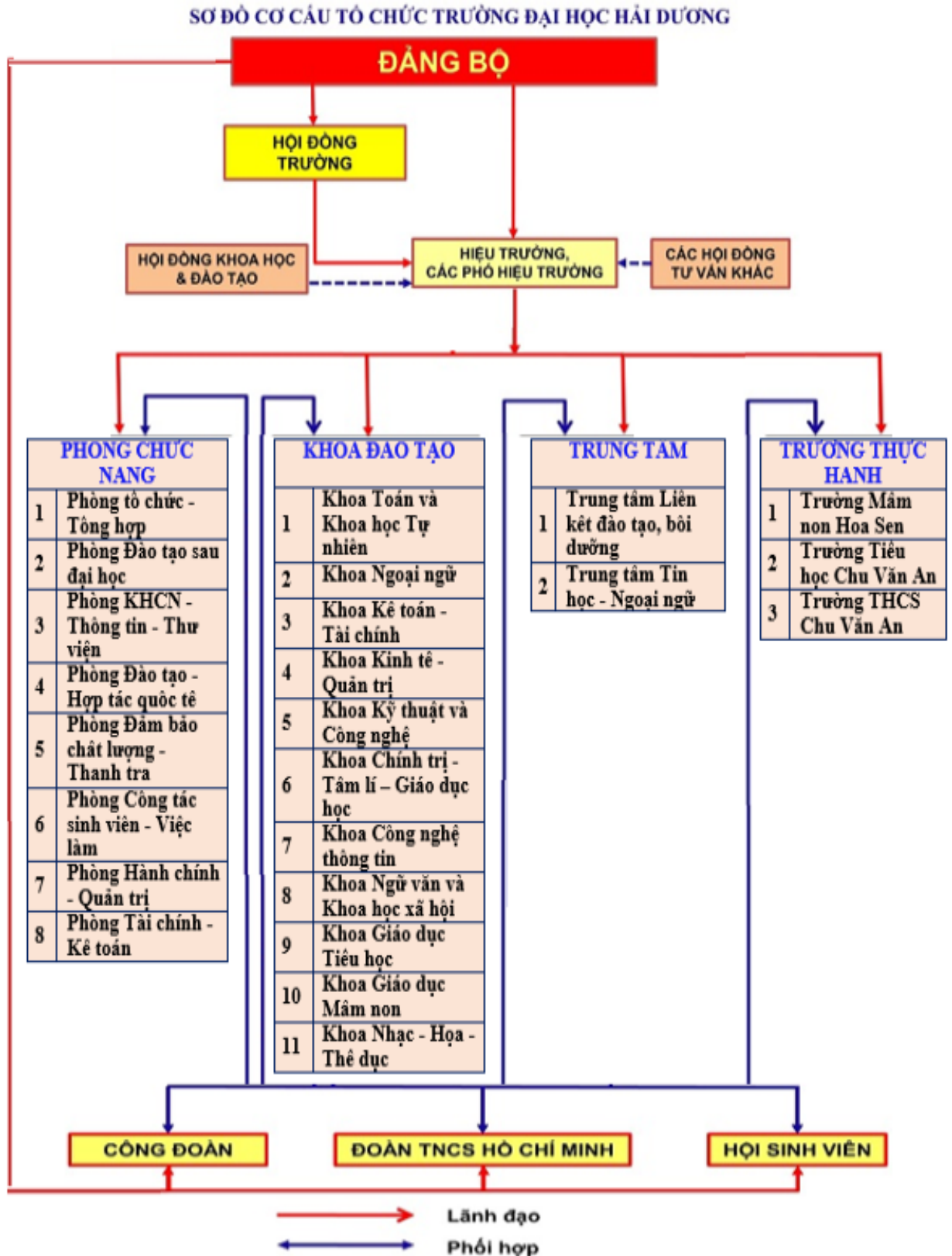
Trường Đại học Hải Dương hiện nay có 11 khoa đào tạo; 09 trung tâm đào tạo, thực hành, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ; 12 phòng chức năng. Trường đang thực hiện 26 chương trình đào tạo.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo ngay năm đầu sau tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao: từ 78,7 đến 83%; tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,9 đến 10,8% mỗi năm (Phụ lục 1).

Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Trong 5 năm (2015 - 2019), Trường đã thực hiện tổng cộng 564 đề tài các cấp; Số bài báo khoa học là 76 bài, trong đó có 06 bài đăng trên tạp chí quốc tế. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình, kỷ yếu là: 04 bài.

Quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng. Trường đã ký hợp tác với nhiều đơn vị, doanh nghiệp: Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội, Công ty cổ phần kinh doanh Kiyokawa, Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso, Trường Đại học Kookji (Hàn Quốc)... Đặc biệt, Trường đã hợp tác toàn diện với Tập đoàn An phát Holdings. Quan hệ hợp tác được đẩy mạnh giúp Trường có điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo ngày càng cao.

*b) Cơ cấu tổ chức (sơ đồ tổ chức mới nhất)*



c) Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hội đồng trường Trường ĐHHD được Công nhận theo Quyết định số 2779 ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Hội đồng Trường có 15 thành viên, thành phần Hội đồng Trường gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTNCSHCM, đại diện giảng viên và 07 thành viên ngoài Trường đang hoạt động trong lĩnh vực quản lý, giáo dục, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

Trường đã thực hiện đánh giá ngoài chất lượng giáo dục năm 2020 và được đánh giá là cơ sở giáo dục đạt chuẩn chất lượng theo QĐ số 10/QĐ-KĐCLGD ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội các trường đại học với kết quả 54/61 tiêu chí đạt yêu cầu (88.5%).

*d) Tổng quan về Khoa Kế toán - Tài chính*

Khoa Kế toán - Tài chính là đơn vị thuộc Trường có chức năng tổ chức thực hiện đào tạo, kế hoạch giảng dạy các ngành học Kế toán - Tài chính; tổ chức nghiên cứu khoa học theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, đổi mới phương pháp giảng dạy và học để đảm bảo mục tiêu đào tạo của Nhà trường. Tham gia biên soạn và đánh giá các chương trình đào tạo của các ngành trong khoa theo phân công của Nhà trường. Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục toàn diện của sinh viên trong Khoa theo các quy định hiện hành.

Quá trình hình thành và phát triển của Khoa Kế toán - Tài chính gắn liền với lịch sử và truyền thống của trường Đại học Hải Dương. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển gần 60 năm của Nhà trường, khoa kế toán luôn là một khoa có quy mô đào tạo lớn nhất, là trụ cột trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác sinh viên.

Đến nay với quy mô ngày càng mở rộng, Khoa Kế toán - Tài chính đã tham gia đào tạo hàng nghìn cử nhân ngành kế toán. Khoa Kế toán - Tài chính là một khoa nghiệp vụ thực hiện giảng dạy và đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các hệ và các cấp đào tạo từ đại học đến sau đại học trong toàn Trường.

Khoa Kế toán - Tài chính có một đội ngũ 29 cán bộ, GV trong đó 1 PGS.TS GV cơ hữu, 01 cán bộ Văn phòng khoa và rất nhiều GV kiêm chức, thỉnh giảng đang công tác và giảng dạy tại Khoa, trong đó có: 1 Phó giáo sư, 4 Tiến sĩ và 24 Thạc sĩ.

Hiện nay khoa Kế toán - Tài chính được giao nhiệm vụ quản lý và tổ chức đào tạo 02 chuyên ngành: chuyên ngành Kế toán tổng hợp và chuyên ngành Tài chính ngân hàng (NH), được cơ cấu thành các bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Tài chính NH, BM

Kiểm toán, BM Nguyên lý kế toán.

Năm học 2018 số sinh viên tốt nghiệp là 311, năm 2019 có 152 sinh viên tốt nghiệp, năm 2020 có 132 sinh viên tốt nghiệp, năm 2021 có 120 sinh viên tốt nghiệp, năm 2022 có 156 sinh viên tốt nghiệp. Năm 2023 có 99 sinh viên tốt nghiệp đợt 1. Tất cả các môn học của khoa kế toán trực tiếp giảng dạy đều có đầy đủ hệ thống giáo trình, tài liệu và sách tham khảo. Các giáo trình luôn được đổi mới, bổ sung, biên soạn lại cho phù hợp với những thay đổi về cơ chế, chính sách, chế độ quản lý kinh tế - tài chính và yêu cầu đổi mới nội dung chương trình giảng dạy các môn học trong từng thời kỳ. Chất lượng giảng dạy của GV khoa Kế toán – Tài chính luôn được đảm bảo và ngày càng được nâng cao đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Hàng năm, kết quả phân loại học tập của sinh viên khoa kế toán luôn đạt kết quả cao thuộc nhóm dẫn đầu Trường về tỷ lệ sinh viên xuất sắc, giỏi, khá. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng luôn đạt trên 98%.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH của khoa Kế toán - Tài chính cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, khoa đã thực hiện hàng trăm đề tài NCKH từ cấp Trường đến cấp Bộ, Ngành và Nhà nước; hàng chục đầu sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo được thực hiện; đặc biệt trong số đó có rất nhiều công trình nghiên cứu gắn liền với công cuộc đổi mới, cải cách hệ thống kế toán Việt Nam, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển hệ thống.

Công tác quản lý sinh viên của khoa thường xuyên được củng cố với các thiết chế: Liên chi đoàn khoa; các câu lạc bộ sinh viên. Các hoạt động hướng nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng; giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên luôn được quan tâm và tổ chức thường xuyên. Phong trào sinh viên của khoa luôn được đánh giá cao góp phần quan trọng vào phong trào sinh viên của toàn Trường.

Bằng những thành tích, cống hiến của tập thể cán bộ, giảng viên của khoa Kế toán, sự phấn đấu học tập, rèn luyện của các thế hệ SV, Tập thể Khoa vinh dự được Bằng Khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ GD&ĐT và nhiều phần thưởng cao quý khác.

## ***2.2. Tổng quan về ngành Kế toán***

Trong quá trình xây dựng và phát triển Trường Đại học Hải Dương, ngành kế toán luôn là một ngành đào tạo trụ cột, mũi nhọn của Trường. Chất lượng đào tạo ngành kế toán đã được khẳng định thông qua kết quả học tập, tốt nghiệp của sinh viên cũng



như sự phát triển nghề nghiệp của cựu sinh viên. Sản phẩm đào tạo của ngành kế toán đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho Tỉnh và các tỉnh lân cận.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của Trường và phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin GV, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

CTĐT ngành Kế toán được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Kế toán, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. SV tốt nghiệp chương trình ngành Kế toán có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về Kế toán; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế chính trị xã hội.

Các học phần trong CTĐT ngành Kế toán được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR.

Đội ngũ cán bộ, viên chức giảng dạy, quản lý, phục vụ đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ GV hiện đang được trẻ hóa, GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%.

Các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết GV tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

Thư viện, CSVC, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Kế toán và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Kế toán có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá SV đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác.

Các hoạt động hỗ trợ sinh viên thường xuyên được củng cố với các thiết chế: Liên chi đoàn khoa; các câu lạc bộ sinh viên. Phong trào sinh viên của ngành Kế toán luôn được đánh giá cao góp phần quan trọng vào phong trào sinh viên của toàn Trường.

Bản “Báo cáo TĐG CTĐT ngành Kế toán” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Khoa Kế toán -Tài chính các thành viên trong Hội đồng TĐG và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. “Báo cáo TĐG” đã được công bố công khai trong nội bộ Trường, đồng thời gửi đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD&ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT**

#### ***Mở đầu***

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là vấn đề then chốt, quyết định sự thành công của một ngành học cụ thể, là kỳ vọng người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Trường Đại học Hải Dương xác định mục tiêu và CĐR là khởi điểm quan trọng trong quy trình xây dựng CTĐT. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chung của Trường cũng như mục tiêu của Luật Giáo dục đại học. CĐR được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được khi tốt nghiệp.

Căn cứ vào mục tiêu và CĐR, Trường xây dựng CTĐT phù hợp cho chuyên ngành thuộc ngành Kế toán, có rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng những đòi hỏi của ngành cũng như thay đổi của xã hội và hội nhập quốc tế

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trước năm 2018 được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình giáo dục đại học ngành Kế toán của Trường là: “Đào tạo cử nhân có kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, có kiến thức chuyên sâu, khả năng ứng dụng một cách sáng tạo về công tác quản lý tài chính. Nắm được kiến thức bổ trợ pháp luật về kinh tế, kế toán và kiểm toán” [H1.01.01.01]. Từ năm 2018, mục tiêu chung của CTĐT ngành Kế toán được rà soát, cập nhật và được xác định là: “Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản và toàn diện về chính trị - kinh tế - xã hội; có trình độ công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiến thức cơ bản về tài chính, kinh doanh, quản lý kinh tế; có tư duy sáng tạo và logic; có khả năng hoạch định chính sách kế toán, và giải quyết các vấn đề về tài chính, kế toán ở các đơn vị; có kỹ năng thực hành chuyên môn thành thạo về kế toán, có tính kỷ luật tốt và tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có các kỹ năng phù hợp với nghề nghiệp về kế toán; có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc

*trong nước và quốc tế*” [H1.01.01.02]. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán được cụ thể hóa như sau:

*Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật vào nghề nghiệp và cuộc sống; có kiến thức nền tảng về kế toán để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế, tài chính, kinh doanh trong môi trường làm việc thực tế; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về kế toán. Hiểu và vận dụng tốt kiến thức về kế toán - kiểm toán, được đào tạo để thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán và lĩnh vực tài chính, kinh doanh, quản lý kinh tế; cung cấp thông tin cần thiết để tham mưu, tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định tối ưu.

*Về kỹ năng:* Có kỹ năng nhận diện, phát hiện, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phản biện; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn cho các chủ thể quản lý liên quan đến lĩnh vực kế toán - kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan; có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động; có kỹ năng sử dụng, vận dụng tốt tiếng anh và tin học cơ bản trong công tác, chủ động và tự tin trong việc ra quyết định về chuyên môn. Có kỹ năng sử dụng các phương tiện và vận hành hệ thống phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc; có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp; kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ và sáng tạo trong các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng thể hiện rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của CTĐT [H1.01.01.02]. Mục tiêu này được lưu hành, công khai trên cổng thông tin chính thức của Trường [H1.01.01.03].

Sứ mạng của Trường là: *"Là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước"* [H1.01.01.04] và tầm nhìn của Trường xác định 2030 là: "Trường Đại học Hải Dương trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường đại học công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh

nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường đại học tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030”. *Thực hiện tốt sứ mạng của Trường; Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy hợp lý, năng động, đội ngũ cán bộ đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, ứng dụng, đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn 2030. Đồng thời, ổn định quy mô và đổi mới cơ cấu đào tạo một cách hợp lý; tập trung nâng cao chất lượng đào tạo và hiện đại hóa công nghệ thông tin. Tiếp tục mở rộng hoạt động liên kết đào tạo và NCKH với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước”* [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định phù hợp với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đào tạo của Trường. Mục tiêu này đã được rà soát, điều chỉnh đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn và có hướng tiếp cận CDIO [H1.01.01.05; H1.01.01.06]. Việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) được thông qua hội đồng KH&ĐT khoa Kế toán; Hội đồng KH&ĐT của Trường và được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt lưu hành [H1.01.01.07].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được dựa trên kết quả khảo sát, đánh giá và dự báo về nhu cầu thị trường lao động đối với SV ngành Kế toán [H1.01.01.08]; cụ thể: người học có kiến thức toàn diện về ngành; nắm vững kiến thức chuyên ngành đào tạo; chủ động cập nhật kiến thức mới về ngành và chuyên ngành; có kỹ năng, có ý thức, thái độ, năng lực tự chủ, trách nhiệm; có năng lực ngoại ngữ và tin học đạt CDR theo quy định [H1.01.01.02; H1.01.01.09; H1.01.01.10].

Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại điều 5, Luật số 42/VBHT-VPQH ban hành năm 2018 [H1.01.01.11]: Mục tiêu chung là: “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” và mục tiêu cụ thể là: “*Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*”.

Đối chiếu mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán cho thấy đã có sự phù hợp với Luật giáo dục đại học hiện hành. Tuy nhiên, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán chưa được rà soát thường xuyên theo quy định nên chưa được cập nhật kịp thời.

### 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng rõ ràng (gồm cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), phù hợp với sự mệnh, tầm nhìn của Trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

### 3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán chưa được rà soát thường xuyên theo quy định nên chưa được cập nhật kịp thời.

### 4. Kế hoạch hành động

Trong 5 năm tới, Trường giao cho phòng Thanh tra và KĐCL, phòng Đào tạo - HTQT phối hợp với khoa Kế toán – Tài chính, các BM thuộc ngành Kế toán để tổ chức rà soát, cập nhật mục tiêu CTĐT ngành Kế toán ít nhất 1 lần.

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

**Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Sau khi CĐR được xây dựng và ban hành vào năm 2018, khoa Kế toán tiếp tục rà soát CĐR năm 2022 (ban hành theo quyết định số QĐ 137/QĐ-ĐHHD ngày 16/5/2022), năm 2023 (ban hành theo quyết định số QĐ 510/QĐ- ĐHHD ngày 16/9/2023) [H1.01.01.01]. So với CĐR năm 2018, CĐR năm 2022 có sự thay đổi đối với yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ và tin học. Cụ thể:

Nội dung	CĐR năm 2018	CĐR năm 2022
<b>Trình độ Ngoại ngữ</b>	Trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu, ( Bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam)	- Đạt B1 hoặc tương đương - Đạt trình độ 3/6 theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 21/1/2014 hoặc tương đương (khóa tuyển sinh từ năm 2019)

<p><b>Trình độ tin học</b></p>	<p>Có chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: Hiểu biết về CNTT, sử dụng máy tính cơ bản</p>	<p>Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo khoản 1 điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT</p>
--------------------------------	---	---

Bên cạnh các chuẩn chung về ngoại ngữ, tin học, điểm rèn luyện cũng như thái độ và hành vi, CDR của ngành Kế toán xây dựng đầy đủ chi tiết các nội dung về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng, vị trí việc làm và triển vọng nghề nghiệp... Cụ thể:

+ *CDR về kiến thức:*

Xây dựng 7 CDR liên quan đến kiến thức ngành, như: Có kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh gồm: Nguyên lý kế toán, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp, kinh tế vi mô, vĩ mô, Thuế, quản trị doanh nghiệp, ....; Hiểu và vận dụng các qui định pháp luật của nhà nước về kinh doanh, Kế toán; Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, Kế toán để giải quyết những tình huống Kế toán cụ thể;

Đối với kiến thức chuyên ngành, CDR được quy định chi tiết, cụ thể như chuyên ngành Kế toán có 6 CDR về kiến thức: Hiểu rõ và vận dụng những quy định của pháp luật về Kế toán, nắm vững những khái niệm, trình tự nội dung cơ bản của các công việc trong thực hành kế toán và có khả năng tự nghiên cứu, mở rộng nội dung kế toán ở các phân hành có liên quan; Có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về Kế toán: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán quản trị.

+ *CDR về kỹ năng nghề nghiệp và mức tự chủ, trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp:*

SV ngành Kế toán được trang bị và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như: Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; phấn đấu trở thành chuyên gia, nhà quản lý giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kế toán; Có trách nhiệm với công việc được giao, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề kế toán, tác phong chuyên nghiệp; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; chấp hành nội quy, quy chế tại nơi làm việc và tuân thủ luật pháp;

+ *CDR về vị trí việc làm và triển vọng việc làm trong tương lai:*

Có khả năng lựa chọn nơi làm việc rất rộng cả khu vực công lẫn khu vực tư, như: Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như kế toán viên, nhân viên tài chính,

kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế; Có khả năng học tập suốt đời, Có triển vọng trở thành Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng ban kiểm soát, thành viên hội đồng quản trị; chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc của các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài nước...

Mặc dù CĐR được xây dựng chi tiết với các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt song mức độ tự chủ và trách nhiệm thể hiện trong CĐR chưa cụ thể.

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành Kế toán phản ánh được các yêu cầu chung và thể hiện rõ yêu cầu chuyên biệt của các chuyên ngành thuộc ngành kế toán gắn với bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

## *3. Điểm tồn tại*

Mức tự chủ và trách nhiệm đã được thể hiện trong nội dung CĐR của CTĐT ngành Kế toán tuy nhiên chưa cụ thể.

## *4. Kế hoạch hành động*

Học kỳ 1, năm học 2022-2023, các Bộ môn chuyên ngành phối hợp với phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng (TT&KĐCL) rà soát điều chỉnh CĐR ngành Kế toán về mức tự chủ và trách nhiệm.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trong quá trình xây dựng CĐR CTĐT ngành Kế toán, khoa Kế toán đã có văn bản gửi các bên liên quan và tổ chức tọa đàm nhằm lấy ý kiến góp ý đối với các nội dung trong CĐR của chuyên ngành KT tổng hợp. Đối với các BM, khoa, các nội dung trong CĐR được rà soát và thống nhất trong các cuộc họp chuyên môn [H1.01.03.01]. Bên cạnh việc lấy ý kiến đóng góp từ các đơn vị liên quan trong Trường, các khoa tổ chức đào tạo ngành Kế toán đã xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, các bộ ngành, các doanh nghiệp với góc độ của các nhà sử dụng lao động. Các ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp như: Công ty CP bao bì Xuân Cầu, Ngân hàng thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành Đông, Công ty Cổ phần SX và TM Nhất Thành Phát LD, Công ty Cổ phần bao bì công nghiệp Hải Dương, Công ty TNHH Kỹ



thuật Điện Thành Trung, đều nhất trí cao với các nội dung mà CĐR xây dựng [H1.01.03.02]. Ngoài ra, các khoa thuộc ngành Kế toán cũng thực hiện khảo sát đối với người học về CTĐT nhằm đưa ra các điều chỉnh phù hợp đối với CĐR. Với 66.7% sv CN KTC, 70.4% sv CN Kế toán, 50% sv CN Kiểm toán có ý kiến rất đồng ý; 32.1% sv CN KTC, 27.5% sv CN Kế toán, 47.6% sv CN Kiểm toán đồng ý, kết quả khảo sát cho thấy: CĐR đã đáp ứng được yêu cầu của người học [H1.01.03.05].

Thực hiện chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, năm 2022, CĐR ngành Kế toán được xây dựng và ban hành. Năm 2023, CĐR và CTĐT được rà soát chỉnh sửa đối với hệ đào tạo chính quy (QĐ 510/QĐ-ĐHHD ngày 16/9/2023). Ngay sau ban hành quyết định CĐR, các khoa thuộc ngành Kế toán đã phổ biến rộng rãi nội dung CĐR CTĐT các chuyên ngành đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên cũng như SV và toàn xã hội bằng văn bản, đồng thời đăng tải lên website của Trường [H1.01.03.09]. Bên cạnh đó, khoa Kế toán phối hợp với các đơn vị chức năng giới thiệu CĐR cho tân SV trong các buổi học chính trị đầu khóa [H1.01.03.06], gặp mặt SV đầu khóa [H1.01.03.07], tổng kết học kỳ, năm học của khối SV của khoa [H1.01.03.08]... Hàng năm, ban chủ nhiệm các khoa cử đại diện lãnh đạo khoa, giáo viên trong khoa tham gia ban chỉ đạo và tiểu ban tư vấn tuyển sinh đại học. Thông qua ngày hội tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông, lãnh đạo các khoa ngành Kế toán đã giới thiệu CĐR cho phụ huynh và học sinh nhằm có định hướng trong việc chọn trường [H1.01.03.011].

## *2. Điểm mạnh*

Quá trình xây dựng CĐR đã được tọa đàm, trao đổi và xin ý kiến rộng rãi. Các bên liên quan đều rất nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong việc góp ý xây dựng CĐR của ngành kế toán; Công tác truyền thông CĐR của CTĐT ngành Kế toán được khoa Kế toán - Tài chính thực hiện hiệu quả.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xin ý kiến các bên liên quan đối với CĐR chưa đa dạng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Học kỳ 1, năm học 2023-2024, phòng TT- KĐCL phối hợp các khoa, bộ môn xây dựng danh mục các bên liên quan thực hiện lấy ý kiến đối với chuẩn đầu ra và triển khai trong quá trình rà soát, chỉnh sửa định kỳ.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

CTĐT ngành Kế toán thực chất là sự thể hiện mục tiêu đào tạo và CĐR của ngành Kế toán. Do đó, mục tiêu và CĐR của ngành Kế toán rõ ràng, CTĐT ngành Kế toán phù hợp và đem lại hiệu quả mong muốn cao cho người học.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được ban hành từ năm 2008; năm 2019 được cập nhật, bổ sung; năm 2021 tiếp tục được điều chỉnh và cập nhật với đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT: Tên cơ sở cấp bằng, tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành, loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), CĐR của CTĐT, đối tượng tuyển sinh (tiêu chí tuyển sinh), cấu trúc CTDH, kế hoạch giảng dạy theo khối kiến thức toàn khóa của ngành, ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR), đề cương học phần/môn học (dạng tóm tắt), hướng dẫn thực hiện chương trình, thời điểm chỉnh sửa bản mô tả CTĐT; ngoài ra bản mô tả CTĐT còn được bổ sung thêm thông tin như: cấp bằng, chuyên ngành và mã ngành, loại hình đào tạo, mục tiêu cụ thể, quy trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá, điều kiện công nhận tốt nghiệp; cơ sở vật chất (CSVC) và học liệu, đội ngũ GV của ngành Kế toán.

Mỗi CTĐT đều có đầy đủ đề cương học phần, các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và định kỳ được cập nhật, chỉnh sửa. Bản mô tả CTĐT cũng như đề cương học phần được công bố công khai giúp người học, GV, người tuyển dụng nắm bắt được thông tin về ngành Kế toán; đồng thời, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán của Trường trước năm 2018 được thiết kế gồm các thông tin: tên cơ sở cấp bằng, tên ngành, tên chương trình, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành, loại hình đào tạo, mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung), thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa học, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo (quy trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp), thang điểm, nội dung chương trình (khung chương trình, chương trình đào tạo chi tiết, kế hoạch giảng dạy toàn khóa theo chuyên ngành), đề cương học phần (tóm tắt nội dung học phần theo chuyên ngành), hướng dẫn thực hiện chương trình [H1.01.01.01]. Năm 2018, bản mô tả CTĐT ngành Kế toán đã cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định: Tên cơ sở cấp bằng; tên chương trình; cấp bằng (tên

gọi của văn bằng: cử nhân), thời gian đào tạo; mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể); CĐR của CTĐT; đối tượng tuyển sinh (tiêu chí tuyển sinh); cấu trúc CTDH tổng thể; kế hoạch giảng dạy các khối kiến thức toàn khóa theo ngành; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); quy trình đào tạo; đề cương học phần/môn học (mục tiêu học phần và tóm tắt nội dung học phần theo ngành); thời điểm chỉnh sửa bản mô tả CTĐT. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành Kế toán còn bổ sung thêm các thông tin sau: trình độ đào tạo ngành đào tạo và mã ngành; loại hình đào tạo; quy trình đào tạo phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá, điều kiện công nhận tốt nghiệp; CSVC và học liệu, đội ngũ GV của ngành; hướng dẫn thực hiện chương trình [H1.01.01.02].

Như vậy bản mô tả của CTĐT ngành Kế toán đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01] và đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT của Trường. Tuy nhiên, trước năm 2018, thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán chưa được cấu trúc thật sự logic.

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được rà soát, cập nhật thông tin mới nhất về các nội dung: mục tiêu chung; đối tượng tuyển sinh (tiêu chí tuyển sinh); cấu trúc CTDH tổng thể, kế hoạch giảng dạy các khối kiến thức toàn khóa theo ngành, cách thức đánh giá, điều kiện công nhận tốt nghiệp, hướng dẫn thực hiện chương trình. Bản mô tả CTĐT mới, bổ sung thêm các nội dung: cấp bằng (cử nhân), mục tiêu cụ thể (về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và trách nhiệm, CĐR của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm); tên các chuyên ngành và mã chuyên ngành, ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); phương pháp giảng dạy; CSVC và học liệu, đội ngũ GV của ngành; đề cương học phần/môn học (dạng tóm tắt nội dung về mục tiêu của học phần); thời điểm chỉnh sửa bản mô tả CTĐT của ngành. Đồng thời, bản mô tả CTĐT của ngành Kế toán có kèm bản mô tả chi tiết CTĐT của ngành [H1.01.01.02].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán là cơ sở để xây dựng, cập nhật CTĐT của ngành Kế toán. Các thông tin về bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được truyền tải thông qua nhiều hình thức khác nhau như: tờ rơi, tài liệu quảng bá tuyển sinh, website của Trường, website đăng ký tín chỉ [H1.01.01.03; H1.01.03.09]. Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được cập nhật mới nhất những vấn đề liên quan để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội [H1.01.01.01; H1.01.01.02; H1.01.01.05].

Căn cứ vào Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [H2.02.01.02] yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa, đổi mới CTĐT của Trường [H2.02.01.03] các khoa Kế toán đã tổ chức việc lấy ý kiến GV, người học hàng năm [H2.02.01.04]; định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các nhà khoa học về bản mô tả CTĐT ngành Kế toán [H2.02.01.05]. Việc cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Kế toán do BM chuyên ngành thực hiện [H2.02.01.06] và gửi Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Khoa ngành Kế toán xem xét [H2.02.01.07], thông qua hội đồng KH&ĐT Trường và được Hiệu trưởng nhà Trường phê duyệt lưu hành [H1.01.01.07]. Việc thực hiện các nội dung cập nhật, rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh bản mô tả CTĐT đều có kế hoạch để xây dựng và triển khai tới các đơn vị liên quan trong Trường [H2.02.01.03] và được thông báo trên Website của Trường [H1.01.01.03].

## 2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán:

+ Có đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời, được tổ chức triển khai rà soát, chỉnh sửa và cập nhật theo hướng tiếp cận CDIO nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành.

+ Được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan: Việc cập nhật được tổ chức bài bản, lấy ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia; tổ chức họp trao đổi ý kiến ở các BM chuyên ngành và được thông qua Hội đồng KH&ĐT khoa trước khi tổ chức lấy ý kiến của hội đồng KH&ĐT Trường và được Hiệu trưởng nhà Trường phê duyệt lưu hành.

## 3. Điểm tồn tại

Trước năm 2018, thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán chưa được cấu trúc thật sự logic.

## 4. Kế hoạch hành động

- Định kỳ ít nhất 1 lần trong 5 năm tới, Trường giao cho phòng ĐT- HTQT phối hợp với các khoa, BM tổ chức rà soát, cập nhật kịp thời tổng thể nội dung của bản mô tả CTĐT ngành Kế toán, đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đào tạo ngành Kế toán của Trường.

- Việc tổ chức rà soát, cập nhật đảm bảo đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được cấu trúc logic và khoa học.

- Đổi mới cách thức tổ chức công khai thông tin liên quan để đảm bảo tính kịp thời đối với bản mô tả CTĐT ngành Kế toán.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

***Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

***1. Mô tả hiện trạng***

Chuyên ngành thuộc ngành Kế toán có chương trình đào tạo chi tiết từng học phần riêng và đề cương học phần còn được đề cập dưới dạng tóm tắt trong bản mô tả CTĐT của ngành Kế toán [H1.01.01.01, H1.01.01.02].

Đề cương học phần được thiết kế theo quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01] và phù hợp với thực tiễn đào tạo của Trường [H2.02.02.01]. Đề cương học phần do BM thực hiện xây dựng, cập nhật, bổ sung; trình hội đồng KH&ĐT khoa thông qua và được Trường lưu hành. Năm 2016, đề cương học phần được thiết kế gồm các thông tin: tên đơn vị (khoa, BM), tên giảng viên đảm nhận giảng dạy học phần, tên học phần/môn học, số tín chỉ, mục tiêu của học phần (kiến thức; kỹ năng; thái độ, chuyên cần), các yêu cầu của học phần/môn học; cấu trúc của học phần/môn học (nội dung chi tiết và phân bổ thời gian của học phần), phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá, tài liệu học tập (tài liệu chính và tài liệu tham khảo). Ngoài ra, đề cương học phần còn bổ sung thêm các thông tin như: chương trình đào tạo, mã học phần, số tiết giảng, thuộc CTĐT trình độ, hình thức đào tạo, loại học phần (bắt buộc/tự chọn), điều kiện về học phần học trước, giờ tín chỉ (nghe giảng, làm bài tập, thảo luận, thực hành, tự học), thang điểm đánh giá, ngày phê duyệt, người ký duyệt [H2.02.02.01]. Năm 2018, đề cương học phần kế thừa đầy đủ các thông tin như năm 2016 và được bổ sung thêm các thông tin như: chuyên ngành đào tạo, giờ tín chỉ (bài kiểm tra), cụ thể hóa hơn nội dung học phần và nêu rõ địa chỉ các trang Website liên quan đến tài liệu học tập [H2.02.02.01]. Năm 2020, đề cương học phần kế thừa đầy đủ thông tin như năm 2018 và được bổ sung thêm các thông tin như: tên học phần bằng tiếng anh, hệ đào tạo, mục tiêu chung của học phần, mục tiêu cụ thể của nội dung thái độ, chuyên cần được thay bằng tự chủ và trách nhiệm và trách nhiệm [H2.02.02.01]. Năm 2021, đề cương học phần kế thừa đầy đủ thông tin như năm 2020 và được bổ sung thêm các thông tin như: chuẩn đầu ra của học phần/môn học (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm), ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR của học phần, người ký duyệt (giảng viên biên soạn, trưởng BM, trưởng khoa, lãnh đạo Trường) [H2.02.02.01]. Như vậy,

100% đề cương học phần ngành Kế toán đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và được Trường cụ thể hóa nhiều thông tin liên quan; đồng thời được nghiên cứu cập nhật theo hướng tiếp cận CDIO [H1.01.01.05].

Đề cương học phần ngành Kế toán được tổ chức lấy ý kiến các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên và các cựu sinh viên trong quá trình tổ chức rà soát, cập nhật [H2.02.02.02]. Đề cương học phần được định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật vào các năm 2016, 2018, 2020, 2022. Quá trình tổ chức rà soát, cập nhật được giao cho các BM đảm nhận, đảm bảo đúng quy định và nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Đề cương học phần rà soát giữa các năm đều có sự đổi mới, điều chỉnh, cập nhật thông tin phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sau khi hoàn thiện được công khai trên Website của Trường [H1.01.01.03]. Như vậy, 100% đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch hướng dẫn chung của Trường [H2.02.02.03] và các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng yêu cầu CDR đã công bố [H1.01.01.09; H1.01.01.10], đặc biệt có sự tham khảo mẫu biểu đề cương học phần của một số trường ĐH có uy tín như: Trường ĐH Kinh tế quốc dân; Trường ĐH Quy Nhơn; Trường ĐH Kỹ thuật công nghệ TPHCM; Trường ĐH An Giang; ĐH Nông Lâm TPHCM; ĐH Thương mại [H2.02.02.04]. Tuy nhiên, việc rà soát đề cương học phần tại BM chưa có nhiều sự tham gia hoặc chưa lấy ý kiến từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài.

### *2. Điểm mạnh*

- Đề cương học phần ngành Kế toán đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và được Trường cụ thể hóa nhiều thông tin liên quan; đồng thời được nghiên cứu cập nhật theo hướng tiếp cận CDIO.

- Đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật 2 năm 1 lần theo kế hoạch hướng dẫn chung của Trường. Các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng yêu cầu CDR đã công bố và mẫu thiết kế được tham khảo thêm của một số trường ĐH có uy tín.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc rà soát đề cương học phần tại BM chưa có nhiều sự tham gia hoặc chưa lấy ý kiến từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ tháng 6/2023 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, Trường tiếp tục tổ chức rà soát, cập

nhật đề cương học phần, giao cho phòng ĐT- HTQT đầu mối hướng dẫn nội dung triển khai, giao cho các BM phối hợp với các khoa liên quan tổ chức rà soát nội dung đề cương học phần thuộc BM và mời các cựu SV, nhà khoa học, các tổ chức bên ngoài (doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp) tham gia hoặc lấy ý kiến phản hồi về đề cương học phần.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

***Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

1. *Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán cập nhật năm 2021 được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: Các tờ rơi, banner hoặc các tài liệu liên quan đến quảng bá hình ảnh về Trường [H1.01.03.09]; đăng thông tin trên các tạp chí [H2.02.03.01]; đăng tải trên Website của Trường, trang đăng ký tín chỉ của người học [H1.01.01.03]; lưu hành bằng văn bản [H1.01.01.02]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành Kế toán sau khi phê duyệt được gửi email tới các trưởng khoa, trưởng BM để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động giảng dạy của BM [H2.02.03.02].

100% đề cương học phần ngành Kế toán được GV giảng dạy học phần/môn học cung cấp thông tin trực tiếp cho người học ngay khi bắt đầu lịch trình giảng dạy [H2.02.03.03]; được gửi email tới các BM để phục vụ hoạt động dạy – học các học phần/môn học thuộc BM và để BM thông báo tới các GV giảng dạy thuận lợi [H2.02.03.02]; được công khai trên Website của Trường và trang đăng ký tín chỉ của người học [H1.01.01.03].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán sau khi phê duyệt chính thức được tổ chức lưu hành rộng rãi bằng văn bản đến các đơn vị, cá nhân liên quan như: Bộ GD&ĐT, lãnh đạo Trường, lãnh đạo khoa và BM; văn phòng các khoa quản lý SV để GV các BM trong khoa tiếp cận dễ dàng và thuận lợi nhất [H1.01.01.02].

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần ngành Kế toán chính thức được công khai trên Website của Trường để các bên liên quan như: các cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, người học đã tốt nghiệp dễ dàng tiếp cận; được cập nhật trên trang đăng ký tín chỉ của SV để cung cấp cho người học tìm hiểu thông tin trong quá trình học tập [H1.01.01.03]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được tổ chức quản lý, lưu trữ (bản cứng và bản mềm) tại phòng ĐT- HTQT để phục vụ công tác quản lý đào tạo, thanh tra, kiểm tra; phục vụ công tác kiểm định khi có yêu cầu. Việc

đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải dữ liệu bản mô tả CTĐT và đề cương học phần giúp người học, GV và các bên liên quan tiếp cận nghiên cứu và tìm hiểu thông tin thuận lợi. Tuy nhiên, các bên liên quan đôi khi chưa tiếp cận thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương học phần thuận lợi do việc thiết kế Website của Trường chưa tối ưu (có nhiều module).

### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần ngành Kế toán cập nhật được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: website, trang đăng ký tín chỉ của người học, gửi email cho các khoa, BM, lãnh đạo các đơn vị liên quan để các bên tiếp cận thuận lợi nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ, truyền tải bản mô tả CTĐT, đề cương học phần ngành Kế toán.

### *3. Điểm tồn tại*

- Các bên liên quan đôi khi chưa tiếp cận thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương học phần thuận lợi do việc thiết kế Website của Trường chưa tối ưu (có nhiều module).

### *4. Kế hoạch hành động*

- Trước tháng 8/2022, Bộ phận quản lý website của Nhà Trường sẽ tổ chức rà soát và cập nhật thông tin đầy đủ về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trên Website của Trường;

- Từ tháng 9-12/2022, Trường giao cho phòng Quản lý Khoa học phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại các module và thiết kế lại giao diện Website của Trường đảm bảo tính tối ưu nhằm giúp các bên liên quan tiếp cận thông tin dễ dàng, thuận lợi.

### *5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7*

#### ***Kết luận về tiêu chuẩn 2:***

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin, được tổ chức rà soát, cập nhật, hoàn thiện và chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT ngành Kế toán. Đề cương học phần có đầy đủ thông tin, được định kỳ 2 năm tổ chức bổ sung/điều chỉnh/cập nhật phù hợp yêu cầu thực tiễn.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Việc công khai nội dung bản mô tả CTĐT, đề cương học phần được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: Website, Tờ rơi, baner, các ấn phẩm tuyển sinh, đăng tạp chí, cập nhật trên trang đăng ký tín chỉ, lưu hành bằng văn bản đến các bên liên quan. Trường cần tiến hành kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kế toán để



làm cơ sở cho việc chỉnh sửa, bổ sung/chỉnh sửa/cập nhật bản mô tả CTĐT và đề cương học phần. Mặt khác, để các cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu SV tiếp cận thông tin bản mô tả CTĐT, đề cương học phần dễ dàng cần phải định kỳ nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, hoàn thiện phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ, chia sẻ thông tin cần thiết phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, CTDH ngành Kế toán được thiết kế theo các quy định được ban hành bởi Bộ GD&ĐT, dựa trên mục tiêu và CĐR của CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo cử nhân ngành Kế toán và phù hợp với nhu cầu xã hội. CTDH ngành Kế toán của Khoa Kế toán – Tài chính được tham khảo CTDH của các Trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

CTDH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ; các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành; học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo; các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp; các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR. CTDH được xây dựng theo tiếp cận CDIO tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic và về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

CTĐT cử nhân ngành Kế toán được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trường Đại học Hải Dương với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của ngành kế toán trình độ đại học, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sv được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTĐT và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng học phần. Nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp,

linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành Kế toán liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTĐT tổng thể.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên Chuẩn đầu ra***

#### ***Mô tả***

*Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên các yêu cầu của Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]. Đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra về kiến thức, mục tiêu chương trình nhằm cung cấp kiến thức lý thuyết, thực tế, cách vận dụng các kiến thức chuyên môn, các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kiến thức về công nghệ thông tin, về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn, kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế.*

Mục tiêu của chương trình về *kỹ năng* phù hợp với Chuẩn đầu ra về việc giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tế kế toán tại các đơn vị, khả năng tự học, tự nghiên cứu, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, phản biện, phê phán, đánh giá chất lượng công việc, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng CNTT

Mục tiêu về *mức tự chủ và chịu trách nhiệm* trong Chuẩn đầu ra được thể hiện rõ trong Chương trình đào tạo, cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp phải có đủ khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân và có thể quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kế toán trong các đơn vị, tổ chức [H3.3.1.09]

Nội dung chương trình được thiết kế để đạt được Chuẩn đầu ra ở các nội dung kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, *cụ thể:*

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế với các môn học đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên có kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, quản lý điều hành hoạt động chuyên môn, kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tại doanh nghiệp, khả năng tự học

tập, tự nghiên cứu, kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán, kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng CNTT.

Tất cả các môn học trong chương trình đều có kết cấu gồm phần lý thuyết giảng dạy trên lớp, phần thảo luận nhóm và phần tự học tạo khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, đưa ra kết luận chuyên môn.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

Các giảng viên đã sử dụng phương pháp giảng dạy chủ động bằng cách nêu vấn đề cần giải quyết, quy định thời gian và cách làm việc sau đó sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để nộp sản phẩm và trình bày trước lớp, tạo cho sinh viên cách tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. Với phương pháp *Dạy học dựa trên vấn đề* (Problem-based learning), Nghiên cứu tình huống (Case study)... tạo cho sinh viên tư duy suy xét, phản biện (critical thinking) tự nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân [H3.3.1.01]. Bằng phương pháp dạy học thông qua làm khóa luận, đồ án (Project-based learning), Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning), sinh viên có thể tự lập kế hoạch, tự tạo kỹ năng thiết kế - triển khai - giao tiếp, khẳng định được trách nhiệm đối với xã hội, tăng cường khả năng làm việc nhóm, rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời, tự nguyện tham gia, giải quyết vấn đề của cộng đồng, áp dụng các kiến thức được học vào thực tế [H3.03.01.03], [H3.03.01.21], [H3.03.01.03].

Với cách thức kiểm tra đánh giá người học bằng 10% điểm chuyên cần, 20% điểm thực hành (Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ), 70% bài thi cuối kỳ đã đảm bảo được ý thức thái độ học tập, khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề trong thực tế, khả năng tự học, trình bày thuyết trình, vận dụng các vấn đề lý luận vào các tình huống thực tế [H3.03.01.01].

Các học phần trong Chương trình đào tạo được cấu trúc phù hợp, đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất

Các học phần trong chương trình được thiết kế và sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của sv từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 trải trên 8 học kỳ bắt đầu từ các môn học đại cương đến các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành. Các môn học bổ trợ giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế.

Chương trình đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các môn tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn kế toán với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kinh tế xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp. Thời gian và trình tự thực hiện từng học phần được bố trí triển khai một cách logic, hợp lý. [H3.03.03.01], [H3.03.01.04], [H3.03.01.16].

Chuẩn đầu ra của Chương trình được đo lường

Sinh viên tốt nghiệp cần đảm bảo tất cả các tiêu chuẩn của Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ: Sinh viên phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo tương ứng 131 tín chỉ (gồm cả Giáo dục quốc phòng-an ninh và Giáo dục thể chất), điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; Có các Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất; Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT. [H3.03.01.05], [H3.03.01.02], Chương trình đào tạo ngành Kế toán hiện tại có 131 tín chỉ (kể cả 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (32,8%)

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

Hệ chuẩn gồm 88 tín chỉ (67,2%):

Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ (19,1%)

Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành): 39 tín chỉ (29,8%)

Kiến thức bổ trợ: 11 tín chỉ (8,4%)

Thực tập nghề nghiệp và iảm tốt nghiệp. 10 tín chỉ (7,6%)

Số tín chỉ bắt buộc là 105 tín chỉ /26 tín chỉ tự chọn. Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và phù hợp trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn [H3.03.01.08]

Hệ chuẩn gồm 74 tín chỉ (56,5%):

Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ (13,7%)

Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành): 46 tín chỉ (35,1%)

Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp: 10 tín chỉ (7,6%)

Với kết cấu như trên, chương trình dạy học đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra và được đánh giá cao qua kết quả điều tra khảo sát.

Qua số liệu điều tra năm 2018 trên cho thấy 93% sinh viên đồng ý cho rằng giữa khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành là hợp lý và cân đối, ngoài ra 7% hoàn toàn đồng ý, nhất trí cho rằng giữa khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành là hoàn toàn hợp lý.

Về mức độ hợp lý của kết cấu CTĐT, có 96% nhất trí và 2% hoàn toàn nhất trí, về sự phù hợp của các hình thức, phương pháp đánh giá học tập để đạt được Chuẩn đầu ra có 93% nhất trí và 7% hoàn toàn đồng ý. [H3.03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15]. Theo khảo sát đánh giá của giảng viên và cán bộ quản lý chương trình về CTĐT năm 2018 về mức độ hợp lý về thiết kế, xây dựng phát triển CTDH, kết quả cho thấy, số lượng giảng viên và cán bộ quản lý chương trình cho rằng chương trình được thiết kế hợp lý, cơ cấu các môn học phù hợp, các phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức đánh giá kết quả học tập phù hợp với Chuẩn đầu ra [H3.03.01.13].

Ngoài ra Khoa Kế toán - Tài chính đã tiến hành việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán, nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành này theo từng loại hình doanh nghiệp, các kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp có đảm bảo đáp ứng yêu cầu của công việc không, qua đó Khoa có phương hướng để hoàn thiện chương trình đào tạo.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, chương trình ngành Kế toán của Khoa Kế toán - Tài chính được thay đổi 2 lần trong 5 năm gần đây: Chương trình đào tạo đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ, Chương trình theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHHD ngày 10/2/2017. Để thay đổi và phát triển CTĐT, Khoa Kế toán - Tài chính tiến hành so sánh đối chiếu chương trình đào tạo theo QĐ 141 và Quyết định 81 của Trường Đại học Hải Dương, so sánh chương trình hiện tại với các trường bạn như Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện tài chính [H3.03.01.17], [H3.03.01.18]. Khoa cũng đã đưa ra các qui định về rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập để thực hiện việc cải tiến chương trình, nội dung

đào tạo [H3.03.01.24]. Đồng thời, Khoa cũng đã thu thập, tổng hợp kết quả các Phiếu khảo sát người học, Người sử dụng lao động, Giảng viên về CTĐT [H3.03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15], từ các thông tin thu được do phòng vấn sinh viên [H3.03.01.25], [H3.03.01.26], sau khi tập hợp kết quả khảo sát, Khoa tổ chức cuộc họp Hội đồng Khoa học Khoa đề xuất nội dung sửa đổi lên Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường [H3.03.01.19], [H3.03.01.20].

Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường ra quyết định chương trình mới. Các bước thực hiện việc thay đổi, phát triển chương trình đào tạo luôn tuân thủ theo Quy định về xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Trường ĐHQG. [H3.03.01.23], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07].

### *2. Điểm mạnh*

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế dựa trên các yêu cầu của Chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đã đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Do Chuẩn đầu ra được xây dựng rõ ràng, có thể đo lường được nên chương trình được vận hành một cách hiệu quả có hệ thống. Kết cấu chương trình bao gồm các học phần được xây dựng khoa học, logic đảm bảo cho sinh viên tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành. Đây chính là triết lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được Khoa thực hiện từ nhiều năm nay.

### *3. Điểm tồn tại*

Do Chương trình đào tạo của các Khoa chuyên ngành chỉ được rà soát chỉnh sửa theo Kế hoạch của Trường nên Khoa Kế toán - Tài chính chưa chủ động điều chỉnh định kỳ. Chương trình đào tạo Kế toán mới được đưa vào Kế hoạch rà soát chỉnh sửa. Hơn nữa, việc điều chỉnh Chương trình dẫn đến việc thay đổi các môn học trong Chương trình khung, xuất hiện các môn học mới và loại bỏ các môn học cũ. Điều này ảnh hưởng đến đội ngũ giảng viên phụ trách học phần. Những môn học mới chưa có ngay giáo trình, sinh viên chỉ có tài liệu chính là bài giảng của giảng viên, việc viết giáo trình môn học phải chuẩn bị tối thiểu khoảng 2 năm nên cũng gây khó khăn cho sinh viên và giảng viên trong việc học tập và giảng dạy.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Kế toán - Tài chính sẽ đề xuất Trường rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo thường xuyên hơn theo qui trình 2 năm 1 lần để cập nhật kịp thời các nội dung mới về

các học phần, về phương pháp giảng dạy, đánh giá, đáp ứng được yêu cầu của người học và xã hội. Cụ thể chương trình cần bổ sung các môn học tạo kỹ năng phân tích xử lý tình huống và kiến thức xã hội, tăng cường các học phần tự chọn tạo điều kiện cho người học có điều kiện lựa chọn kiến thức bổ sung cho chuyên ngành, tăng tính thực hành thực tế cho kiến thức chuyên ngành, tăng tính hội nhập quốc tế, tăng cường tính liên thông giữa các ngành.

*5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7*

***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.***

*1. Mô tả*

100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Mỗi học phần đều nêu rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học để đạt được CĐR.

Các môn học chuyên ngành đã cung cấp những kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về kế toán để có thể vận dụng các kiến thức chuyên môn giải quyết tốt các tình huống cụ thể trong công tác kế toán. Các môn học đại cương và cơ sở ngành cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán.

Tất cả các môn học đều có kết cấu từ 6-9 tiết thảo luận, giúp sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Một số môn học đại cương giúp sinh viên có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân [H3.03.01.01]

Ma trận Chuẩn đầu ra và mục tiêu học phần thể hiện được sự chuyển tải Chuẩn đầu ra vào các môn học như thế nào trong nội dung từng chương, mục, trong cách thức kiểm tra, đánh giá của học phần để đạt được Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H3.03.03.03]

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Các học phần đều thể hiện rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy được sử

dụng đó là các phương pháp Thuyết trình (lecturing), phương pháp Xêmina, phương pháp Thảo luận nhóm, phương pháp Nghiên cứu tình huống.

Phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng học phần được bố trí phù hợp để đạt được Chuẩn đầu ra:

*Với học phần lý thuyết + thực hành.* Điểm đánh giá kết quả học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định qua điểm chuyên cần, điểm thực hành, điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10) với hệ số quan trọng lần lượt là 0,1; 0,2; 0,7. Trong đó:

Điểm chuyên cần được xác định căn cứ vào tỷ lệ tham gia các giờ học lý thuyết, thảo luận và sinh hoạt nhóm; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các nội dung trên toàn học phần của mỗi sinh viên và nhóm thảo luận. Nếu vi phạm sẽ bị trừ điểm theo qui định trong Quy định hoạt động khảo thí của Trường, (*đáp ứng Chuẩn đầu ra về ý thức thái độ của sinh viên*).

Điểm thực hành được tích hợp từ các điểm bộ phận:

+ Điểm bình quân các điểm kiểm tra giữa học phần (HP 2TC kiểm tra 1 lần/IHP; HP 3 TC kiểm tra 2 lần/IHP) (*đánh giá Chuẩn đầu ra về kiến thức lý thuyết và xử lý các vấn đề chuyên môn kế toán*).

+ Điểm thảo luận nhóm với quy định như sau: Trong 1 lớp học phần, sinh viên được phân thành các nhóm để thực hiện đề tài thảo luận theo sự phân công và hướng dẫn của giáo viên giảng dạy. Điểm thảo luận nhóm được xác định thông qua các điểm thành phần: Điểm của báo cáo đề tài thảo luận, điểm trình bày, bảo vệ, điểm phản biện nhóm (nếu có) và điểm thảo luận trên lớp (*đánh giá Chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc nhóm, truyền đạt ý kiến đến người khác, kỹ năng phản biện phê phán, ...*).

Danh mục đề tài thảo luận do các bộ môn xác định với quy định sau: 3 đề tài đối với học phần 2 TC, 4 đề tài thảo luận đối với học phần 3 TC. Việc tổ chức lớp thảo luận và phân công đề tài thảo luận cho mỗi nhóm sinh viên do giáo viên phụ trách thực hành lớp học phần quyết định.

+ Điểm Báo cáo thực tập tổng hợp hoặc Báo cáo Dự án nhóm và khóa luận (luận văn) được tính tương đương 10 tín chỉ được tổ chức chấm theo Quy định hoạt động khảo thí của Trường, (*đánh giá kiến thức tổng hợp, xử lý vấn đề chuyên môn trong thực tế, tạo kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tổng hợp, giải quyết vấn đề, ...*).

*Với học phần thực hành,* kết quả được đánh giá theo 2 bộ phận: Điểm chuyên cần và điểm trung bình các bài thực hành theo hệ số quan trọng lần lượt 0,3; 0,7.



Đề cương học phần đã thể hiện được các phương pháp giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên nhằm đạt được Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Đề cương học phần được chi tiết việc đáp ứng Chuẩn đầu ra trong từng bài học cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng để đạt được Chuẩn đầu ra này.

Sinh viên được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm sinh viên, giảng viên có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của từng sinh viên. Bài thi cuối kỳ được kết cấu với 3 câu phần: Lý thuyết, vận dụng lý thuyết, tình huống thực tế giúp giảng viên đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến Chuẩn đầu ra như kiến thức, kỹ năng làm bài, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong Đề cương học phần, phù hợp với Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHHD. [H3.3.1.01], [H3.3.1.05].

Các học phần được cấu trúc hợp lý về nội dung đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

Trong mỗi học phần đều có Điều kiện học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước) giúp cho việc bố trí tiến trình giảng dạy theo thứ tự các môn đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp. Học phần nào có học phần tiên quyết yêu cầu sinh viên phải học và đạt môn học tiên quyết mới được học học phần đó. Các học phần học trước là kiến thức dùng để kế thừa cho học phần hiện tại. Các môn học được ghi trong chương trình trước sẽ được dạy trước đảm bảo cho sinh viên có các kiến thức cơ bản đại cương để tiếp thu các kiến thức sâu của ngành, chuyên ngành, các môn học bổ trợ để ở cuối cùng của chương trình giúp sinh viên có thể phát triển sang các ngành kinh tế khác (nếu có). Chương trình được kết cấu hợp lý ở các nhóm kiến thức đại cương - chuyên nghiệp (33%-67%), bắt buộc - tự chọn (87% - 13%), cơ sở ngành- ngành - bổ trợ trong khối kiến thức chuyên nghiệp (28%-56%-16%) [H3.03.01.01], [H3.03.03.01]

Ma trận kết nối các môn học trong toàn bộ chương trình thể hiện được sự gắn kết liên mạch giữa các môn học thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ, thể hiện được việc cung cấp các kiến thức, kỹ năng, thái độ của Chuẩn đầu ra

được thể hiện trong việc kết nối cung cấp kiến thức giữa các học phần của chương trình đào tạo [H3.03.03.01], [H3.03.02.02].

Bảng Mô tả Chuẩn đầu ra từng học phần cũng đã thể hiện rõ ràng, cụ thể từng học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với người học [H3.03.02.01].

Nội dung các học phần trong CTDH thường xuyên được cập nhật, thay đổi, rà soát chỉnh sửa nhằm đạt được tốt nhất Chuẩn đầu ra.

Định kỳ 2 năm, đề cương các học phần được rà soát chỉnh sửa 1 lần trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, giảng viên, cựu sinh viên. [H3.03.02.04].

Các đề cương học phần được chỉnh sửa qua các năm học. Quy trình rà soát chỉnh sửa đề cương học phần được thực hiện theo qui trình:

Các BM xin ý kiến nhận xét về Đề cương học phần của các chuyên gia, lấy ý kiến người học qua phiếu khảo sát (VD: Nội dung đề cương học phần, phương pháp đánh giá kết quả học tập...), phỏng vấn sinh viên trong các cuộc họp lớp hành chính [H3.03.02.05], [H3.03.03.17]

BM họp toàn thể giảng viên, góp ý về nội dung, kết cấu, phương pháp đánh giá kết quả học tập, tài liệu tham khảo, phương pháp giảng dạy của từng học phần [H3.03.02.05]

BM tiến hành rà soát, chỉnh sửa từng Đề cương học phần sau khi tổng hợp ý kiến của giảng viên và các bên liên quan

Khoa tiến hành họp Hội đồng Khoa để góp ý từng nội dung Đề cương học phần [H3.03.02.05]

Các BM tiến hành chỉnh sửa lần cuối theo ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa [03.03.01.01]

## 2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ được thiết kế linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên lựa chọn, tỷ lệ các tín chỉ tự chọn/Tổng số tín chỉ là phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Các môn học cơ sở ngành tạo kiến thức nền tảng cho sinh viên học các môn chuyên ngành.

Các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được Chuẩn đầu ra. Các học phần trong chương trình được cấu trúc hợp lý, tuần tự, đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, tạo thành một khối thống nhất.

### *3. Điểm tồn tại*

Chương trình còn ít các môn học tạo kỹ năng phản biện, phê phán, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Chương trình còn một số ít các học phần chưa có giáo trình giảng dạy, sinh viên phải sử dụng bài giảng của giảng viên và các tài liệu tham khảo. Tỷ lệ các môn học tự chọn trong chương trình còn ít.

### *4. Kế hoạch hành động*

Ban chủ nhiệm Khoa và Hội đồng khoa học Khoa sẽ thực hiện việc rà soát chương trình đào tạo theo kế hoạch của Trường, tiếp tục lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện chương trình đào tạo theo định kỳ 2 năm 1 lần nhằm đáp ứng tốt nhất Chuẩn đầu ra, bổ sung thêm các môn học tạo kỹ năng phản biện, phê phán, cung cấp kỹ năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc, nâng cao chất lượng giảng dạy đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động, tăng tỷ lệ các tín chỉ tự chọn trong chương trình đào tạo.

### *5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm*

#### ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

##### *1. Mô tả*

Thứ nhất, chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, hợp lý.

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Khoa Kế toán - Tài chính hiện nay đang thực hiện đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. Chương trình dạy học ngành Kế toán được thiết kế có 3 khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Trong đó, ở chương trình đào tạo Kế toán doanh nghiệp, khối lượng các học phần thuộc khối kiến thức đại cương là 43 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành là 25 tín chỉ, khối kiến thức ngành (chuyên ngành) là 39 tín chỉ, khối kiến thức bổ trợ là 14 tín chỉ. Tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn được xây dựng là: 94/16 tín chỉ. [H3.03.01.08].

Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo sinh viên có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. 100% các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý về học phần điều kiện, học phần học trước, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kỳ thực hiện, ... Các học phần được thiết kế trong chương trình dạy học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Sinh viên có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực hành, thực tập tổng hợp, nghiên cứu [H3.03.03.08].

Cấu trúc các học phần được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo chuẩn đầu ra của ngành Kế toán [H3.03.03.09]. Sinh viên tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, về thái độ, về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm theo chuẩn đầu ra ngành Kế toán, [H3.03.03.10]. [H3.03.03.01].

Mối liên hệ giữa các học phần thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành và kiến thức ngành trong nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn được xây dựng một cách hợp lý.

Tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn trong chương trình đào tạo được xây dựng thuộc khối kiến thức đại cương là 30/2 tín chỉ, cơ sở ngành là 20/5 tín chỉ và khối kiến thức ngành là 33/6 tín chỉ và khối bổ trợ là 11/3 tín chỉ. [H3.03.03.02]

Ma trận kết nối giữa các môn học trong chương trình thể hiện: Các học phần trong chương trình ngành Kế toán được thiết kế và sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của sv từ năm thứ 1 đến năm thứ 4 trải trên 8 học kỳ bắt đầu từ các học phần đại cương như *Những nguyên lý cơ bản của CNMLN*, *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, *Toán cao cấp*, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, ..., đến các học phần cơ sở ngành như Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Nguyên lý kế toán, Nhập môn tài chính tiền tệ. Học kỳ 2 của năm thứ 3, sinh viên bắt đầu học các môn chuyên ngành như Kế toán tài chính 1,2,3, Kế toán quốc tế, Lý thuyết Kiểm toán, Kế toán quản trị ... Các môn học bổ trợ giúp sinh viên có

thể phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế. Thời gian và trình tự thực hiện từng học phần được bố trí triển khai một cách lôgic, hợp lý. [H3.03.03.03].

*Các học phần trong chương trình dạy học 100% được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện...).* Việc xác định học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTDH nói chung và đối với ngành Kế toán nói riêng. Học phần tiên quyết, học phần học trước vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học). Ví dụ: Học phần Nguyên lý kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kế toán cụ thể, do vậy đây là học phần học trước, tiên quyết của rất nhiều các học phần về kế toán sau này như Kế toán tài chính, Kế toán quốc tế, Kế toán quản trị, Kế toán hành chính sự nghiệp, Kế toán ngân hàng, Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa... Hoặc học phần Kinh tế vĩ mô cung cấp các lý thuyết cơ bản để sinh viên hiểu được các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế, do vậy đây là học phần học trước của học phần Lý thuyết Tài chính tiền tệ, Kinh tế doanh nghiệp. Chương trình đào tạo ngành Kế toán đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn kế toán với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và Khóa luận tốt nghiệp giúp sv tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kinh tế xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp.

Thứ hai, chương trình dạy học có tính tích hợp.

Nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt ở các học phần thực hành như học phần thực hành kế toán máy, sinh viên có cơ hội được áp dụng các kiến thức thực tế, lý thuyết về kế toán, vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống cụ thể trong công tác kế toán. Học phần thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp (10TC) trong đó thực tập nghề nghiệp (3TC) và khóa luận tốt nghiệp (7TC). Sinh viên sẽ tham gia thực tập nghề nghiệp rồi viết khóa luận tốt nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều

nội dung khác nhau, tại các cơ sở như doanh nghiệp, công ty, xí nghiệp... [H3.03.03.08]. Khoa Kế toán - Tài chính đã tích cực liên kết với các tổ chức nghề nghiệp kế toán kiểm toán, các doanh nghiệp, cơ quan đơn vị để đưa thực tế vào bài giảng, gắn lý thuyết với thực hành.

*Thứ ba*, chương trình dạy học có nội dung cập nhật.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Giai đoạn hiện nay, cũng như các CTDH khác của trường Đại học Hải Dương, Hội đồng Khoa học và đào tạo trường và Khoa Kế toán - Tài chính đã có 02 lần thực hiện chỉnh sửa, rà soát và đổi mới CTDH ngành Kế toán.

Quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH [H3.03.03.11] diễn ra nghiêm túc và hiệu quả. Các thành viên trong ban soạn thảo bao gồm các chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, các giảng viên thuộc các bộ môn của khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường [H3.03.03.12], sứ mạng và tầm nhìn của Khoa Kế toán - Tài chính [H3.03.03.13] vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. Hội đồng khoa học trường và Khoa Kế toán - Tài chính đã tổ chức phản biện và thẩm định CTĐT; Trường ĐHHĐ và Khoa Kế toán - Tài chính định kỳ tổ chức việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.03.03.14] và biên soạn đề cương học phần theo chuẩn đầu ra [H3.03.01.08];

CTDH được rà soát và hoàn thiện với sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho sv, khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm của người học.

Để rà soát và hoàn thiện CTDH theo chuẩn đầu ra, Khoa Kế toán - Tài chính đã xây dựng kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; Khoa cũng đã lấy thêm ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. [H3.03.01.12]; [H3.03.03.17]; Đồng thời việc rà soát, và hoàn thiện CTDH cũng được thực hiện thông qua việc tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo của trường ĐHHĐ với chương trình của các trường đại học khác cùng khối ngành kinh tế như Kinh tế quốc dân, học viện tài chính. [H3.03.03.18]. Nhìn chung kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Kết quả này cũng được thể hiện rõ ràng thông qua kết quả học tập của sinh viên trong các năm

gần đây đồng thời, sinh viên ngành kế toán được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Số lượng sinh viên ngành kế toán có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp luôn ở mức rất cao, [H3.03.03.20].

CTDH khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đều có sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Chương trình có sự điều chỉnh đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các học phần thuộc các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Mỗi liên hệ giữa các học phần đại cương, học phần cơ sở ngành và học phần chuyên ngành trong nhóm học phần bắt buộc và tự chọn được xây dựng hợp lý, đảm bảo tỷ lệ các học phần bắt buộc/ các học phần tự chọn được xây dựng với chương trình đào tạo ngành kế toán là: 94/16 tín chỉ. [H3.03.03.02]. Về cơ bản, chương trình tuân thủ theo chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cấu trúc các khối kiến thức và số tín chỉ. Tuy nhiên, CTDH sau khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đã tăng cường thêm các học phần về tác nghiệp trong công tác kế toán như tổ chức công tác kế toán, hệ thống thông tin kế toán, kiểm toán căn bản... và học phần thực hành như thực hành kế toán 1, 2... Khối kiến thức bổ trợ cũng mở rộng hơn với các học phần như Kinh tế doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, Quản trị chiến lược...

Trong Chương trình dạy học của ngành Kế toán hiện nay đã bổ sung cập nhật một số nội dung như Ma trận kỹ năng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy và học tập. [H3.03.01.08]

*CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.* Khi thiết kế hay điều chỉnh CTDH, Nhà trường đều thực hiện những đối sánh cần thiết như đối sánh giữa CTĐT ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương với CTĐT của các trường bạn như của trường ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính và đối sánh giữa các phiên bản CTĐT ngành Kế toán của trường Đại học Hải Dương qua các lần điều chỉnh. [H3.03.03.06].

Để có được CTĐT theo chuẩn đầu ra phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay, Nhà trường và Khoa Kế toán - Tài chính đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của Trường ĐHHĐ và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H3.03.03.30],[H3.03.03.04]. Quy trình được thực hiện như sau:

*Bước 1:* Thành lập nhóm cập nhật, chỉnh sửa rà soát chương trình đào tạo [H3.03.03.21]

*Bước 2:* Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên, người sử dụng lao động qua các năm [H3.03.03.17].

*Bước 3:* Tổ chức lấy ý kiến của chuyên gia, giảng viên về chương trình đào tạo [H3.03.03.05].

*Bước 4:* Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi tại cấp Khoa thông qua các cuộc họp hội đồng khoa [H3.03.03.04].

*Bước 5:* Lấy ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp về chương trình cũ và chương trình sửa đổi [H3.03.03.22], [H3.03.03.23].

*Bước 6:* Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh (cấp Trường thông qua cuộc họp Hội đồng đào tạo Trường).

*Bước 7:* Trình Hội đồng KH&ĐT xem xét thông qua các nội dung đã điều chỉnh [H3.03.01.20], [H3.03.03.04].

*Bước 8:* Cập nhật vào chương trình đào tạo những nội dung được Hội đồng KH&ĐT thông qua và trình trình Hiệu trưởng phê duyệt [H3.03.03.11]

*Bước 9:* Cập nhật chương trình đào tạo mới vào hệ thống quản lý đào tạo và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa [H3.03.03.25], [H3.03.03.26].

CTDH ngành Kế toán hiện nay có 131 tín chỉ bao gồm cả 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Khi chuyển từ hình thức đào tạo theo niên chế, các học phần được tính theo đơn vị học trình sang đào tạo theo tín chỉ, các học phần được tính theo tín chỉ, đã có một số học phần được rút đi, thay vào đó là các học phần khác, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của chuẩn đầu ra. Nhiều học phần đã được sửa đổi, điều chỉnh về nội dung cho phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo ở các quốc gia tiên tiến.

Nội dung CTDH đảm bảo khoa học, hợp lý và tương thích với yêu cầu của thị trường lao động.

Thông qua kết quả điều tra người sử dụng lao động [H3.03.01.12], phỏng vấn chuyên gia và các bên liên quan [H3.03.03.17] có thể thấy rằng: Nội dung chương trình dạy học được xây dựng khá công phu và khoa học, các môn học chuyên ngành và các môn học kỹ năng bổ trợ được bố trí và phân bổ hợp lý. Trên quan điểm của các nhà khoa



học và các đơn vị sử dụng lao động cho rằng: Ngoại ngữ và tin học là điều kiện cần thiết để sinh viên khi ra trường có thể hoàn thành tốt công việc, đồng thời sinh viên phải có kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề, Trường Đại học Hải Dương và Khoa Kế toán - Tài chính đã xây dựng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học dành cho sinh viên ngành Kế toán, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời Nhà trường và Khoa cũng tăng cường sự liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp trong quá trình đào tạo. Sau khi kết thúc thời gian giảng dạy, khoa tiến hành lấy phiếu đánh giá về các nội dung của từng học phần như nội dung kiến thức, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, khả năng truyền đạt kiến thức đến người học cũng như những điểm cần lưu ý để hoàn thiện tốt hơn cho việc giảng dạy của từng giảng viên từ đó các giảng viên hoàn thiện hơn về chất lượng giảng dạy, khoa và nhà trường có cơ sở để đánh giá và hoàn thiện hơn nữa về chương trình đào tạo [H3.03.03.28].

Theo kết quả khảo sát với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục, các chuyên gia đều đánh giá tốt về CTDH ngành Kế toán. Đa số người học, cựu người học, chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đều đồng ý với mức độ phù hợp của CDR với kiến thức, kỹ năng của CTĐT, trách nhiệm và mức độ tự chủ, đồng ý với mức độ hợp lý của CTĐT. Không có ý kiến nào là không đồng ý. Điều này cho thấy CTDH ngành kế toán đã đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động [H3.03.03.31], [H3.03.03.32].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện công khai CTDH và bản Mô tả các học phần trên các phương tiện truyền thông như trên trang thông tin điện tử của Khoa Kế toán - Tài chính và trang thông tin điện tử của Trường ĐHHĐ để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung cũng như kế hoạch học tập của mình trong suốt quá trình học [H3.03.03.33].

## *2. Điểm mạnh*

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành Kế toán trên thế giới và trong khu vực.

Chương trình dạy học đáp ứng được năng lực của sinh viên tốt nghiệp, sinh viên có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu, ... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả bề rộng lẫn bề sâu. Các cán bộ giảng viên của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sinh viên trong việc đạt kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế

đề cao tính đặc trưng của ngành Kế toán là tính ứng dụng và thực hành. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

### *3. Điểm tồn tại*

Hiện nay, chương trình dạy học chuyên ngành Kế toán chưa có tính tích hợp cao. Các học phần thuộc chương trình mới chỉ tích hợp được phần lý thuyết và thực hành mà chưa kết hợp được với các chứng chỉ kế toán kiểm toán quốc tế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong kế hoạch rà soát CTĐT và CĐR của Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính sẽ chú trọng xây dựng, bổ sung các học phần nằm trong chương trình của các chứng chỉ quốc tế về kế toán kiểm toán.

### *5. Tự đánh giá Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.*

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

Chương trình dạy học ngành Kế toán được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Khoa Kế toán - Tài chính đã hết sức lưu ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành. Đây cũng là triết lý đào tạo theo tín chỉ mà Khoa đã thấm nhuần từ nhiều năm nay. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho sv trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá rườm rà bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển ngành kế toán trên thế giới và trong khu vực. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của sv tốt nghiệp. Các cán bộ giảng viên của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung giảng dạy ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sv trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành Kế toán đó là tính ứng dụng, Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

#### **Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 5.0**

## **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

### ***Mở đầu***

Tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ và gắn kết kiến thức, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, say mê học hỏi. Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm việc tổ chức, triển khai các phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá áp dụng linh hoạt cho phù hợp với CTĐT

CTDH ngành Kế toán được thiết kế theo hướng tiên tiến, hiện đại, lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo bám sát mục tiêu đào tạo và đáp ứng CĐR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Các CĐR với 5 cấp độ: (1) biết/nhớ; (2) hiểu; (3) vận dụng; (4) phân tích và tổng hợp; (5) lãnh đạo và sáng tạo cùng với việc chú trọng hơn đến PPDH tích cực phát triển năng lực SV được sử dụng giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan***

#### ***1. Mô tả***

Mục tiêu giáo dục được thể hiện và cụ thể hóa trong mục tiêu của CTĐT [H4.04.01.01], ĐCCT các học phần [H4.04.02.01], nằm trong mục tiêu tổng quát của Trường “Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và tạo dựng môi trường học thuật mở để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng đến sự thành đạt của người học” và phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện nay của Nhà trường “Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô các bậc học, ngành học và loại hình đào tạo hợp lý theo tiêu chí của ĐH định hướng ứng dụng” được nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Dương 2011-2020, được rà soát, chỉnh sửa và tuyên bố trong Kế hoạch chiến lược phát triển 2018 - 2025 và các Nghị quyết của Đảng ủy. Mục tiêu này phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố là: Trường Đại học Hải Dương là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản,

ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học, và được công bố trên Website của Nhà trường [H4.04.01.01].

Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT và mục tiêu giáo dục của Trường. Do đó việc lấy ý kiến của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong việc ban hành các kế hoạch công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, như Kế hoạch số 60 ngày 26/12/2018 về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm; KH số 87a ngày 25/11/2019 về khảo sát đánh giá sự hài lòng của người học; kế hoạch số 64 ngày 7/10/2020 về triển khai lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, năm học 2020-2021; Kế hoạch số 99 ngày 04/12/2023 về khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024, ... [H4.04.02.04].

Trường cũng đã ban hành Kế hoạch số 61 ngày 26/12/2018 nhằm khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp của Trường Đại học Hải Dương để thu thập xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan được thực hiện và sử dụng cho việc xây dựng và xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kế toán [H4.04.03.04].

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo rà soát CTĐR cấp Trường [H4.04.02.01], đồng thời đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CĐR của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CIDO [H4.04.02.01]. Tuyên bố CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H4.04.02.01], được cả cán bộ, giảng viên, người học của Nhà trường hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH, áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt mục tiêu và CĐR.

Mục tiêu giáo dục được được giới thiệu/phổ biến cho các bên liên quan trên trang thông tin điện tử của Khoa, Nhà trường, được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị

đầu khóa dành cho tân SV [H4.04.01.04] Hàng năm, Nhà trường, cũng tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng của người học [H4.04.02.04].

### 2. Điểm mạnh

Thông qua website, các văn bản, quyết định, hướng dẫn hoặc các kế hoạch cho các Khoa mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của CTĐT ngành Kế toán được phổ biến rộng rãi cho người học, cán bộ và giảng viên.

### 3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành đào tạo tới các bên liên quan (đặc biệt là nhà sử dụng lao động) được thực hiện chủ qua website và việc lấy ý kiến nhưng được tiến hành chưa thực sự thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Hải Dương và Khoa tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn để các bên liên quan. Sử dụng hiệu quả hơn các công cụ thu thập lấy ý kiến online cho các bên liên quan.	Phòng Đào tạo-HTQT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện lấy ý kiến nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp qua các hoạt động thực tế giao lưu với doanh nghiệp.	Khoa	Hàng năm	

### 5. Tự đánh giá đạt mức: 5/7

## **Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR**

### 1. Mô tả

Các CTDH được thiết kế để tương thích và đạt được các CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Các CTĐT được cập nhật, bổ sung chỉnh sửa được Nhà trường phê

duyet, công bố như: CTĐT đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO, ban hành theo quyết định số 260/ ĐHHD ngày 29-8-2018 [H4.04.02.01]. Các CTDH và phương pháp giảng dạy đều được cụ thể hóa trong các ĐCCT các học phần của các khóa K10, K11 (đào tạo theo hệ thống tín chỉ), các khóa từ K12, K13 (đào tạo theo tiếp cận CDIO) [H4.04.02.01]. Phương pháp giảng dạy và hoạt động tổ chức dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR [H4.04.02.03], với PPDH phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên trong quá trình xây dựng kiến thức của mỗi cá nhân. Phương pháp, chiến lược và kỹ thuật dạy học phải đề cao dạy học chủ động và trải nghiệm, đồng thời có định hướng cụ thể là “Dạy học bằng cách tổ chức người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục”. Dạy học tích hợp, hướng vào năng lực nghề nghiệp, phát triển các năng lực cá nhân, xã hội và giao tiếp. Hệ thống các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong mô hình này để định hướng vận dụng hiệu quả trong thực tiễn gồm: Học tập trải nghiệm, Học tập dựa vào vấn đề, Học theo dự án, Dạy học tình huống, Thảo luận... thể hiện cụ thể trong ĐCCT của các học phần giảng dạy [H4.04.02.03].

Để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát triển toàn diện hướng năng lực cho người học, hàng năm Trường Đại học Hải Dương tổ chức hội thi: “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” cho từng Khoa và toàn Trường để đánh giá được sự chuyển biến trong đổi mới phương pháp dạy học theo hệ thống mới, khả năng và trình độ, kỹ năng, nhận thức nghề nghiệp của sinh viên để điều chỉnh nội dung, chương trình và phương pháp dạy học; bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ cần trang bị cho sinh viên; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường. Bản báo cáo kết quả của hội thi đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế trong từng Khoa, từ đó đưa ra được những đề xuất để cải tiến cho giảng viên và sinh viên như Báo cáo tổng kết tháng rèn nghề, Hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp” và thực tập tốt nghiệp cuối khóa [H4.04.03.01]. Ngoài ra, Trường Đại học Hải Dương còn phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức các chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên như phối hợp với Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương, .... tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng cho sinh viên: tư vấn cho sinh viên các thức lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp; kỹ năng tìm việc, viết CV, trả lời phỏng vấn.... [H4.04.02.02].

Trường Đại học Hải Dương và Khoa đã tổ chức các cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Năm 2019, nhà trường đã tổ chức Hội nghị xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO trong đó có chỉ ra những tồn tại, thách thức cũng như những điều chỉnh cần thiết khi triển khai CDIO cho những học phần tiếp theo. Ngoài ra, Công đoàn Trường Đại học Hải Dương còn tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về CTĐT theo tiếp cận CDIO” cho các đoàn viên công đoàn thuộc khối giảng dạy Khoa và phòng ban chức năng nhằm nâng cao nhận thức về đào tạo CDIO cho cán bộ công nhân viên chức toàn trường, qua đó có những điều chỉnh thích hợp về PPDH các học phần do mình phụ trách [H4.04.02.03]. Ngoài ra còn tổ chức các buổi họp lớp, nói chuyện chuyên đề với SV của ngành Kế toán nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận các phương pháp hiệu quả trong hoạt động dạy và học [H4.04.02.04]. Nhiều SV đã chủ động tham gia hoạt động sinh viên NCKH, thành lập nhóm nghiên cứu tham dự cuộc thi sinh viên NCKH hàng năm do Nhà trường, khoa tổ chức [H4.04.02.05]. Các hoạt động dạy và học được thiết phù hợp do đó SV cũng chủ động trong các thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành thí nghiệm, tham gia thiết kế các sản phẩm sáng tạo và ứng dụng thông qua các đề án, tiếp cận với môi trường doanh nghiệp qua học phần thực tập tốt nghiệp [H4.04.03.021], góp phần đạt được CDR trong CTĐT.

Hằng năm giảng viên, Bộ môn, Khoa, các tổ chức Đoàn, Công Đoàn tổ chức seminar, dự giờ thăm lớp, tổ chức các cuộc thi như “Giảng viên trẻ dạy giỏi” nhằm vận dụng các PPDH đa dạng, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Hải Dương để người học kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp, hoặc có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường [H4.04.01.02].

## *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Việc đổi mới PPDH theo hướng phát triển tính tích cực sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh được chú trọng phát triển.

### 3. Điểm tồn tại

Đào tạo tín chỉ theo tiếp cận CDIO chỉ mới được triển khai trong thời gian ngắn (từ khóa K12, K13) và do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực nên nhiều hoạt động, PPDH còn chưa được thực hiện chủ động đối với nhiều người học đặc biệt là các SV nhưng năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH tiếp cận CDIO cho GV và người học; hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu; Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV.	Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động dạy học thực tế, các hoạt động giao lưu với doanh nghiệp để người học có thể hiểu, tìm kiếm các cơ hội và sự chuẩn bị tốt nhất với các môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.	Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

### **Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### 1. Mô tả

Tính tích cực, sự chủ động sáng tạo trong mọi hoàn cảnh là một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho các chương trình giáo dục. Bồi dưỡng năng lực tự học tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập, đặc biệt trong xã hội thông tin phát triển nhanh và mạnh mẽ như hiện nay.

Các CTĐT đều có quy định ban hành với quy trình hướng dẫn riêng, CTĐT được bổ sung chỉnh sửa, thay đổi theo hướng tích cực, được cải tiến phù hợp với trình độ và



kỹ năng của người học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Ngày 10/2/2022 Nhà trường ban hành quyết định số 89/ ĐHHD ngày 10-02-2022 về Mục tiêu, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành đào tạo của Trường Đại học Hải Dương và QĐ số 137/ ĐHHD ngày 16-5-2022 về chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO [H4.04.02.03]. 100% ĐCCT các học phần đã trình bày cụ thể việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy-học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học. Mỗi ĐCCT đều có mô tả rõ phương pháp, hình thức tổ chức và các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CDR [H4.04.02.091]. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học khả năng tự học, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐCCT các học phần của ngành được thiết kế với với tỉ lệ phù hợp giữa kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn. CTĐT ngành Kế toán còn xen kẽ những học phần đồ án môn học, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học thực hiện một dự án cụ thể [H4.04.03.01], kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, giúp người học hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân được thể hiện rõ nét trong mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Kế toán [H4.04.02.03]:

Áp dụng được các kỹ năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật: Nhận dạng một vấn đề kỹ thuật; Mô hình hóa vấn đề; Ước lượng và phân tích định tính; Đánh giá giải pháp và đề xuất;

Triển khai thực nghiệm và khám phá tri thức: Hình thành giả thuyết; Chọn lọc thông tin qua tài liệu; Triển khai khảo sát từ thực nghiệm; Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết;

Thể hiện tư duy tầm hệ thống: Phác thảo tổng thể vấn đề; Phát hiện những vấn đề nảy sinh và tương tác trong hệ thống; Xác định tầm quan trọng và mức độ ưu tiên; Lựa chọn giải pháp dung hòa trong giải quyết vấn đề;

Thể hiện kỹ năng và thái độ cá nhân: Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro; Thể hiện tính kiên trì và linh hoạt; Vận dụng tư duy sáng tạo; Vận dụng tư duy đánh giá; Thể

hiện kỹ năng học và tự học; Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực;

Thể hiện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp; Lập kế hoạch cho nghề nghiệp của bản thân; Chọn lọc và cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật.

Trong xã hội hiện đại, toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tự động hóa. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, điều này cũng được thể hiện rõ trong mục tiêu và CĐR của CTĐT [H4.04.02.03]:

Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức hoạt động nhóm; Có khả năng phát triển nhóm.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp: Xây dựng cấu trúc giao tiếp; Áp dụng các phương pháp giao tiếp bằng văn bản; Áp dụng các phương pháp giao tiếp đa phương tiện; Áp dụng các phương pháp giao tiếp bằng đồ họa; Thể hiện kỹ năng thuyết trình

Có năng lực chuyên môn về kế toán: Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ kế toán, lập báo cáo tài chính, theo dõi sổ sách kế toán....

Hàng năm sinh viên năm cuối được thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động ngành Kế toán. Qua các đợt đi này SV đã nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân, tiếp cận với môi trường thực tế, chuẩn bị và có định hướng tốt cho công việc, học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H4.04.03.01].

Bên cạnh đó, cùng với sự hỗ trợ của công thông tin học tập trực tuyến, các diễn đàn, các mạng xã hội [H4.04.03.02] các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của cựu SV, SV khóa trước cho khóa sau giúp SV có những kênh học tập, những chia sẻ kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết, mở rộng kiến thức, khả năng tự học, tự tìm hiểu của SV.

## 2. Điểm mạnh

CTĐT của Ngành được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin. PPGD tích cực coi người học là trung tâm đã khuyến khích khả năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho người học rèn luyện các

kỹ năng, giúp người học có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn, giúp cho người học tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

### 3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo chủ yếu tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp và định hướng việc làm, các vấn đề về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế; một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm và nghiên cứu chuyên sâu hơn về đổi mới phương pháp dạy học cho cán bộ giảng viên, nhất là cán bộ giảng viên trẻ; Tăng cường hoạt động dự giờ, thao giảng và các hoạt động giảng dạy, đóng góp ý kiến hoàn thiện PPGD.	Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động tháng rèn nghề, giao lưu với doanh nghiệp, tạo môi trường học tập chủ động cho người học; Tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo CDIO.	Khoa	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá Đạt mức: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Dựa trên các mục tiêu giáo dục rõ ràng, ngành Kế toán đã đề ra những PPDG phù hợp và đúng đắn, được phổ biến rộng rãi, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết người học và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin cho người học. Tuy nhiên, cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động thực tế, tạo các môi trường giúp sinh viên có thể tìm hiểu các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, có cái nhìn thực tế về

các công ty, doanh nghiệp hoạt động. Cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người học trước và sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi cho việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 5.0

### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### ***Mở đầu***

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục. Việc giá kết quả học tập của người học được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR của ngành, đảm bảo mục tiêu đã đặt ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cũng cung cấp cho Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính các thông tin có giá trị đo lường được về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế và ban hành một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CĐR của CTĐT. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV, được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá, các phương pháp đánh giá sử dụng đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, rõ ràng, minh bạch và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học công khai, minh bạch, các quy định về phúc khảo, khiếu nại có quy định rõ ràng giúp người học có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của người học. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học ngành kế toán thực hiện đúng quy trình theo quy định của Nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, phù hợp nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.***

#### ***1. Mô tả***

Đánh giá kết quả học tập người học của ngành kế toán được thực hiện theo kế hoạch cụ thể với quy trình chặt chẽ từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được CĐR, dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hải Dương. Hàng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT Trường Đại học Hải Dương

đã Ban hành Đề án tuyển sinh với các thông tin và tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành kế toán [H5.05.01.01].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho người học sau khi trúng tuyển và học tập ngành kế toán được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Hải Dương [H5.05.01.02]. Đánh giá kết quả học tập của người học ngành kế toán được thiết kế logic, khoa học cho tất cả các học phần dựa trên mục tiêu và CDR CTĐT, trong đó chỉ rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.05.01.03]. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm thảo luận, bài tập, thuyết trình nhóm, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, thực hành, đồ án,... tùy theo yêu cầu của từng học phần và CDR tương ứng.

Nhà trường thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.04]. Thông qua Phòng Đảm bảo chất lượng Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.05]. Đối với ngành kế toán, các khóa đào tạo K10, K11 trở về trước, việc đánh giá kết quả học tập theo hệ thống tín chỉ các học phần được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập 10%, điểm thi giữa học phần 20%, điểm thi kết thúc học phần 70%.

Từ năm 2019 Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện CTĐT theo tiếp cận CDIO, thực hiện quá trình đổi mới nâng cao chất lượng CDR và khung CTĐT theo tiếp cận CDIO cho các khóa đào tạo ngành kế toán được ban hành và áp dụng cho các khóa từ K12, K13. Dựa trên CDR CTĐT, CDR các học phần cụ thể được xây dựng, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của người học và để Khoa xây dựng ma trận trình độ năng lực- CDR. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo quy trình chặt chẽ trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH, các quy định của Nhà trường với nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá rõ ràng [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04], phù hợp với mức độ đạt được CDR của ngành học, các nội dung học tập của từng học phần. Từ khóa K12, K13 việc quy định trọng số của các học phần cũng có sự điều chỉnh và thay đổi rõ ràng nhằm tăng cường đánh giá năng lực

người học, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần, hồ sơ học phần và đánh giá giữa kỳ) chiếm tỉ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỉ trọng 50% [H5.05.01.03]. Đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính thể hiện tính khách quan, đánh giá cuối kỳ được lựa chọn và đề xuất bởi các bộ môn phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng học phần đáp ứng CĐR. ĐCCT được xây dựng đảm bảo có đủ các điểm thành phần, quy định về trọng số điểm, trong đó chỉ rõ các nội dung đánh giá học phần, hình thức,... với các CĐR tương ứng.

Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành kế toán được xây dựng một cách khoa học dựa trên các văn bản hướng dẫn xây dựng đề thi nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp CĐR [H5.05.02.02]. Trên cơ sở thiết kế Bản đặc tả, ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của học phần, cho phép đánh giá được mức độ đạt CĐR của các nội dung và học phần, đặc biệt là các học phần thực hành [H5.05.01.03]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi được rà soát, điều chỉnh và bổ sung hàng năm theo công văn hướng dẫn của Nhà trường đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với CĐR CTĐT.

### 2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với người học được thực hiện theo đúng quy trình quy định, được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần. Việc đổi mới về quy định kiểm tra đánh giá, quy định về tỉ trọng của các thành phần điểm phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong CĐR, nhằm tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với người học.

### 3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá đa dạng với nhiều thành phần đáp ứng nhiều CĐR khác nhau sẽ gây khó khăn cho người dạy trong quá trình thực hiện.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học gắn liền với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần chưa được kiểm tra, giám sát thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, thảo luận hướng dẫn việc đánh giá kết quả người học đảm bảo các	Phòng ĐT/ĐBCL/	Hoàn thành 2021	Đang thực hiện

		quy chế được triển khai tốt đến người dạy và các bên liên quan.	Khoa/Bộ môn, Giảng Viên		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá. Thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CDR của CTĐT.	Phòng ĐT/ĐBCL/ Khoa/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá Đạt mức: 5/7

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập đối với người học tại Trường Đại học Hải Dương đã được Nhà trường ban hành trong quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H5.05.02.01], trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần; được thông báo công khai cho người học về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập trên Website của Nhà trường, Sổ tay sinh viên và ĐCCT các học phần cho người học [H5.05.03.05].

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần được quy định theo thang điểm chữ từ A đến F tương ứng với mức từ 0 đến 10 trong thang điểm 10 và mức từ 0 đến 4 trong thang điểm 4. Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần theo các công thức:

- Đối với học phần không có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.7$$

- Đối với học phần có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + \left( \frac{a_3 \times m + a'_3 \times n}{m + n} \right) \times 0.7$$

Trong đó:

a: điểm học phần;

$a_1$ : điểm chuyên cần;

$a_2$ : điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

$a_3$ : điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

$a'_3$ : điểm phần thực hành, thí nghiệm;

m: số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

n: số tiết thực hành, thí nghiệm.

(điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điểm cũng đã được Nhà trường quan tâm thực hiện từ rất sớm, đảm bảo sự an toàn, minh bạch và tiện lợi. Các công thức tính điểm được Nhà trường sử dụng trong phần mềm quản lý điểm CMC với những quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đánh giá: đánh giá học phần, giữa kỳ, hình thức, phương pháp và các vấn đề liên quan một cách rõ ràng, chặt chẽ [H5.05.03.01], [H5.05.03.04]. Tuy nhiên việc đánh giá một số nội dung, học phần Thực hành thí nghiệm còn chưa được quy định với các tiêu chí rõ ràng, chi tiết nên việc đánh giá còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó sự phát triển của xã hội yêu cầu các cơ sở giáo dục phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung CTĐT với các tiêu chí, CDR cần được đánh giá cụ thể. Do vậy, từ khóa đào tạo K12 nhà trường thực hiện đổi mới chương trình theo định hướng tiếp cận CDIO, các quy định về đánh giá kết quả học tập có sự thay đổi theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, đánh giá quá trình trên cơ sở CDR của CTĐT và học phần. Các hình thức đánh giá khách quan được áp dụng và trọng số điểm đánh giá quá trình được tăng lên 50%, các công thức tính điểm khác nhau đối với các loại học phần khác nhau được áp dụng [H5.05.01.03].

Căn cứ kế hoạch thời gian đào tạo và thời gian xét công nhận tốt nghiệp, thời gian thi kết thúc học phần được Phòng Đảm bảo chất lượng lên kế hoạch, được Nhà trường phê duyệt sau đó thông báo bằng văn bản cho các khoa và các phòng ban liên quan để phối hợp tổ chức kỳ thi, đồng thời thông báo lịch thi trên website của Nhà trường và tài khoản cá nhân để sinh viên biết thực hiện. Bộ môn phụ trách môn học yêu cầu cán bộ giảng dạy làm điểm quá trình (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học



phần) và điểm thi kết thúc học phần (10 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học. Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế phản hồi kết quả học tập đối với người học, bao gồm hướng dẫn thực hiện quy định đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Phòng Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá. Các vấn đề liên quan đến ý kiến của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp thời và thông tin tới người học theo đúng quy trình và thời gian quy định [H5.05.05.02], [H5.05.05.03].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác theo các quy định đã ban hành [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], bởi các giảng viên, hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Phòng ĐBCL, Phòng Đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường; được thông báo kịp thời và công khai đến người học: thông tin trên bảng tin của Phòng ĐBCL, khoa đào tạo và qua tài khoản SV [H5.05.04.04].

Định kỳ Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, kết quả khảo sát cho thấy người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập và hài lòng với các quy định, quy trình kiểm tra đánh giá của Trường [H5.05.04.03][H5.05.03.10][H5.05.04.04].

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường quy định rõ ràng, cụ thể; việc đánh giá được sự kiểm tra, giám sát của trưởng bộ môn, Phòng ĐBCL và các bộ phận chuyên trách liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn bằng cả hệ thống lưu trữ bảng điểm giấy có đầy đủ chữ ký xác nhận và trên phần mềm quản lý điểm chuyên dụng CMC thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác khảo sát ý kiến sinh viên cho từng môn học để đánh giá kết quả học tập của người học còn hạn chế, như chưa thực hiện thường xuyên, điều đặn và đầy đủ cho các học phần của ngành.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần thực hành, đồ án của ngành với các tiêu chí thống nhất, cụ thể.	P.ĐBCL/ Khoa/Bộ môn/GV	Hoàn thành vào năm 2021	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học.	P.ĐBCL/ Khoa/Bộ môn/GV	Hàng năm	Đang thực hiện

### 5. Tự đánh giá Đạt mức: 5/7

#### ***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

##### *1. Mô tả*

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Nhà trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.04] được xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01].

Nhà trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lí thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lí thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập (10%); đánh giá giữa kì (20%) và thi kết thúc học phần (70%). Hình thức kiểm tra đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.01.02], [H5.05.01.04].

Thực hiện đổi mới chương trình theo tiếp cận CDIO được Nhà trường triển khai từ năm 2019, các quy định về đào tạo hệ đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ với những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đã được ban hành theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy [H5.05.01.03]. Các quy định đã chỉ ra những thanh đối cụ thể như tăng trọng số điểm

đánh giá quá trình lên 50% bằng việc bổ sung điểm hồ sơ học phần và giảm trọng số điểm đánh giá cuối kỳ xuống còn 50%. Các hướng dẫn, quy định cụ thể về các hình thức thi, cách xây dựng ngân hàng đề thi, bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi cũng được Nhà trường hướng dẫn, quy định bằng các văn bản cụ thể [H5.05.03.03].

Thực hiện triển khai các quy định và hướng dẫn của nhà trường, từ năm 2019, ĐCCT các học phần theo tiếp cận CDIO của ngành kế toán đã được triển khai thực hiện, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CDR của CTĐT, CDR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực, cụ thể như trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ (trọng số 20%) được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần. Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần, hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần (ma trận câu hỏi thi học phần, ngân hàng câu hỏi thi học phần và bộ tiêu chí đánh giá học phần) của các học phần được xây dựng và nghiệm thu trong các đề tài CDIO, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên, các BM đã tổ chức nhiều buổi seminar đề thống nhất về tiêu chí đánh giá, đây là một trong những cơ sở để hoạt động đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

Quy trình xây dựng đề thi của các học phần theo CTĐT tiếp cận CDIO được xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 89/ ĐHHD ngày 10-02-2022 về Mục tiêu, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành đào tạo của Trường Đại học Hải Dương và QĐ số 137/ ĐHHD ngày 16-5-2022 về chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Hải Dương theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO [H4.04.02.03] với quy trình thực hiện như sau:

- 1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi;
- 2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (thể hiện mối tương quan giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu);

3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (thể hiện mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT);

4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3;

5) Xây dựng Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi tương thích giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng CĐR của môn học và CTĐT.

Các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên trong các phiên họp Bộ môn [H5.05.03.04], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Các tiêu chí đánh giá học phần đều được giảng viên thông báo công khai cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy, giảng viên tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, giảng viên báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [H5.05.03.05]. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phối hợp với cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HSSV phải bám sát quá trình học tập của người học để thực hiện quá trình giảng dạy và đánh giá người học.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [H5.05.03.08]. Việc đánh giá kết quả học tập nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan [H5.05.03.07].

Việc rà soát tình trạng đề thi theo kế hoạch của Trường được tiến hành theo từng học kỳ với các học phần đang triển khai giảng dạy; các khâu coi thi, chấm thi, đánh giá người học được thực hiện công bằng, minh bạch và nghiêm túc theo quy định của Nhà trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

## 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình với các quy định, hướng dẫn cụ thể của Nhà trường và P.ĐBCL, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp còn chưa được thực hiện đặc biệt là với các học phần thực hành, đồ án đặc thù của ngành.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát, khảo sát và phân tích sự phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần, đặc biệt là các học phần thực hành.	BM/P.ĐBCL	Thực hiện hàng năm/học kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO). Phối hợp với P.ĐBCL hoàn thiện và thực hiện tốt việc đánh giá người học.	Trưởng/P.ĐBCL/Khoa/Bộ môn/Cán bộ GD	Thường xuyên

#### 5. Tự đánh giá Đạt mức: 4/7

**Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

##### 1. Mô tả

Việc thông báo kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường quy định cụ thể trong các văn bản, quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các quy trình đánh giá được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch, kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học đảm bảo người học có điều kiện cải thiện kết quả học tập. Theo quy định, đối với điểm đánh giá quá trình, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho tất cả sinh viên biết trước khi gửi điểm về văn phòng của Khoa để nhập điểm vào hệ thống; đối với điểm đánh giá cuối kỳ, nhà trường quy định ngay sau khi thi kết thúc học phần, Phòng ĐBCL phải tổ chức dồn túi, cắt phách, và chuyển giao bài cho tổ bộ môn để các giảng viên tiến hành chấm bài và công bố kết quả cho người học chậm nhất sau 20 ngày sau khi thi.

Thông báo kết quả đánh giá được thực hiện công khai dưới nhiều hình thức: Trực tiếp từ giảng viên, trực tiếp trên bảng tin của P.ĐBCL, Khoa hoặc thông qua tài khoản người học trên website của Nhà trường. Bên cạnh việc xử lý hồ sơ giấy tờ, Nhà trường đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin từ rất sớm, đặc biệt là trong quản lý đào tạo, với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý CMC việc lưu trữ quản lý kết quả người học được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi đảm bảo phản hồi kết quả đến người học chính xác, kịp thời [H5.05.04.04].

Từ năm 2019 với việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, kiểm tra giữa kỳ của các học phần được chuyển sang hình thức trắc nghiệm khách quan, đặc biệt với ngành kế toán việc đánh giá cuối kỳ của nhiều học phần được xây dựng hình thức thi vấn đáp, thực hành máy, việc đánh giá kết quả người học được tiến hành khách quan, người học biết kết quả đánh giá ngay sau khi hoàn thành bài thi và có thể được công bố nhanh chóng sau khi đánh giá [H5.05.04.02][H1.01.02.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với người học định kỳ hàng năm [H5.05.04.03] nhằm thông tin cho người có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho người có thể học lại và học cải thiện điểm để cho người học đạt kết quả học tập tốt nhất [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Cuối mỗi kỳ học, Khoa gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình để gia đình nắm bắt được tình hình học tập rèn luyện của người học, có kế hoạch, phương án hỗ trợ người học cải thiện việc học tập phù hợp với tiến độ [H5.05.04.04].

Để nắm tình hình học tập của người học và hỗ trợ người học trong quá trình học Khoa đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp SV [H5.05.04.04], các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các SV. Định kỳ trong năm học trợ lý Quản lý HSSV và GV chủ nhiệm thực hiện rà soát danh sách SV thuộc diện cảnh báo, Hội đồng Khoa tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ SV cải thiện việc học tập. Mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học được Nhà trường [H5.05.04.03], Khoa thu thập đánh giá thông qua việc lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từng học kỳ trên cổng thông tin điện tử của người học, Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên. Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của người học và

GV [H5.05.04.04][H1.01.03.03] [H3.03.01.03][H3.03.02.05]. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được Khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.03].

### 2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình. Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý kết quả học tập của người học đảm bảo kết quả được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho người học

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có quy định về việc công bố kết quả đối với người học trong quá trình giảng dạy nhưng vẫn chưa hoàn thiện cơ chế kiểm soát việc công bố và phản hồi kết quả của người học đối với GV. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem kết quả trên phần mềm quản lý đào tạo còn bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn Thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hình thức đánh giá người học đảm bảo tính công bằng, khách quan, đa dạng và phù hợp.	Phòng Đào tạo; Đảm bảo chất lượng, Khoa Kế toán - Tài chính, Bộ môn, GV	Từ năm học 2022-2024
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đánh giá, lấy ý kiến người học nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng.	Bộ môn	Thường xuyên

### 5. Tự đánh giá Đạt mức: 5/7

**Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

#### 1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, minh bạch theo quy định của Nhà trường. Nhà trường, Khoa tạo điều kiện tốt nhất để người học dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Khi có yêu cầu khiếu nại về kết quả học tập, người học thực hiện theo quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi đã được nhà trường ban hành rõ ràng trong các văn bản quy định, hướng dẫn [H5.05.05.01], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04] theo đó quy trình thực hiện công bố kết quả học tập và khiếu nại được thực hiện như sau:

- Đối với điểm quá trình (điểm chuyên cần thái độ và kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học, người học có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần khi công bố điểm, giảng viên phụ trách học phần phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới người học. Kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được giảng viên nhập vào hệ thống quản lý điểm của Nhà trường theo tài khoản cá nhân [H5.05.05.02], báo cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, xuất bản in chuyển cho văn phòng Khoa lưu trữ. Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ trên tài khoản cá nhân [H5.05.05.03]. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ giảng dạy có thể đề nghị sửa lại điểm cho người học theo quy định [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

- Đối với kết quả đánh giá kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn thông qua bộ phận một cửa [H5.05.05.01]. Thời hạn người học phản ánh sai lệch điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Kết quả phúc khảo, kiểm tra phải được thực hiện trước 30 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị, Phòng ĐBCL phối hợp với Khoa thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa thông báo cho người học. Phòng ĐBCL cử cán bộ đảm nhận việc sửa điểm, cập nhật điểm trên hệ thống [H5.05.05.03].

Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như trên website của Nhà trường, Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên Khoa Kế toán - Tài chính, Cẩm nang sinh viên và trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.05.01], [H5.05.01.04], [H5.05.05.04].



Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học, hằng năm được Phòng ĐBCL thống kê. Việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục. Năm 2018- 2023, Khoa Kế toán - Tài chính không có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của người học ngành kế toán [H5.05.05.04]. Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến định kỳ đánh giá quy trình khiếu nại kết quả học tập và việc xử lý các khiếu nại về kết quả học tập được thực hiện, kết quả cho thấy sự hài lòng của người học và các bên liên quan [H5.05.04.03].

### 2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

### 3. Điểm tồn tại

Việc thông báo kết quả khiếu nại về kết quả học tập cho người học được thực hiện bằng văn bản, chưa được tích hợp vào hệ thống thông tin điện tử của Nhà trường.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tích hợp hệ thống thông báo kết quả khiếu nại lên website của Nhà trường vào địa chỉ cá nhân của người học	P.ĐBCL-TT/ Khoa	Năm 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của người học.	P.ĐBCL-TT/Khoa	Thường xuyên	Đang thực hiện

### 5. Tự đánh giá Đạt mức: 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Việc đánh giá kết quả người học theo CTĐT ngành kế toán được thực hiện theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, bám sát các yêu cầu của CDR

về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã trình bày trong các tiêu chí nhưng nhìn chung việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, minh bạch, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo và mục tiêu của CTĐT; tập trung vào đánh giá năng lực của người học với việc đo lường được mức độ đạt được CĐR của môn học và CTĐT. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học; được quản lý, lưu trữ, được thông báo kịp thời, chính xác và an toàn đến người học. Những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học được Nhà trường ban hành và công bố rộng rãi giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Mở đầu**

Trường Đại học Hải Dương có sứ mạng “là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước. Phát huy vai trò là trường ĐH ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước”

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị này, Nhà trường và Khoa chuyên môn đã tập trung vào việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLĐ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các hội đồng nghiệm thu các đề tài các cấp.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

*1. Mô tả hiện trạng*

Đội ngũ GV, NCV của Trường tham gia vào thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học là đội ngũ có quy mô lớn về số lượng và mạnh về chất lượng. Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích GV, NCV đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, đội ngũ GV, NCV đã chuẩn hóa về bằng cấp từ thạc sĩ trở lên [H6.06.01.01] , có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV, NCV 100% đạt trình độ ngoại ngữ B trở lên, có chứng chỉ tin học đạt chuẩn và sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng GV cơ hữu tham gia CTĐT trình độ ĐH của Trường là 346 GV, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, tham gia các HĐ nghiệm thu các đề tài các cấp. Họ có đủ trình độ và năng lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc được giao; có đóng góp rất lớn trong việc triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH ..., góp phần hoàn thành tốt các kế hoạch của Nhà trường. Để có được đội ngũ GV, NCV hùng hậu như trên là nhờ Nhà trường đã chú trọng và quan tâm đến công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV, NCV để bảo đảm đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH... của Nhà trường. Việc quy hoạch được thực hiện đồng bộ từ cấp Trường đến các đơn vị trực thuộc. Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV bao gồm những nội dung chủ yếu như: Kế hoạch phát triển đội ngũ; chính sách thu hút, tiếp nhận, bố trí, quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV được xác định, trên cơ sở các báo cáo nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong Nhà trường [H6.06.01.02], đánh giá nhu cầu hoạt động đào tạo thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm [H6.06.01.03], dự kiến mở ngành mới, các kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm [H6.06.01.04]. Năm 2018, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển

nhân sự giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược về nhân sự tại phần quy hoạch đã chỉ rõ: *về số lượng là đến năm 2020 tổng số nhân sự của Trường khoảng 350 người, trong đó có 250 giảng viên cơ hữu; Về trình độ, Trường định hướng tăng nhanh cán bộ giảng dạy có chức danh GS, PGS và 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 35% có trình độ tiến sĩ)* [H6.06.01.05]. Trong Chiến lược phát triển nhân sự giai đoạn 2018-2025 [H6.06.01.06]. Năm 2017, Nhà trường xây dựng và phê duyệt “Đề án vị trí việc làm” và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và đến năm 2023, sau khi thực hiện sáp nhập, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 – 2026 trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Trong đó đã mô tả rõ nét yêu cầu cụ thể cho các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 3 nhóm chức danh: (A) Công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: *Lãnh đạo, quản lý và điều hành các hoạt động chung của Trường theo chế độ thủ trưởng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tất cả các hoạt động của Trường;* (B) Công việc hoạt động nghề nghiệp: *Thực hiện công tác giảng dạy sinh viên, học viên; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao tri thức và dịch vụ khoa học trong lĩnh vực liên quan;* (C) Công việc hỗ trợ, phối hợp: *Công tác hành chính, tổng hợp, điều phối, phục vụ* [H6.06.01.07].

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, NCV Nhà trường được tiếp tục nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.08]. Nội dung nghị quyết nêu rõ ‘đến năm 2025, toàn Trường có 25% GV có trình độ TS, 100% GV có trình độ ThS. Tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính đạt 5- 10% trên tổng số GV. Mỗi năm cử 3 – 10 GV đi NCS và học tan nâng cao trình độ lý luận chính trị các cấp’. Giai đoạn 2018-2022, Công tác quy hoạch nguồn nhân lực được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Gần nhất, Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển đội ngũ GV, NCV giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển cụ thể đối với từng đối tượng như cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên.

Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới, thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi

phòng TC- TH tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường phê duyệt, trên cơ sở đó nhà trường lập kế hoạch nguồn nhân lực cho cả năm và trung hạn.

Về tuyển dụng nhân sự, từ năm 2011 khi nâng cấp lên đại học, Nhà trường đã tuyển đủ số lượng GV, NV, LD cho quy mô đào tạo theo Đề án nâng cấp trường. Tuy nhiên trên thực tế đào tạo đại học các năm gần đây gặp nhiều khó khăn, nhu cầu học đại học chuyên nghiệp giảm, quy mô đào tạo của các trường đại học nói chung và của Nhà trường nói riêng giảm mạnh, dẫn đến tình trạng thừa GV. Đến thời điểm hiện tại, hàng năm Nhà trường đang thực hiện tinh giản biên chế, tận dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học hiện đại. Vì vậy, giai đoạn từ 2017 đến 2021 Nhà trường không thực hiện tuyển dụng mới. Đến năm 2022, Nhà trường đã xây dựng Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động [H6.06.01.09] nhằm hướng tới mục tiêu thu hút thêm nhiều nhân lực có trình độ cao về làm việc và củng cố đội ngũ cho Nhà trường.

Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể: Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 24/02/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý [H6.06.01.010]; Thông tư quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 số 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD & ĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo [H6.06.01.11]. Hướng dẫn về công tác rà soát, bổ sung và quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các chi bộ tổ chức đoàn thể và đơn vị của trường Đại học Hải Dương tại văn bản số 125-HĐ/ĐU ngày 24/12/2021 [H6.06.01.12]. Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy và Ban Giám hiệu ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng của nhà trường, cụ thể: Quy chế thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý-quản trị Trường ĐHHĐ, giai đoạn 2017-2020 và 2020-2025; Nghị quyết của Đảng ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương VI khóa XII trong việc tái cơ cấu nguồn lực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương lao động tại văn bản số 547-NQ/ĐU ngày 06/12/2018; Quyết định số 185/QĐ-ĐHHĐ về việc phê duyệt quy hoạch chức danh Trưởng, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường Đại học Hải Dương, giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030; Quyết định số 12-QĐ/ĐU về việc Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư chi bộ giai đoạn 2022-2025 và 2025-2027 của ĐH

Hải Dương; Kế hoạch số 02/KH-ĐHHD ngày 05/1/2024 về xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các khoa, phòng, trung tâm trường thực hành sư phạm, nhiệm kỳ 2021-2026 và 2026-2031 về việc triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031; Sau khi thực hiện quy hoạch, Nhà trường có công văn báo cáo Bộ Giáo dục- Đào tạo, UBND tỉnh để phê duyệt kết quả xây dựng quy hoạch Ban Giám hiệu nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2025. Đối với CBQL các đơn vị, thực hiện hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2016-2021, nhà trường đã ban hành quyết định phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025. Đối với các chức danh lãnh đạo, Nhà trường xây dựng Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo theo từng giai đoạn.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHHD ngày 23/01/2014 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHHD [H6.06.01.13] và các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2021, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường. Quy định này là cơ sở để nhà trường chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các đơn vị tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của GD-ĐT. Trong giai đoạn 2018 -2023, Hiệu trưởng nhà trường đã ký các quyết định bổ nhiệm các trưởng khoa, Phó trưởng khoa, GĐTT, PGĐTT [H6.06.01.14]. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ thạc sĩ trở lên. Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của nhà trường tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ GD-ĐT; được phổ biến và gửi đến từng đơn vị, cán bộ, GV viên chức qua đường công văn, hộp thư điện tử của cán bộ GV.

Hàng năm, căn cứ phân tích và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của các khoa, phòng, trung tâm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVCNLD [H6.06.01.15] và Kế hoạch kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đó [H6.06.01.16]. Căn cứ kế

hoạch, nhà trường đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và người lao động đi tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cố vấn học tập, bồi dưỡng Cấp ủy cơ sở. Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV Nhà trường, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.17]. Giai đoạn 2021-2023, Hội đồng trường đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của nhà trường, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động [H6.06.01.18].

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể có trong hồ sơ lưu trữ tại Phòng TC-TH về hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động; các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có đội ngũ GV tương đối đủ về số lượng, có trình độ cao về chuyên môn, giỏi ngoại ngữ, có khả năng NCKH, đáp ứng được các yêu cầu đối với công việc của Nhà trường. Nhà trường có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác quy hoạch phát triển đội ngũ. Nhà trường có xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, có triển khai thực hiện kế hoạch, có điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS về làm công tác giảng dạy tại Nhà trường.

## *4. Kế hoạch hành động*

CBGV tại các Phòng, khoa, Trung tâm, các trường thực hành trong Nhà trường sẽ có cơ chế làm việc đảm bảo quy định, phối hợp hoạt động nhưng cũng có sự linh hoạt, hỗ trợ tối đa cho các hoạt động của CBGV, SV Nhà trường. Đặc biệt, chính mỗi GV của nhà trường bên cạnh phát triển hoạt động chuyên môn thì cũng cần tu dưỡng đạo đức để tạo ra

môi trường làm việc, học tập ngày càng tốt hơn - là một trong những lý do có thể thu hút thêm nhiều GV có chất lượng, có tâm với nghề về làm việc tại Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên Nhà trường hiện có 346 người, trong đó Phó giáo sư: 02 người (chiếm 5,7%), Tiến sĩ 45 người (chiếm 13%), NCS: 15 người (chiếm 4,34%), Thạc sĩ: 182 người (chiếm 52,6%), còn lại là các CBGVNVLD có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018. Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Nhà trường và các khoa còn mời các GV từ các trường đại học có tiếng như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Trường ĐH Kinh doanh và TM ... và một số doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy, NCKH nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện đại và thực tiễn công việc từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, căn cứ các quy định của các bộ, ngành, Nhà trường ban hành quy định chế độ chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.01], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý). Từ năm 2018 đến 2022, định mức giảng dạy của GV là 270 giờ chuẩn/năm học, năm học 2023 – 2024, sau khi Nhà trường thực hiện sáp nhập, có nhiều hệ đào tạo từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT, đại học, cao học. Vì vậy định mức giảng dạy của cán bộ, giảng viên, giáo viên được nâng lên là 300 giờ chuẩn/ năm học. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động NCKH của GV tại các đơn vị thuộc Nhà trường, từ đó làm cơ sở tính khối lượng và kết quả NCKH cho GV [H6.06.02.02].

Đầu mỗi năm học, căn cứ Dự kiến phân công nhiệm vụ giảng dạy của các đơn vị, Nhà trường ra Quyết định giao nghĩa vụ giảng dạy năm học. Cuối năm học, thực hiện nghiệm thu năm học, căn cứ kết quả nghiệm thu của các đơn vị gửi về, những trường



hợp giảng dạy vượt định mức được thanh toán số giờ vượt định mức theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Đối với trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng vượt định mức theo quy định [H6.06.02.03].

Về công tác giám sát, bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo của GV do phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra chịu trách nhiệm. Đầu năm học, phòng BĐCL – TT ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng và Kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐH HD [H6.06.02.04], trong đó có kế hoạch hoạt động cho các mảng công tác sinh viên, thanh tra giám sát thi, thanh tra giám sát quá trình đào tạo, thanh tra giám sát hồ sơ lên lớp, hồ sơ đào tạo... Căn cứ Kế hoạch, phòng BĐCL - TT tổ chức thực hiện theo thời gian đã định. Trong quá trình thực hiện, phát hiện lỗi ở khâu nào, cán bộ phòng BĐCL – TT có trách nhiệm lập biên bản sự việc [H6.06.02.05], tùy mức độ nghiêm trọng của sự việc để báo cáo lãnh đạo Trường ra phương án xử lý. Các lỗi vi phạm trên được thông báo về khoa chuyên môn để khoa họp kiểm điểm đánh giá chất lượng công tác của GV trong tháng và thông báo về Thường trực Hội đồng xét thu nhập tăng thêm Nhà trường để phạt trừ thu nhập tăng thêm của GV đó. Công tác thanh tra, bảo đảm chất lượng được thực hiện nghiêm đã góp phần chính cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo của GV, kịp thời chỉ ra những điểm tồn tại, hạn chế, các lỗ hổng trong quá trình tổ chức đào tạo để Nhà trường ngày một hoàn thiện hơn, phục vụ tốt hơn cho người học, uy tín Nhà trường được khẳng định.

Song song với hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường hết sức coi trọng. Hoạt động NCKH của Nhà trường được thực hiện theo các quy định chung của Bộ, ngành và quy định riêng của Trường. Từ năm 2016, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác NCKH cấp trường [H6.06.02.06]. Đến 20/8/2018 Nhà trường đã sửa đổi bổ sung Quy định hoạt động khoa học công nghệ cho phù hợp với thực tiễn [H6.06.02.07]. Hàng năm phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KH-CN năm học trình Hiệu trưởng ký duyệt [H6.06.02.08]. Đầu năm học, GV các đơn vị trong trường đăng ký đề tài NCKH gửi về phòng KH-CN – TT- TV tổng hợp trình Hiệu trưởng duyệt. Trong đó, ngoài các đề tài cấp trường, cấp tỉnh, hầu hết GV tại các khoa đăng ký đề tài cấp khoa là hoàn thiện các giáo trình, bài giảng hay hệ thống bài tập... [H6.06.02.09]. Đến cuối năm học, Nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá đề tài NCKH, thành viên hội đồng chủ yếu là các tiến sĩ có kinh nghiệm trong GD, NCKH thực hiện đánh giá các đề tài của GV. Sau khi

có thông báo kết quả của Hội đồng, Hiệu trưởng phê duyệt QĐ công nhận tên đề tài NCKH đối với những đề tài được đánh giá đạt trở lên [H6.06.02.10]. Công tác NCKH của GV, NV toàn trường được thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch được phê duyệt, kết quả này được tính vào nghĩa vụ NCKH đối với GV, khuyến khích GV nâng cao tinh thần kết hợp đưa NCKH vào giảng dạy, chất lượng đào tạo của Nhà trường được cải thiện dần theo từng năm học.

Để chất lượng, uy tín Nhà trường ngày một nâng cao, công tác đào tạo, NCKH phải gắn liền với các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để định hướng cho các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của CBGV, năm 2020 Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHHD [H6.06.02.11], thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2020 - 2021 và 2021 -2022 [H6.06.02.12]; Kế hoạch các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng các năm học 2021-2022 [H6.06.02.13]. Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, các đơn vị chủ động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi do Nhà trường và các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”, quỹ nhân đạo chất độc màu da cam ... Tuy nhiên, Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCĐ chưa được thuận lợi. Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Nhà trường giao về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc có đánh giá của đơn vị và gửi Nhà trường phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, lao động của các đơn vị hàng năm [H6.06.02.14]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, 100% GV đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của nhà trường trung bình trong 5 năm giai đoạn 2018-2023: đạt 16% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 62% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 17% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Thông qua hội nghị cán bộ viên chức [H6.06.02.15] và các báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường [H6.06.02.16], GV không có phàn nàn, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của các đơn vị và Nhà trường về các công việc GV đã thực hiện.

## 2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, tỷ lệ người học/GV, khối lượng công việc cũng như định mức giờ chuẩn của GV Trường được xác định rõ ràng và có văn bản quy định. Cơ bản, GV cơ hữu của nhà trường đều hoàn thành khối lượng công việc theo định mức chuẩn hoặc vượt định mức giờ chuẩn về giảng dạy cũng như NCKH. Việc thực hiện công việc của GV đều có sự đôn đốc, nhắc nhở từ phía lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo nhà trường tại các cuộc họp bộ môn, họp khoa định kỳ hay các cuộc họp giao ban cũng như có sự giám sát của nhiều phòng ban thể hiện tính công khai, minh bạch

## 3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng chưa thuận lợi.

## 4. Kế hoạch hành động

Năm 2023, Phòng TC- TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức 5/7.

**Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: (1) *Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành);* (2) *Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn;* (3) *Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H6.06.03.01].* Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng

đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H6.06.03.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, *Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức – Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, Phòng TCNS ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H6.06.03.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.*

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H6.06.03.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức.

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên*

*chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức – Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.*

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trưởng/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.03.05].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường ban hành khung năng lực, bản mô tả công việc theo từng vị trí việc làm và được triển khai từ năm 2017 để làm cơ sở cho công tác bổ nhiệm, điều động viên chức quản lý. Quy định này được phổ biến đến toàn thể đội ngũ GV, nhân viên của Nhà trường và được công khai trên website. Việc bổ nhiệm đội ngũ GV được thực hiện theo đúng quy hoạch, quy trình, công khai, minh bạch. Các quy định về tiêu chí đánh giá, tuyển chọn GV đều được Hội đồng tuyển chọn thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai. Điều này thể hiện tính khách quan, công khai, minh bạch trong công tác tuyển chọn của Nhà trường

## *3. Điểm tồn tại*

Từ năm 2011, để thực hiện nâng cấp Trường lên đại học, Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng đủ số lượng cán bộ, giảng viên. Trong quá trình đào tạo đại học từ 2011 đến nay, do tình hình khó khăn về tuyển sinh của các trường cao đẳng, đại học nói chung và Trường Đại học Hải Dương nói riêng, quy mô đào tạo Nhà trường giảm, đồng nghĩa với việc phải tinh giản bộ máy, tinh gọn đội ngũ. Nên từ 2014 đến Nhà trường chưa điều chỉnh lại và cũng chưa xây dựng mới Quy định về tuyển dụng viên chức. chỉ thực hiện tận dụng đội ngũ sẵn có, khuyến khích học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm .

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm 2023, Phòng TC- TH phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh

tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS, TS về làm GV cơ hữu của Nhà trường [H6.06.03.05].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

**Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường được mô tả trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H6.06.04.01], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên của Trường Đại học Hải Dương [H6.06.04.02] trong giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.03], trong đó tiêu chuẩn năng lực, mô tả công việc đã được xác định theo từng vị trí, nhóm công việc, cụ thể: Đề án vị trí việc làm đã xác định rõ các vị trí phân theo 3 nhóm gồm: *Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành ..... vị trí; Nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp ....vị trí; Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ ..... vị trí.*

Với nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành bao gồm: *Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng khoa (hoặc tương đương), Phó trưởng khoa (hoặc tương đương), Trưởng phòng (hoặc tương đương), Phó phòng (hoặc tương đương), Trưởng bộ môn, Phó bộ môn, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường thực hành* với nhóm này tiêu chuẩn năng lực được quy định cụ thể cho từng vị trí, ví dụ đối với vị trí Hiệu trưởng được quy định cụ thể như sau: (1) *Về hiểu biết: Năm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý;* (2) *Về trình độ: Trình độ Tiến sĩ (hoặc Thạc sĩ với một số phòng) trở lên, trình độ quản lý hành chính Nhà nước, sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ;* (3) *Về yêu cầu khác: Đã có kinh nghiệm công tác từ Trưởng bộ môn trở lên, có năng lực điều hành, có năng lực quản lý tổ chức, năng lực chuyên môn, có năng lực quản lý* [H6.06.04.04].

Với nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp bao gồm các vị trí thực hiện công tác giảng dạy như: *giảng viên các Bộ môn, giảng viên hướng dẫn thực hành, giáo viên chủ nhiệm các lớp.* Tiêu chuẩn năng lực của nhóm công việc này được quy định chi tiết với 3 năng lực chính: (1) *Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành);* (2) *Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được 1 ngoại ngữ trong chuyên môn;* (3) *Về*

*yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy.*

Căn cứ theo quy định hiện hành, phòng TC- TH kết hợp với các khoa chuyên môn, các trường thực hành đã quy định nghĩa vụ về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.05]. Theo đó, hàng năm các đơn vị đều căn cứ vào kế hoạch thi đua của Trường và lập hồ sơ đăng ký thi đua và xét thi đua hằng năm của GV (bản tự đánh giá, biên bản họp xét thi đua) [H6.06.04.06] và có kết quả đánh giá, phân loại GV hằng năm [H6.06.04.07]. Căn cứ kết quả đánh giá viên chức [H6.06.04.08] và bình xét thi đua của Hội đồng thi đua Trường, đối chiếu với quy định của Nhà trường, của tỉnh và Trung ương, Nhà trường ra văn bản đề nghị cùng báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị cấp trên (Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, Thủ tướng chính phủ) tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong năm học, ghi nhận năng lực, động viên tinh thần nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên.

Hàng năm, Bộ môn/Khoa đều lập kế hoạch dự giờ giảng định kỳ từ đó nhằm có những ghi nhận, góp ý, trao đổi nhằm đẩy mạnh hơn chất lượng giảng dạy đối với GV [H6.06.04.09]. Đối với các GV có kế hoạch GD học phần mới, trước học kỳ Nhà trường lập kế hoạch tổ chức đánh giá năng lực giảng dạy đối với GV [H6.06.04.10]. Theo kế hoạch, phòng Tổ chức - Tổng hợp ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá [H6.06.04.11], tổ chức đánh giá và ra kết quả đánh giá năng lực [H6.06.04.12]. Hồ sơ đánh giá năng lực giảng dạy được thực hiện đúng theo quy định của Nhà trường.

Mỗi năm học, bộ phận quản lý chất lượng của Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về năng lực giảng dạy của giảng viên [H6.06.04.13]. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của người học đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học [H6.06.04.14]. Công tác bình xét thi đua khen thưởng hàng năm thông qua quy trình các bước giúp các GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Trường, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

## *2. Điểm mạnh*

Năng lực của GV được đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể, rõ ràng thể hiện thông qua giờ giảng, giờ NCKH, chất lượng giảng dạy. Kết quả đánh giá dựa theo quy chế làm việc tại Trường, được báo cáo và thể hiện rõ vào cuối mỗi năm học. Các

phòng/ban, Khoa, Trung tâm, các trường thực hành đã thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chí đánh giá năng lực của GV.

### *3. Điểm tồn tại*

Kết quả về đánh giá năng lực của GV chưa thấy rõ được hiệu quả của công tác quản lý tại các đơn vị. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường đối với một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn còn chưa cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Khắc phục tồn tại: Phối hợp các đơn vị tiếp tục nghiên cứu bổ sung lượng hóa các tiêu chí trong quá trình đánh giá GV cho phù hợp với các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ các điểm tồn tại trong hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phát huy điểm mạnh: Năng lực của đội ngũ GV của nhà trường được xác định và được đánh giá thường xuyên hàng năm, với quy trình rõ ràng và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.*

***Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chiến lược công tác tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ giai đoạn 2018-2025 [H6.06.05.01] đã đặt ra mục tiêu “*Về trình độ, Trường định hướng trên 95% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (trong đó 50% có trình độ tiến sĩ); 100% giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng để sử dụng các công nghệ dạy học hiện đại; 85% cán bộ viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm*”. Sau hai năm thực hiện Chiến lược, năm 2020, Nhà trường đã tiến hành sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, từ năm 2018-2020 [H6.06.05.02].

Nhà trường cũng xác định rõ yêu cầu cấp thiết về phát triển chuyên môn của đội ngũ GV lên trình độ TS trong xu thế hội nhập và trong bối cảnh đã mở 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế và ngành Kế toán (bắt đầu tuyển sinh từ năm 2015) cũng như chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030 theo hướng mở thêm ngành đào tạo mới..... Quy trình lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được thực hiện theo quy



định của Trường về công tác đào tạo bồi dưỡng. Đơn vị sử dụng, quản lý CBVC xác định nhu cầu và chủ động đề xuất, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị gửi về Phòng TC-TH vào cuối năm [H6.06.05.03]. Phòng TC-TH tổng hợp nhu cầu của các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H6.06.05.04] trình Hiệu trưởng phê duyệt; phối hợp với các đơn vị thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt các hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng của CBVC (hồ sơ dự thi/dự tuyển; hồ sơ xin đi đào tạo, bồi dưỡng; hồ sơ gia hạn thời gian học tập) [H6.06.05.05]. Về quy trình giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: đơn vị sử dụng, quản lý CBVC phối hợp với phòng TC-TH trong việc theo dõi, quản lý CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Phòng TC-TH tham mưu, đề xuất giải quyết các chế độ có liên quan cho CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; tham mưu [H6.06.05.06], đề xuất hình thức xử lý CBVC vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng; đề xuất mức đền bù chi phí và thu hồi chi phí theo quy định; lưu trữ, cập nhật và quản lý hồ sơ CBVC đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; hàng năm, báo cáo Hiệu trưởng và các cơ quan cấp trên về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.07]. Các CBVC được cử đi học ThS, TS phải thực hiện việc gửi báo cáo tiến độ định kỳ 1 năm/lần về đơn vị quản lý trực tiếp và phòng TC-TH [H6.06.05.08]. Nhà trường còn tổ chức các buổi gặp gỡ các CBVC đi học bị quá hạn để cùng trao đổi, tìm hướng tháo gỡ khó khăn. Trong những năm qua, Trường đã có nhiều hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng hiệu quả những yêu cầu đặt ra trong đào tạo cử nhân và thạc sĩ ngành KT và QLKT, bồi dưỡng đội ngũ GV trẻ, khuyến khích và tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Trong đó có 07 nghiên cứu sinh, có 4 tiến sĩ hoàn thành chương trình đào tạo, gần 100 giảng viên đi học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), giảng viên Đại học. 05 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị, 37 giảng viên học Trung cấp Lý luận chính trị.

Bên cạnh đó từ năm 2018 đến 2020 Nhà trường đã cử 150 lượt cán bộ, nhân viên tham gia tập huấn về nghiệp vụ, chuyên môn theo từng lĩnh vực do Bộ GD&ĐT cũng như các cơ quan liên quan tổ chức, chẳng hạn như: tập huấn về nghiệp vụ Thuế, về Tuyển sinh, về Đào tạo, về Giảng dạy, về công tác HSSV, phòng cháy chữa cháy... [H6.06.05.09]. Nhằm nâng cao bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn tại Trường cũng như phối hợp với đơn vị tổ chức

khóa học về phương pháp dạy học tích cực cho 200 lượt giảng viên; năm học 2018-2019 đã mời các diễn giả có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy đại học đến chia sẻ kinh nghiệm với toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường về phương pháp giảng dạy đại học, cũng như việc thích ứng của giáo dục đại học trong thời đại 4.0. Kết quả của việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hàng năm [H6.06.05.10]

Nhà trường đã có điều chỉnh một số chính sách hỗ trợ về tài chính cho NCS như: được miễn định mức giảng dạy và NCKH, hỗ trợ lương trong thời gian ở trong nước để GV yên tâm nghiên cứu. Các GV còn được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học, các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề GV hạng I, II và III (cho GV hạng 1, 2 và 3), lớp bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho GV do Nhà trường tổ chức [H6.06.05.11]. Nhà trường cũng khuyến khích các GV trẻ đi thực tế tại các doanh nghiệp ở địa phương, tham dự các hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng các bài giảng, các nghiên cứu của mỗi GV [H6.06.05.12]. Nhà trường cũng khuyến khích các GV có trình độ chuyên môn cao tham gia hướng dẫn tập sự, đào tạo cho các GV trẻ bằng cách cho trợ giảng. Đặc biệt, năng lực của đội ngũ GV còn được nâng cao khi thực hiện các công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế [H6.06.05.13].

## *2. Điểm mạnh*

Trường đã ban hành các chính sách và quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo quy hoạch. Đội ngũ GV có trình độ SĐH được phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu phát triển Đào tạo - NCKH – Phục vụ cộng đồng.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhiều GV trẻ có kế hoạch học tập NCS tập trung cùng một lúc trong giai đoạn này gây ra tình trạng căng thẳng về nhu cầu nhân lực trong giảng dạy. Các GV vừa nghiên cứu vừa phải tham gia giảng dạy cũng như các hoạt động khác dẫn đến việc kéo dài tiến độ học tập.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Trường tiếp tục có các chính sách quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn

của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành và phát triển chuyên môn theo đúng quy hoạch.

- Đội ngũ GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký học các lớp bồi dưỡng nhằm đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy và NCKH, mở rộng kết nối hợp tác trong nước và quốc tế.

- Nhà trường có giải pháp điều phối công việc thích hợp, có giải pháp ưu tiên thời gian, hỗ trợ các NCS ở giai đoạn cuối hoàn thành việc nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Định mức thời gian dành cho giảng dạy, NCKH và thực hiện các công tác khác của GV được thực hiện theo quy định về chế độ làm việc đối với GV [H6.06.06.01]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả GV [H6.06.06.02]. Nhà trường có các quy định, quy trình tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động CBVC dựa trên các tiêu chí cụ thể với các mức xếp loại: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H6.06.06.03]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn [H6.06.06.04]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho CBVC có ý thức trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H6.06.06.05].

Hoạt động NCKH được Nhà trường khuyến khích. Trong Quy định về thu nhập tăng thêm, Nhà trường đã đưa vào tiêu chí cộng điểm cho GV có công trình được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước, quốc tế uy tín (SCI, SCIE, ISI, Scopus). Hoặc GV có thể lựa chọn quy đổi công trình khoa học sang nghĩa vụ NCKH của năm theo Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên. Ngoài ra các GV có thành tích xuất sắc

sẽ được giới thiệu, đề nghị cấp trên tặng thưởng cho các danh hiệu khen thưởng cao hơn như Bằng khen của Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND Tỉnh. Trong 5 năm trở lại đây, có ..... GV của trường được nhận Bằng khen của Chính Phủ, có nhiều GV được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng của UBND tỉnh, Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn giáo dục Việt Nam và nhiều GV được nhận bằng khen các cấp [H6.06.06.07]. Ngoài các hình thức khen cao, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh ... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy khen và thưởng tiền kèm theo cho những cán bộ, giảng viên có thành tích cao trong các mặt công tác [H6.06.06.08] động viên, khích lệ thành tích của cán bộ, giảng viên.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của GV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV [H6.06.06.08]. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, NV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho NV Nhà trường.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa có mẫu khảo sát ý kiến GV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến GV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

5. *Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.*

***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. *Mô tả hiện trạng*

Các hoạt động NCKH của GV trong Trường được thực hiện theo qui định. Trong đó các hoạt động KHCN của Trường đã được xác lập với những hoạt động cụ thể hướng tới phát triển KHCN, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hoạt động NCKH cho GV, SV [H6.06.07.01]. Hoạt động NCKH bao gồm các hoạt động: thực hiện đề tài, dự án các cấp, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH, tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, tham gia các seminar học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về NCKH, phân biện bài báo khoa học,... Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện thống kê và xác định rõ ràng, Phòng BĐCL-TT giám sát và đánh giá tổng kết vào cuối mỗi năm học và công bố tại Báo cáo tổng kết năm học [H6.06.07.02]. Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của Trường: GV đăng ký đề tài NCKH với Khoa theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của Phòng NCKH- Thông tin thư viện; Hội đồng Khoa học tổ chức xét duyệt tên các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh của đề tài của chủ nhiệm đề tài; Phòng NCKH- Thông tin thư viện thẩm tra các đề tài đề xuất trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học Trường [H6.06.07.03]. Hoạt động NCKH được triển khai, bắt đầu từ cấp BM đến Khoa, đến Phòng KHCN - Thông tin - Thư viện; chú trọng từ khâu nắm bắt, đề xuất ý tưởng và nhu cầu từ thực tiễn công việc, cho đến việc tham gia tuyển chọn, viết thuyết minh và triển khai thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN. Điều này được thể hiện trong các báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện hàng tháng, hàng năm của các đơn vị và Nhà trường. Các kết quả NCKH cũng được thống kê hàng năm để lưu trữ, công bố trên web của Nhà trường để truyền thông, cũng như làm cơ sở để BM, Khoa đánh giá thi đua hàng năm và cải tiến chất lượng hoạt động NCKH. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường có 630 đề tài các cấp; Số giáo trình, sách chuyên khảo 08 cuốn; Số bài báo khoa học là 34 bài, trong đó có 10 bài đăng trên tạp chí quốc tế; Tổ chức

được 05 Hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường và 02 giải thưởng sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh [H6.06.07.04]. Mặc dù còn khá non trẻ số GV dưới 45 tuổi chiếm hơn 60%, số đề tài/ dự án các cấp đã được triển khai trong 5 năm gần đây đã thể hiện được năng lực NCKH của các GV trong Nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động KHCN hiện vẫn chủ yếu tập trung vào một vài GV lâu năm, có trình độ cao cùng với nhóm nghiên cứu. Trường đã tổ chức các hội thảo khoa học cấp Trường, hợp tác tổ chức hội thảo khoa học quốc gia [H6.06.07.05].

### *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động NCKH ngày càng được quan tâm đẩy mạnh do Lãnh đạo các đơn vị có năng lực và rất tâm huyết với NCKH. Đặc biệt, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế của các GV sẽ gia tăng do nhu cầu công bố trong nước và quốc tế của các NCS.

### *3. Điểm tồn tại*

Số lượng công bố quốc tế còn khiêm tốn. Việc kết nối tạo các nhóm nghiên cứu liên ngành trong việc tổ chức, triển khai viết thuyết minh, thực hiện các đề tài/ dự án KHCN với các đơn vị trong và ngoài Trường còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Lãnh đạo các đơn vị tiếp tục giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của các GV trong đơn vị, khuyến khích các GV xuất bản các bài báo khoa học đăng trong các tạp chí của trường, trong nước và quốc tế.

- Nhà trường tăng cường triển khai, tạo kết nối với các Khoa, Viện, Trung tâm trong và ngoài Trường để hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, đồng thời phát triển các định hướng NCKH, đề tài trong thời gian tới

### *5. Tự đánh giá : Tiêu chí đạt mức: 4/7.*

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6***

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy được đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhiều GV có trình độ và kinh nghiệm lâu năm trong giảng dạy và NCKH. Công tác quy hoạch đội ngũ nguồn nhân lực GV được chú trọng và gắn với định hướng phát triển của Trường trong dài hạn. Các quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện công khai theo quy định, phù hợp với chuẩn chung của các trường đại học, Luật Giáo dục đại học và theo định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế. Các chính sách hỗ trợ, hình thức khen thưởng của Trường khá đa

dạng, có tác dụng khuyến khích GV chủ động phát triển năng lực và tham gia NCKH, góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của Trường ĐH HD. Công tác quản lý GV của nhà trường được thực hiện theo quy định, phân loại được kết quả công việc của GV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ. Trường đã ban hành các chính sách về quy hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV rõ ràng, công khai, minh bạch; hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để các GV hoàn thành việc học NCS theo đúng quy hoạch đề ra.

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,42

### **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

#### ***Mở đầu***

Nhà trường và Khoa luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực với thành phần bao gồm cả đội ngũ giảng viên, NCV và đội ngũ nhân viên [H7.07.01.01].

Về năng lực và trình độ chuyên môn, từ khi Trường được nâng cấp lên đại học năm 2011, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường đã tích cực khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên đi học nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp

vụ. Đến nay, đội ngũ chuyên viên các phòng chức năng, nhân viên kỹ thuật hầu hết đã chuẩn hóa về bằng cấp từ Đại học trở lên [H7.07.01.02], có trình độ chuyên môn, có trình độ lý luận chính trị, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có tuổi đời trẻ, trung bình dưới 40 tuổi, 100% đạt trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo máy tính phục vụ tốt công tác chuyên môn.

Năm 2017 Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 30/11/2017. Đến năm 2023, sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập Trường, đề phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nhà trường tiếp tục xây dựng Đề án Vị trí việc làm, giai đoạn 2023 - 2026 [H7.07.01.03]. Trong đó quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn tối thiểu từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Về quy hoạch đội ngũ. Năm 2022, Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/TU ngày 30/3/2022 và Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 30/3/2022 của Tỉnh uỷ về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020 - 2025, 2021 -2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2025 - 2030, 2026 - 2031, Đảng uỷ đã họp bàn ra thống nhất về kế hoạch rà soát, quy hoạch chức danh Trưởng, Phó đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc trường và quy hoạch chức danh Bí thư, Phó bí thư chi bộ thuộc Đảng bộ Trường Đại học Hải Dương. Kế hoạch nêu rõ các tiêu chí, đối tượng và nguyên tắc đánh giá, lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch. Trong đó đối tượng chuyên viên, nhân viên cũng như viên chức quản lý, giảng viên đều thuộc đối tượng được đánh giá. Việc rà soát và lấy tín nhiệm quy hoạch được triển khai từ cấp cơ sở đơn vị, chi bộ. Danh sách nhân sự được tín nhiệm quy hoạch tại đơn vị cơ sở được tổng hợp trình xin ý kiến tại Hội nghị của Đảng uỷ Nhà trường. Trong Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý cấp đơn vị và Chi bộ. Kết quả quy hoạch, có 7/81 lượt quy hoạch vào chức danh Trưởng, Phó đơn vị là Chuyên viên, Nhân viên đang công tác tại các phòng, trung tâm thuộc Trường. [H7.07.01. 04], [H7.07.01. 05].

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, để chuẩn bị cho công tác rà soát quy hoạch lại cán bộ, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-ĐHHD ngày 05/01/2024



về việc xây dựng quy hoạch lãnh đạo, quản lý các phòng, khoa, trung tâm, trường thực hành sư phạm nhiệm kỳ 2021-2026, 2026 -2031.

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên của Nhà trường hầu hết có trình độ, năng lực chuyên môn từ đại học trở lên, tuổi đời còn trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trên thực tế, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, có trình độ cao, đây là một thuận lợi cho công tác quy hoạch đội ngũ.

## *3. Điểm tồn tại*

Như đã nêu trên phần Điểm mạnh, đội ngũ nhân viên của Nhà trường có một nửa là giảng viên kiêm nhiệm, đảm nhiệm cả công tác giảng dạy và công tác chuyên môn tại các phòng, khoa, trung tâm. Một số vị trí có nhiều nhiệm vụ, dẫn đến chưa chín chu trong các mảng công việc.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Tiếp tục khuyến khích đội ngũ chuyên viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ.
- Xây dựng bổ sung quy định về chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên.
- Đề án Vị trí việc làm mới khi được phê duyệt và thực hiện sẽ giảm bớt được tình trạng kiêm nhiệm chông chéo nhiệm vụ cho đội ngũ nhân viên.

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.*

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trước năm 2017 việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định trong văn bản về Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với các tiêu chí cụ thể như sau: *Đảm bảo công khai, dân chủ; Đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; Việc tuyển dụng thông qua Hội đồng tuyển dụng của Nhà.* Khi Đề án vị trí việc làm được ban hành thì việc tuyển dụng được thực hiện theo đúng các tiêu chí đã được mô tả cho từng vị trí công việc, chẳng hạn như với vị trí giảng viên thì ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí sau: *(1) Về hiểu biết: Hiểu và vận dụng đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững kiến thức (cả về lý thuyết và thực hành); (2) Về trình độ: Học vị Thạc sĩ trở lên, sử dụng được*

*I ngoại ngữ trong chuyên môn; (3) Về yêu cầu khác: Qua lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng tin học vào giảng dạy [H7.07.02.01]. Các văn bản: Quy định tuyển dụng và ký hợp đồng lao động hay Đề án vị trí việc làm đều được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục của Nhà nước.*

Về việc lựa chọn và điều chuyển nhân viên được Nhà trường thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 44/2020/QĐ-UB ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý [H7.07.02.02]. Khi có đơn vị thuộc trường có văn bản đề nghị bổ sung nhân sự, *Phòng Tổ chức nhân sự (nay là Phòng Tổ chức – Tổng hợp) xây dựng kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng và xin ý kiến Đảng uỷ về điều động viên chức nhằm khắc phục việc thiếu nhân sự đảm nhận các mảng công tác chuyên môn nghiệp vụ. Khi được sự nhất trí của Đảng uỷ và Hiệu trưởng, Phòng TCNS ra Thông báo bổ sung nhân sự cho đơn vị thuộc Trường [H7.07.02.03], Thông báo được công khai gửi đến toàn thể cán bộ, viên chức qua Email. Trong Thông báo có mô tả rõ về vị trí việc làm, công việc đảm nhận, tiêu chuẩn trình độ và kinh nghiệm làm việc để toàn thể viên chức trong Trường có thể đối chiếu, nếu phù hợp có thể nộp hồ sơ ứng tuyển về phòng Tổ chức nhân sự. Hết thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Tổ chức nhân sự báo cáo trình tập thể Lãnh đạo Trường cùng đánh giá và đưa ra lựa chọn ứng viên phù hợp nhất. Đại diện Lãnh đạo Trường hoặc Trưởng phòng Tổ chức nhân sự mời các ứng viên lên lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của viên chức ứng tuyển. Đối chiếu với kết luận của Tập thể Lãnh đạo, nếu viên chức được chọn hoàn toàn nhất trí, Nhà trường ra Quyết định điều động.*

Sau khi thực hiện Đề án Sáp nhập trường, ngày 12/9/2023, Nhà trường đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý và điều động viên chức làm việc tại Trường theo Quyết định số 499/QĐ-ĐHHD [H7.07.02.04]. Quy chế đã quy định rõ trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động và bổ nhiệm đối với viên chức:

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ về điều động: *Phòng Tổ chức - Tổng hợp xây dựng*

*kế hoạch hoặc tờ trình Hiệu trưởng về điều động đối với viên chức nhằm tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và phục vụ yêu cầu công tác, trong đó xem xét trình độ chuyên môn đáp ứng công việc và nguyện vọng trước khi điều động của viên chức. Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng, Phòng Tổ chức – Tổng hợp thông báo đến đơn vị có viên chức được điều động và đơn vị được nhận viên chức điều động.*

Khi xây dựng các văn bản quy định về tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường đều gửi đến các đơn vị trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý xây dựng. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, bản Quy định được hoàn thiện, ban hành và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như các cuộc họp giao ban lãnh đạo chủ chốt Nhà trường, bằng văn bản gửi qua thư điện tử tới Trường/Phụ trách các đơn vị, để triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H7.07.02.05].

## *2. Điểm mạnh*

Các tiêu chí tuyển chọn để điều chuyển, bổ nhiệm của Nhà trường đầy đủ, rõ ràng và đầy đủ cho các đối tượng từ cán bộ, giảng viên, giáo viên đến chuyên viên, nhân viên. Điều này phần nào thúc đẩy được sự cố gắng, nỗ lực, chí tiến thủ của đội ngũ nhân viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Hiện nay Nhà trường chưa xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Tiếp tục triển khai xây dựng Quy chế tuyển dụng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. Bên cạnh đó tiếp tục rà soát, đối chiếu quy định về tiêu chuẩn đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, trình độ chính trị đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Từ đó thực hiện tinh giản đối với những vị trí không hiệu quả để có kế hoạch tuyển dụng mới, làm mới đội ngũ.

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chuẩn 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Hải Dương và Quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, Phòng Tổ chức nhân sự, nay

là Phòng Tổ chức - Tổng hợp là đơn vị được giao phụ trách công tác đánh giá chất lượng công việc cán bộ, giảng viên, nhân viên lao động, với chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]

Năm 2019 Nhà trường ban hành Bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên [H7.07.03.03], Bộ tiêu chí đánh giá được xây dựng để đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên theo 4 nhóm: (1) Lãnh đạo Khoa, (2) Lãnh đạo Phòng, (3) Giảng viên, (4) Nhân viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng, chi tiết:

Phiếu đánh giá nhân viên bao gồm 4 tiêu chí với tổng điểm 100: *Yêu cầu chung (bao gồm chấp hành nội quy, tác phong, hoàn thành công việc) 20 điểm; Năng lực và phương pháp làm việc 30 điểm; Phẩm chất và thái độ 30 điểm; Kết quả làm việc 20 điểm.*

Năm 2023, theo đặc điểm tình hình mới sáp nhập, Nhà trường đã ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, lao động.

Định kỳ tháng 6 hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên theo quy trình cụ thể sau: (1) Phòng Tổ chức soạn thảo Kế hoạch/Hướng dẫn, mẫu phiếu đánh giá đánh giá trình Hiệu trưởng duyệt và ban hành cho các đơn vị thuộc trường [H7.07.03.04]. (2) Cá nhân tự đánh giá (3) Quản lý cấp trên đánh giá theo từng đơn vị, lãnh đạo đơn vị tổng hợp kết quả gửi về Phòng Tổ chức nhân sự; (4) Phòng Tổ chức nhân sự tổng hợp kết quả đánh giá từ các đơn vị để trình Hội đồng thi đua khen thưởng Trường xét duyệt [H7.07.03.05]; (5) Kết quả xét duyệt của Hội đồng được thông báo gửi bằng văn bản tới các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.03.06].

Sau mỗi đợt đánh giá của từng năm học, Phòng Tổ chức nhân sự được giao trách nhiệm lưu trữ phiếu đánh giá, dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá, hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, bằng bản cứng và bản mềm.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ, viên chức, lao động đầy đủ, cụ thể. Công tác tổ chức đánh giá hàng năm được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch, bài bản, đúng quy trình.

## 3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên, nhân viên khi thực hiện góp ý, phê bình cho đồng nghiệp và tự phê bình bản thân đôi khi còn cả nể, hời hợt, dẫn đến kết quả đánh giá chưa thực sự chính xác.

Nhà trường chưa thực hiện khảo sát về độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá nhân viên.
- Năm học 2023 – 2024 Nhà trường đã tiến hành xây dựng Phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát đo độ hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên Nhà trường và đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của người học.

#### *5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu này. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng [H7.07.04.01]. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xác định qua hai kênh. Kênh thứ nhất xuất phát từ nguyện vọng đăng ký được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân. Khi có nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, cá nhân nhân viên làm đơn/tờ trình xin đi học nâng cao trình độ/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gửi lãnh đạo Nhà trường xét duyệt. Trên cơ sở ý kiến xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi nhân viên làm việc, lãnh đạo Nhà trường xét thấy việc đi học/ bồi dưỡng là cần thiết và chính đáng thì duyệt đồng ý và chuyển sang Phòng TC-TH ra quyết định cử đi học hoặc đi bồi dưỡng. Kênh thứ hai xuất phát từ phía Nhà trường cần cử nhân viên đi học tập/tập huấn/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Khi có các khóa/lớp tập huấn/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, Nhà trường cử đích danh nhân viên đi học. Đối với các viên chức trong nguồn quy hoạch, Nhà trường đã liên kết mời giảng viên và cử .... người đi học lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý cho đối tượng Trưởng, Phó phòng và tương đương. Công tác bồi dưỡng được nhà trường hết sức quan tâm [H7.07.04.02]. Nhà trường luôn tạo điều kiện về mọi mặt (thời gian, nhân lực, kinh phí) để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Đối

với các khóa học/bồi dưỡng/tập huấn/thi nâng ngạch ngắn hạn, Nhà trường đều có chính sách hỗ trợ kinh phí học tập, đi lại, ăn, ở từ .... đến 100% học phí/lệ phí/chi phí tùy thuộc vào địa điểm học, số lượng nhân viên đi học của mỗi đợt, tính chất cần thiết, quan trọng của khóa học. Các trường hợp này, kinh phí được hỗ trợ ngay khi đi học/bồi dưỡng/tập huấn theo quy định và thực tế công việc. Đối với các trường hợp xin đi học dài hạn nâng cao trình độ (cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ), Nhà trường hỗ trợ kinh phí đào tạo theo mức quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.04.03]. Trong các trường hợp này, kinh phí hỗ trợ cho nhân viên sau khi có bằng tốt nghiệp báo cáo về Trường. Từ năm 2018 đến năm 2023, Nhà trường đã cử trên 150 lượt nhân viên đi học tập/đào tạo/bồi dưỡng từ ngắn hạn đến dài hạn [H7.07.04.04]. Điều này đã làm cải thiện đáng kể trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, tạo động lực cho đội ngũ này phấn đấu và cống hiến nhiều hơn trong công tác.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo/bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thể hiện qua việc đồng ý và hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện về thời gian để nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Nhà trường có kế hoạch về đào tạo/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và đã triển khai thực hiện trên thực tế.

### *3. Điểm tồn tại*

Vì những điều kiện khách quan và chủ quan, Nhà trường chưa thật sự chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ để họ có thể thích ứng tốt với công việc sau khi được bổ nhiệm.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ đầu năm học 2023- 2024, Nhà trường sẽ quan tâm triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ.

- Phòng TC-TH; Phòng HC- QT; các phòng chức năng; Các trung tâm... khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

- Từ năm học 2023-2024, Phòng TC-TH; Phòng HC- QT; các phòng chức năng; các trung tâm... chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức 5/7.

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

1. Mô tả hiện trạng

Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2023 – 2026 của Trường Đại học Hải Dương [H7.07.05.01] đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, mô tả công việc và khung năng lực, trình độ chuyên môn từng vị trí việc làm như cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kỹ thuật, phục vụ, lễ tân, bảo vệ, lái xe trình cấp có thẩm quyền thẩm định. Việc đánh giá NV được Nhà trường quy định cụ thể [H7.07.05.02]. Các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc đều được lấy ý kiến từ tất cả CBGVNVLD [H7.07.05.03]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động của NV dựa trên các đánh giá nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng của đơn vị. Cuối năm, căn cứ mức độ đánh giá các tháng, đơn vị họp và bình xét, đánh giá cho NV theo các mức: không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H7.07.05.04]. Các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn được quy định tại Quy định về Thi đua, khen thưởng của Nhà trường. [H7.07.05.05]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng lao động, thi đua và khen thưởng hàng năm giúp cho đội ngũ NV có ý thức trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt các công việc được giao. Kết quả xếp loại chất lượng lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của nhà trường trong 5 năm gần đây trung bình đều đạt trên 80% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ, 90% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Nhiều đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến [H7.07.05.06], [H7.07.05.07]

Ngoài các hình thức thi đua, vào cuối năm học, sau khi có kết quả nghiệm thu về giảng dạy, NCKH, tuyển sinh ... Hiệu trưởng Nhà trường còn ra quyết định tặng Giấy

khen và thưởng tiền kèm theo cho những CBGVNV có thành tích cao trong các mặt công tác [H7.07.05.08]động viên, khích lệ thành tích của CBGVNV.

Tính đến thời điểm hiện nay trong Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các NV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của NV về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm.

Để khích lệ, động viên CBGVNV yên tâm công tác, đạt thành tích cao trong các hoạt động chuyên môn, Nhà trường còn thực hiện xét thu nhập tăng thêm cho toàn thể CBGVNV [H7.07.05.09]. Theo đó, ngoài lương, hàng tháng, NV còn được hưởng phần thu nhập tăng thêm dựa vào bình xét kết quả, chất lượng lao động tại đơn vị. Điều này đã góp phần làm giảm bớt khó khăn về kinh tế, nâng cao đời sống cho NV Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có các tiêu chí đánh giá, phân loại lao động, các hình thức khen thưởng đa dạng đến từng đối tượng như GV, NV, LD.

- Quy định về thu nhập tăng thêm của Nhà trường là một động lực thúc đẩy NV hăng say công tác, cố gắng thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn công việc được giao.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát ý kiến NV về mức độ hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Nhà trường tiếp tục ban hành các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả hoạt động của NV và có các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho NV trong mọi lĩnh vực công tác.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TC-TH xây dựng mẫu phiếu khảo sát và triển khai thực hiện lấy ý kiến NV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc hàng năm.

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt, mức 5/7.*

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

Đội ngũ nhân viên các phòng, khoa, trung tâm, các đơn vị trực thuộc Trường hỗ trợ tham gia vào thực hiện CTĐT của Trường đủ về số lượng, mạnh về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, nhiệt tình, tận tụy với công việc. Với cách tổ chức và điều hành bài bản, khoa học, có hệ thống, từ công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào



tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đến công tác đánh giá, xếp loại, công nhận, khen thưởng đã tạo ra đội ngũ nhân viên có chất lượng, đủ sức thực hiện và hoàn thành tốt các kế hoạch, nhiệm vụ của Nhà trường. Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Nhà trường thừa nhận vẫn còn một số hạn chế nhất định trong công tác cán bộ đối với đội ngũ nhân viên như công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị hỗ trợ còn ở mức khiêm tốn; chưa sâu sát đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ nhân viên trong diện quy hoạch; tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá nhân viên còn chung chung, mang tính định tính, chưa được lượng hóa thật cụ thể. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ sớm khắc phục những hạn chế này để đội ngũ nhân viên thực sự vững mạnh, yên tâm công tác và cống hiến, góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác đào tạo, NCKH ...

- Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:

+ Điểm trung bình của tiêu chuẩn Đạt, mức 4,5/7 điểm.

+ Tỷ lệ số tiêu chí Đạt: 100%.

### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học**

***Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

#### *1. Mô tả*

Nhà trường đã ban hành đề án tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 có ghi rõ quy mô đào tạo, thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất. Trong mục các thông tin của năm tuyển sinh đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi và phương thức tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định rõ ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo. Hồ sơ và thời gian, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển và học phí dự kiến với sinh viên chính quy, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm cũng được quy định rõ ràng [H8.1.01]. [H8.01.02]. [H8.01.03]. [H8.01.04].

Các đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh hàng năm. Cụ thể như Đề án tuyển sinh năm 2023 có ghi rõ 4 phương thức tuyển sinh chính quy trình độ đại học. Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.01.01.10]. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo thống kê tuyển sinh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong báo cáo thống kê có ghi rõ số sinh viên tuyển mới, quy mô tuyển sinh chia năm theo chương trình đào tạo, thống kê tốt nghiệp có ghi rõ phân loại

tốt nghiệp theo các loại: xuất sắc, giỏi, khá, trung bình. [H8.01.02]. Đồng thời, hàng năm sau khi kết thúc tuyển sinh, Nhà trường đều báo cáo tổng hợp danh sách thí sinh trúng tuyển - nhập học theo các chương trình/hình thức đào tạo. Trong báo cáo có ghi rõ số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học tại các ngành đào tạo. [H8.1.02.01- H8.1.02.02]. Điểm trúng tuyển đại học chính quy hàng năm theo các phương thức cũng được công khai, công bố rõ ràng [H8.1.02.03].

Chính sách tuyển sinh được cập nhật kịp thời. Trước khi thông báo tuyển sinh, Nhà trường có ban hành kế hoạch Tư vấn tuyển sinh, trong đó phân công rõ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, các phương án thực hiện, ví dụ như bản mềm thông tin tuyển sinh được dùng quảng bá trên mạng xã hội và lập các trang Fanpage cấp khoa/trung tâm... để phục vụ công tác tuyển sinh [H8.1.03.01]. Thông báo tuyển sinh có ghi rõ phương thức xét tuyển, chỉ tiêu xét tuyển, cơ hội việc làm trong quá trình học tập và sau tốt nghiệp. [H8.1.03.02- H8.1.03.04]. Sau khi có kết quả tuyển sinh, Nhà trường tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác tuyển sinh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học tiếp theo. Ban Giám hiệu nhà trường có phân công Trung tâm tuyển sinh tổng hợp các số liệu tuyển sinh trong 3 năm gần nhất để làm dữ liệu đánh giá, đối sánh. Hội nghị cũng chỉ rõ tồn tại của công tác tuyển sinh là một số ít đơn vị chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ công tác tuyển sinh. [H8.1.03.05]. Từ đó đề ra phương hướng phát triển các chương trình đào tạo mới, ngành học mới và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm sau [H8.1.03.06].

2. *Điểm mạnh*: Các văn bản liên quan đến tuyển sinh được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định.

3. *Điểm tồn tại*: Một vài đơn vị trong Nhà trường còn chưa thực sự chú trọng đến công tác tuyển sinh.

4. **Kế hoạch hành động** (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tập trung chú trọng vào công tác tuyển sinh	Các khoa chuyên môn	Tháng 4 năm 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển sinh	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	
---	--------------------	---------------------------------------	-----------------------	------------------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

***1. Mô tả***

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng trong Đề án và kế hoạch tuyển sinh. Các phương thức tuyển sinh được quy định phù hợp, Trong các phương thức xét tuyển có ghi rõ các đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.01.01.10].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cũng được rà soát và đánh giá hàng năm. Điều này được thể hiện ở Hội nghị đánh giá công tác tuyển sinh. Hội nghị đã phân tích và đánh giá thực trạng mức độ tuyển sinh, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong công tác tuyển sinh, có đối sánh với 3 năm gần nhất để đề ra phương án tuyển sinh năm tiếp theo. [H8.1.03.01]. Không chỉ thể hiện trong Hội nghị tuyển sinh hàng năm, tại các cuộc họp của khoa chuyên môn cũng thảo luận, trao đổi và có ý kiến góp ý về các phương án tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả. [H8.1.03.02].

***2. Điểm mạnh:*** Đề án và kế hoạch tuyển sinh quy định rõ ràng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

***3. Điểm tồn tại:*** Chưa tiến hành khảo sát về chất lượng sinh viên của các ngành đào tạo để đánh giá chính xác công tác tuyển chọn người học hàng năm

***4. Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)***

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát chất lượng sv các ngành đào tạo	Phòng CTSV-VL, các khoa chuyên môn	Tháng 6 năm 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho phù hợp với năm học mới	Phòng Đào tạo đại học	Tháng 3 năm 2024	
---	--------------------	--	-----------------------	------------------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học***

***1. Mô tả***

Nhà trường có bộ phận cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Quy trình giám sát sự tiến bộ của người học được ban hành ngay từ đầu năm học. [H8.3.01.01]. Hệ thống giám sát người học được quy định theo từng cấp, từ trưởng các phòng Đào tạo, Công tác sinh viên. Tại các phòng chức năng trên có phân công cụ thể cán bộ nhân viên phòng phụ trách theo dõi sinh viên từng khoa, từng ngành. [H8.3.01.02]. (*Danh sách CBNV được phân công giám sát*) Đầu năm học, nhà trường ban hành Quyết định giao nhiệm vụ chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập. Trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên cũng ghi rõ: Chủ nhiệm lớp học sinh, sinh viên hỗ trợ, quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học sinh, sinh viên. Đồng thời, Nhà trường cũng quy định hàng tháng các chủ nhiệm lớp gửi báo cáo tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên các lớp về phòng Công tác sinh viên – Việc làm, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm tập hợp báo cáo Lãnh đạo trường. Vì thế nên việc chấn chỉnh tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên được thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả. [H8.3.01.03 - H8.3.01.06]. Nhà trường cũng ban hành quyết định phân công Hội đồng đánh giá rèn luyện sinh viên. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện việc đánh giá rèn luyện sinh viên theo đúng quy trình: Cấp cá nhân sinh viên, cấp lớp, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm rà soát trình Hội đồng họp đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên [H8.3.01.07 - H8.3.01.09]. Không chỉ có quy định đánh giá rèn luyện sinh viên theo học kỳ, vào cuối khóa học, khi xếp loại kết quả tốt nghiệp của sinh viên, căn cứ vào kết quả học

tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng đề xuất Hội đồng khen thưởng những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc [H8.3.01.10]

Hệ thống giám sát của nhà trường phù hợp với kết quả học tập và khối lượng học tập của người học. Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ. Trong đó có xây dựng chương trình đào tạo và thời gian học tập. Việc đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học cũng được quy định rõ ràng [H8.3.01.10.12]. Trong Quy chế đào tạo của Nhà trường có quy định rõ thời gian cảnh báo học vụ của sinh viên được thực hiện theo từng học kỳ, sau khi có kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập nhằm giúp sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Các diện buộc thôi học và quy trình cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với sinh viên cũng được quy định rõ ràng [H8.3.01.10.15]. Những sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ được ghi tên kèm kết quả học tập, ban hành thành văn bản gửi về các khoa chuyên môn và chủ nhiệm lớp để sinh viên được biết. [H8.3.01.11]. Từ đó các em có kế hoạch và phương pháp cố gắng trong học tập. Trong các cuộc họp giữa Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các trưởng khoa chuyên môn, chủ nhiệm lớp, Bí thư đoàn thanh niên, Hội sinh viên cũng nêu rõ tình hình học tập và rèn luyện của các lớp sinh viên, cùng trao đổi, thảo luận và đề ra biện pháp quản lý, giám sát sinh viên cho phù hợp [H8.3.01.12]. Sau mỗi học kỳ, khi có kết quả học tập và rèn luyện, Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên gửi kết quả về các khoa chuyên môn để Chủ nhiệm lớp thông báo cho các sinh viên được biết. [H8.3.01.13]. [H8.3.01.14]. Sự phản hồi về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cũng được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tháng của chủ nhiệm lớp gửi về phòng Công tác sinh viên – việc làm tập hợp trình Ban Giám hiệu nhà trường, từ đó có sự chỉ đạo và uốn nắn kịp thời từ cấp trên [H8.3.01.03 - H8.3.01.06]. Trong mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng sinh viên đều tiến hành họp, đối sánh với kết quả của năm trước để đề ra chỉ tiêu cho năm tiếp theo. Tuy nhiên thực tế cho thấy còn có những sinh viên chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện, chưa xác định rõ mục tiêu học tập nên còn thờ ơ với kết quả khi được thông báo.

### **BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Lớp	Xếp loại HT	Năm 2020-2021		Năm 2021-2022		Năm 2022-2023		
		Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	
		Giỏi	0	50%	0	0	0	

	Khá	100%	50%	0	100%	50%	50%	
	Trung bình	0	0	0	0	50%	50%	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
	Kém	0	0	0	0	0	0	
K10.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Giỏi	0	11,76%	22,2%	12,5%	0	0	
	Khá	50%	11,76%	55,5%	50%	16,67%	50%	
	Trung bình	16,67%	29,4%	11,1%	25%	50%	50%	
	Yếu	33,33%	47,08%	11,1%	12,5%	33,33%	0	
	Kém	0	0	0	0	0	0	
K9.KTĐ	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Giỏi	0	0	4,76%	0	9,5%	0	
	Khá	17,4%	56,5%	76,2%	19%	61,9%	85,7%	
	Trung bình	78%	34,8%	14,28%	71,5%	23,8%	9,5%	
	Yếu	4,6%	8,7%	4,76%	9,5%	4,8%	0	
K9.QTKD	Xuất sắc	0	0	4,17%	0	17,4%		
	Giỏi	0	3,57%	12,5%	8,33%	13%		
	Khá	18,5%	35,7%	62,5%	37,5%	34,8%		
	Trung bình	55,55%	21,4%	12,5%	20,83	30%		
	Yếu	0	39,33%	4,17%	16,66	0		
	Kém	0	0	0	0	0		
	Khá	0	25%	57%	28,6%	57%	57%	
	Trung bình	69%	16,67%	28,6%	42,9%	0	14%	
	Yếu	0	58,33%	14,4%	28,5%	14%	14%	
	Kém	31%	0	00	0	29%	15%	

(Nguồn: Phòng CTSV)

**BẢNG ĐỐI SÁNH ĐIỂM HỌC TẬP**

Lớp	Xếp loại HT	Năm 2020-2021		Năm 2021-2022		Năm 2022-2023		
		Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	
K9.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	50%	50%	100%	50%	50%	50%	
	Khá	50%	50%	0	50%	50%	50%	
	Trung bình	0	0	0	0	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K10.NNA	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	10%	40%	37,5%	16%	33%	17%	
	Khá	90%	60%	62,5%	84%	77%	83%	
	Trung bình	0	0	0	0	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K9.KTĐ	Xuất sắc	4,5%	4,5%	4,7%	0	14%	14%	
	Tốt	54,5%	22,7%	38%	19%	38%	33%	
	Khá	41%	72,8%	47,6%	81%	48%	47,6%	
	Trung bình	0	0	9,7%	0	0	5,4%	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K9.QTKD	Xuất sắc	0	0	0	0	13%	0	
	Tốt	29%	29%	25%	12,5%	21,7%	22%	
	Khá	46%	71%	75%	54,2%	65,3%	78%	
	Trung bình	25%	0	0	33,3%	0	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	
K10.CNTT	Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	
	Tốt	0	12,5%	0	14%	28%	28%	
	Khá	100%	87,5%	100%	86%	44%	72%	
	Trung bình	0	0	0	0	28%	0	
	Yếu	0	0	0	0	0	0	

(Nguồn: Phòng Đào tạo ĐH)

Qua đối sánh cho thấy lớp K9.QTKD có tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Lớp K10.NNA có xu hướng đi xuống. Hội đồng nhắc nhở Chủ nhiệm lớp và khoa chuyên môn cần quan tâm hơn nữa tới phong trào học tập và rèn luyện các lớp sinh viên.

2. *Điểm mạnh*: Hệ thống giám sát được quy định rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát mức độ tiến bộ của người học.

3. *Điểm tồn tại*: Một số sinh viên còn chưa thực sự quan tâm đến kết quả học tập nên không kịp thời trong việc học lại, thi lại, kéo dài thời gian tốt nghiệp.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm, tăng cường giáo dục tư tưởng cho sv	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự liên kết giữa các đơn vị trong giám sát sự tiến bộ của sv	Các phòng ban chức năng: Đào tạo ĐH, CTSV – VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

1. *Mô tả*

Nhà trường ban hành Quy chế công tác sinh viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong Quy chế có nêu rõ nội dung hỗ trợ và dịch vụ sinh viên. Cụ thể: tư vấn học tập: Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục



tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực về học thuật, tài chính, kỹ thuật... nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.3.01.07.10]. Chủ nhiệm lớp sinh viên có trách nhiệm hỗ trợ quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp sinh viên. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo [H8.3.01.07.12]. Ngay từ đầu năm học Nhà trường ra quyết định giao nhiệm vụ Chủ nhiệm lớp kiêm Cố vấn học tập, trong quyết định phân công chủ nhiệm lớp kiêm cố vấn học tập là một giảng viên chuyên trách của từng khoa chuyên môn [H8.4.01.01].

Về việc làm của sinh viên, Quy chế Công tác học sinh, sinh viên năm 2023 đã ghi rõ tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. [H8.4.02.01.12]. Để thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn việc làm cho sinh viên, ngay từ đầu năm học và trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, Hiệu trưởng nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng Công tác sinh viên – Việc làm chủ động kết nối với các doanh nghiệp tìm việc làm cho sinh viên. [H8.4.02.01.13]. Năm vừa qua, phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã phối hợp với nhiều công ty, doanh nghiệp để tìm việc làm cho nhiều sinh viên, kể cả sinh viên tốt nghiệp và đang theo học tại trường. Năm 2023 Nhà trường đã ký hợp tác với công ty JoBoKo giới thiệu việc làm cho sinh viên trên phạm vi toàn quốc, phối hợp với Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh để đảm bảo thường xuyên công việc cho sinh viên. Việc phối hợp với các doanh nghiệp không những tạo cơ hội việc làm cho sinh viên mà còn thu hút được nhiều gói học bổng có ý nghĩa với sinh viên. [H8.4.02.02]. Ban Giám hiệu nhà trường giao cho Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành lập Câu lạc bộ gia sư để giới thiệu việc làm cho các sinh viên ngành sư phạm, nội quy hoạt động của Câu lạc bộ cũng được xây dựng cụ thể. Những năm gần đây, Câu lạc bộ Gia sư của nhà trường đã được nhiều học sinh, phụ huynh và sinh viên tin tưởng [H8.4.02.03]. Đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm, các khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên về tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe. Cụ thể, Quy chế công tác sinh viên ghi rõ: tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh, sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý xã hội; tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho học sinh, sinh viên; tổ chức cho học sinh, sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho học sinh, sinh

viên. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng Kế hoạch Công tác y tế trường học. Sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác y tế, Nhà trường cũng đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể. Từ đó xây dựng các giải pháp và nội dung hoạt động [H8.4.03.04]. Sau khi xây dựng Kế hoạch, Nhà trường đã phối hợp cùng Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh Hải Dương tiến hành khám và chữa bệnh ban đầu cho sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. Ngoài việc hỗ trợ tư vấn học tập và tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, Quy chế công tác sinh viên quy định rõ việc hỗ trợ tài chính. Cụ thể là Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân trao học bổng cho học sinh, sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H8.4.02.01.12]. Trong những năm gần đây nhà trường đã phối hợp với nhiều công ty, doanh nghiệp trao học bổng cho sinh viên như Công ty TNHH YJM trao học bổng Yeonam, Công ty bảo hiểm Cathay Life trao học bổng thịnh trí thành tài, Công ty thép Hòa Phát trao học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn... [H8.4.02.07] .[H8.4.02.08]. Bên cạnh đó Nhà trường còn triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, học sinh, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Trong mỗi học kỳ, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm phối hợp cùng Phòng Tài chính kế toán làm thủ tục miễn giảm học phí cho các sinh viên thuộc diện con thương binh, bệnh binh, con của người có công với cách mạng, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số, sinh viên dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, con mồ côi cha mẹ, sinh viên tàn tật, khuyết tật. [H8.4.02.09]. Thực hiện mục tiêu bổ sung kiến thức cho sinh viên, giúp các em có thêm các kỹ năng mềm trong học tập và rèn luyện, vào đầu năm học, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp cùng Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch Tổ chức đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên. Trong các buổi học, sinh viên được bổ sung các kỹ năng học tập bậc đại học, kỹ năng sống, phát triển sự nghiệp của bản thân và khởi nghiệp. Ngay tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng phỏng vấn việc làm...từ đó các em có định hướng đúng đắn trong học tập. [H8.4.02.10]. Ngay từ tuần sinh hoạt công dân - Sinh viên đầu năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến việc làm của Tỉnh gặp gỡ, trao đổi với sinh viên, qua đó các em nắm bắt được các cơ hội việc làm [H8.4.02.11]. Trong năm học, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm cũng phối hợp với các ngân hàng phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp

[H8.4.02.12], chủ động liên kết với doanh nghiệp để liên hệ thực tập cho sinh viên [H8.4.02.13]. Hàng năm, nhà trường cũng ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên đi thực hành, thực tập và tuyển dụng việc làm [H8.4.02.13] [H8.4.02.14],[H8.4.02.14],[H8.4.02.14]. Tuy nhiên, còn có số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập. Nhà trường cũng tiến hành khảo sát với các sinh viên đã ra trường về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy 85% số người học hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm mà Nhà trường thực hiện. [H8.4.02.14]. Song song với việc khảo sát cựu sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động học tập, hỗ trợ việc làm, Phòng Công tác sinh viên – Việc làm cũng khảo sát về tình trạng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm.

**BẢNG ĐỐI SÁNH VIỆC LÀM SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP  
TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2023**

STT	Ngành đào tạo	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm	Có việc làm	Chưa có việc làm
1	Kế toán	96,3%	3,7%	86,02%	13,8%	70,09%	29,01%	91,53%	8,47%	93,81%	6,19%	76,19%	23,81%
2	Kỹ thuật điện	95,6%	4,4%	73,85%	22,15%	68,42%	31,58%	94,44%	5,56%	90,91%	9,09%	100%	0
3	Quản trị kinh doanh	86,1%	13,9%	100%	0	40,91%	59,09%	88,89%	11,11%	100%	0	100%	0
4	Tài chính - Ngân hàng	96,2%	3,8%	93,75%	6,25%	75%	25%	91,67%	8,33%	100%	0	100%	0
5	Công nghệ thông tin	92,9%	7,1%	100%	0	50%	50%	100%	0	90,91%	9,09%	100%	0

2. *Điểm mạnh*: Các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua phong phú, thúc đẩy việc học tập của sinh viên.

3. *Điểm tồn tại:* Một số ít sinh viên chưa chú trọng việc rèn luyện kỹ năng mềm, chưa gắn lý thuyết với thực hành, thực tập

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác chủ nhiệm lớp trong việc đôn đốc sv tham gia các hoạt động ngoại khóa	Phòng CTSV-VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới đa dạng các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên	Phòng CTSV – VL, Chủ nhiệm lớp, các khoa chuyên môn, Đoàn TN, Hội Sv	Trong năm học 2023-2024	

5. *Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân***

***1. Mô tả***

Nhà trường có môi trường cảnh quan tạo điều kiện cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của cá nhân. Từ năm 2018 đến năm 2022 Nhà trường có 2 cơ sở là Hải Tân và Liên Hồng. Cơ sở Hải Tân có hơn 30 phòng học được bố trí trong khuôn viên sạch sẽ, thoáng mát. Trong các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, Wifi, loa mic để phục vụ tốt cho việc giảng dạy và học tập. Các phòng, khoa, trung tâm được bố trí ngay trong khuôn viên sân trường thuận lợi cho việc phối hợp công việc giữa các đơn vị. Trong các phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính và các phương tiện vật chất khác. Cán bộ nhân viên phòng ban, trung tâm luôn tận tình, chu đáo với phụ huynh và sinh viên

cũng như các cá nhân và đơn vị ngoài trường đến liên hệ công tác. Khu ký túc xá nhà trường được bố trí ngay cạnh phòng y tế thuận lợi cho việc chăm sóc sức khỏe của sinh viên. Bên cạnh giảng đường là thư viện được trang bị các sách báo, giáo trình, tài liệu đầy đủ, sạch sẽ. Cán bộ thư viện luôn có thái độ nhiệt tình, ân cần. Tại cơ sở Hải Tân có trang bị 2 phòng vi tính phục vụ cho sinh viên học thực hành. Hội trường rộng rãi với hệ thống âm thanh sân khấu hiện đại đảm bảo cho các buổi hội nghị, tập huấn và các buổi lễ, các hoạt động phong trào được thuận lợi. Sân vận động được bố trí hợp lý tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động thể thao. Khuôn viên nhà trường được trồng nhiều hoa và cây xanh đẹp mắt đem lại cho người học không khí thoải mái, dễ chịu. Tại địa điểm Liên Hồng rộng 27 ha có 4 tòa ký túc xá được xây dựng hiện đại, mỗi phòng đều được bố trí khép kín, thoáng mát, sạch sẽ. Tại cơ sở này, nhà trường đầu tư trang bị sân vận động rộng rãi rất thuận lợi cho sinh viên học các môn thể dục, quốc phòng và tổ chức các giải bóng đá, thể thao. Nhà bảo vệ, nhà để xe được bố trí hợp lý, an toàn. Bên cạnh khu ký túc xá sinh viên là khu hiệu bộ rộng 27 ha, trong đó nhà Hiệu bộ được xây dựng hiện đại, hợp lý. Các phòng làm việc được bố trí khoa học rất tiện lợi cho quá trình làm việc. [H8.5.01.01]. Các cán bộ nhân viên nhà trường luôn lấy tinh thần trách nhiệm, tận tình với người học. Vì thế nên nhà trường được phụ huynh và sinh viên Đại học Hải Dương luôn tin tưởng.

Bên cạnh môi trường cảnh quan thì môi trường tâm lý, xã hội của nhà trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của người học. Cụ thể là cảnh quan sư phạm của nhà trường luôn sạch sẽ, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Sức khỏe của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường luôn là vấn đề mà Ban Giám hiệu nhà trường đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy y tế học đường được đặc biệt chú trọng. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ khám chữa bệnh cho cán bộ giảng viên và sinh viên. [H8.4.03.05]. [H8.4.03.06]. [H8.5.02.01]. Công tác y tế học đường được thực hiện tốt nên sức khỏe của cán bộ giảng viên, sinh viên nhà trường được đảm bảo. Đây cũng là một trong những điều kiện cần thiết để hoạt động dạy, học, NCKH của nhà trường ngày một hiệu quả. Bên cạnh việc chú trọng công tác y tế học đường, Nhà trường rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, tạo tâm lý thoải mái, hứng khởi cho người dạy và người học. Quy tắc ứng xử văn hóa nơi công sở và quy tắc văn hóa học đường được Nhà trường ban hành và phổ biến đến toàn thể các cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên cùng thực hiện.. [H8.5.02.02]. [H8.5.02.03]. Để đảm bảo an toàn trong môi trường làm việc,

nhà trường đã phối hợp với cơ quan công an tỉnh Hải Dương thường xuyên kiểm tra việc phòng cháy chữa cháy [H8.5.02.04]. Tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của nhà trường, phòng Công tác sinh viên – Việc làm đã tiến hành khảo sát sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy 95% sinh viên hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội; 92% sinh viên hài lòng về môi trường cảnh quan của nhà trường [H8.5.02.05].

2. *Điểm mạnh*: Công tác xây dựng môi trường cảnh quan thực hiện tốt, tinh thần và thái độ phục vụ người học của cán bộ giảng viên nhân viên nhà trường được chú trọng.

3. *Điểm tồn tại*: Do Nhà trường có nhiều cơ sở nên việc giám sát thực hiện môi trường cảnh quan còn chưa được nhất quán.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác giám sát thực hiện môi trường cảnh quan ở tất cả các cơ sở	Ban Giám hiệu, Phòng Quản trị Hành chính	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thực hiện văn hóa trường học	Toàn thể CBGV và sinh viên nhà trường	Trong năm học 2023-2024	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Kết luận về Tiêu chuẩn 8***: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng cụ thể, rõ ràng và đúng quy định. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học được phân cấp rõ ràng. Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên được tổ chức phong phú, đa dạng. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường trong công tác phục vụ người học rất phong phú. Tuy nhiên phần khảo sát đánh giá công tác tuyển chọn người học còn chưa thường xuyên, sâu sát ở tất cả các ngành học.

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

***Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### *1. Mô tả*

Trường Đại học Hải Dương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh. Hiện tại, Nhà trường đang quản lý 4 cơ sở với tổng diện tích 35,5 ha [H9.01.08]. Hiện nay, Trường ĐHHD đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Nhà trường sử dụng các cơ sở 1, 3 với tổng diện tích sàn xây dựng 28.211 (m<sup>2</sup>): Trong đó, số phòng làm việc là 96 phòng, số phòng họp, hội trường 5; Số phòng học 63; Số phòng thực hành 17[H9.01.09][H9.01.10][H9.01.11] để đào tạo các ngành Kinh tế, Kỹ thuật, Ngoại ngữ, Chính trị và xã hội: cơ sở 1 tại khu đô thị phía Nam, Thành phố Hải Dương (Liên Hồng - TP Hải Dương) chia làm hai khu: khu ký túc xá có 28 phòng học lý thuyết và 12 phòng thực hành (có ký hiệu H và T) dành cho SV ngành kỹ thuật điện và khu hành chính hiệu bộ có 04 phòng học (có ký hiệu ĐN) phục vụ đào tạo tin học (có 02 phòng thực hành máy tính 02 phòng học lý thuyết); cơ sở 2 tại khu 8 - Phường Hải Tân - Thành phố Hải Dương có 33 phòng học lý thuyết (có ký hiệu A, D), 3 phòng dành cho đào tạo ngoại ngữ, tin học, kế toán máy (có ký hiệu B) (có 02 phòng thực hành máy tính).

Tổng cộng Cơ sở 1 và 3 của Nhà trường có 63 phòng học, 5 hội trường lớn và 17 phòng thực hành, thí nghiệm. Trong đó có 26 phòng có sức chứa từ 30 đến 40 người, 34 phòng có sức chứa từ 50 đến 60 người, 03 phòng có sức chứa từ 300 đến 400 người. Như vậy, với số lượng người học hiện có (6 m<sup>2</sup>/1 sinh viên) tại trường thì số phòng học sau khi bố trí hết thời khoá biểu cho các lớp, còn có thể dùng để đáp ứng những sinh hoạt khác như: phòng sinh hoạt đoàn, hội, sinh hoạt lớp, tổ chức ngoại khóa... Ngoài ra, Nhà trường còn có khu nhà thể thao, phòng bóng bàn, sân bóng rổ, bóng chuyền, sân bóng đá cỏ nhân tạo để người học rèn luyện sức khỏe, phát huy tối đa năng khiếu và sở trường [H9.01.11]. Tại các phòng học, hội trường đều được trang bị tivi, máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro, bảng, quạt, đèn... và đặc biệt hệ thống máy lạnh được trang bị đầy đủ tại các phòng học khu nhà A1, A2, C, ĐN. TTB trong các phòng thực hành, thí nghiệm đều được trang bị phù hợp theo học phần của SV ngành kỹ thuật điện [H9.03].

Bảng Thống kê số lượng phòng làm việc, thực hành, phòng học  
cơ sở 1 và cơ sở 3 của Trường

Cơ sở đào tạo	Tổng diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Số phòng làm việc	Số phòng họp, hội trường	Số phòng học	Số phòng thực hành
Ký túc xá Liên Hồng (H, T)	15.230	24		33	3
Hành chính hiệu bộ (ĐN)	4.244	33	3	28	12
Hải Tân (A, B, C, D)	8.737	39	2	2	2
Tổng cộng	28.211	96	5	63	17

Ngoài ra, để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên Nhà trường bố trí hội trường, có sân khấu đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường. Trường còn có các phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Bảo đảm chất lượng thanh tra, Phòng Công tác sinh viên và việc làm... với diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi cùng các dãy ghế cho GV và SV ngồi đợi khi đến làm việc. Hiện tại, khoa Kinh tế - Quản trị, khoa Kế toán - Tài chính, khoa Kỹ thuật - Công nghệ, khoa Ngoại ngữ đang sử dụng phòng học, giảng đường gồm các dãy nhà A1, A3, B1, B2, B3, B4, D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 [H9.01.09][H9.01.10][H9.01.11]. Hầu hết các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Trường cung cấp cho khoa Kinh tế - Quản trị 03 phòng làm việc với diện tích là 100 m<sup>2</sup>, khoa Kế toán - Tài chính 03 phòng làm việc với diện tích là 80m<sup>2</sup>, khoa Kỹ thuật - Công nghệ 06 phòng làm việc với diện tích là 150 m<sup>2</sup>, khoa Ngoại ngữ 02 phòng làm việc với diện tích là 30m<sup>2</sup> và phòng chức năng được bố trí ở khu nhà Hiệu bộ, dãy nhà A1[H9.01.10]. Phòng làm việc của các Khoa được trang bị tủ đựng tài liệu, máy tính, máy in, điều hòa, bàn ghế làm việc, bàn quỳ cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa. Với điều kiện trang thiết bị đã được cung cấp, Khoa đã vận hành để giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của Khoa cũng như đánh giá về tình hình CSVC&TTB và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất nhà trường mua sắm mới CSVC&TTB [H9.01.06], Phòng Hành chính – Quản trị tập hợp đề xuất của các khoa lập kế hoạch, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp, mua sắm mới cơ sở vật chất báo cáo



lãnh đạo nhà trường[H9.01.06]. Nhà trường giao cho Phòng Hành chính – Quản trị tăng cường quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030" là sử dụng ổn định, hiệu quả của các CSVC đã trang bị[H9.01.02]. Kết quả khảo sát trên SV về thực trạng CSVC & TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cho thấy, đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn, chỉ có 15% GV cho rằng chưa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy. Tùy theo năng lực thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cũng như tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H9.01.06] [H9.01.07]. Hàng năm, trên cơ sở của các đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Nhà trường có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị bảo đảm cho việc triển khai CTĐT và thực hiện rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu CTĐT của Khoa [H9.01.06] [H9.01.07]. Ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học và trang thiết bị cho thấy, 81% người học cho rằng CSVC của nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu dạy và học, chỉ 19% cho rằng CSVC của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu của người học. Từ kết quả này, nhà trường tổ chức họp các đơn vị và có biện pháp khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm tích cực [H9.01.13].

### *2. Điểm mạnh:*

Trường Đại học Hải Dương tại cơ sở 1, cơ sở 3 đào tạo khối ngành kinh tế, Kỹ thuật, ngoại ngữ .. có diện tích rộng(314716,2 m<sup>2</sup>) đã đáp ứng đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, ti vi màn hình lớn. Nhiều phòng học được trang bị điều hòa, diện tích phòng học rộng rãi, thoáng mát.

### *3. Điểm tồn tại:*

04 dãy nhà cấp 4 D1, D3, D4, D6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

### *4. Kế hoạch hành động:*

- Lắp đặt điều hòa cho các phòng học chưa có.
- Duy trì và sửa chữa thường xuyên ổn định đáp ứng nhu cầu dạy và học

- Kế hoạch xây dựng 02 giảng đường mới( 100 tỷ) tại cơ sở Liên Hồng đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

1. *Mô tả:*

Trường ĐHHD có thư viện, CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Hệ thống thư viện của trường được quản lý bằng mạng máy tính giúp cho bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, khu ký túc xá SV được trang bị các thiết bị nghe - nhìn, máy chiếu đa phương tiện (*multimedia projector*), ti vi phục vụ giảng dạy và học tập.

Thư viện là bộ phận quản trị nguồn lực học tập của Trường ĐHHD, từng giai đoạn với các tên gọi và trực thuộc các đơn vị khác: Trung tâm Thông tin - Thư viện; Trung tâm Thư viện... [H9.02.01]. Hiện nay Thư viện là một bộ phận trực thuộc phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin- Thư viện ; được thành lập theo QĐ 285/QĐ-ĐHHD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD V/v thành lập Phòng Khoa học công nghệ - Thông tin- Thư viện (thay thế QĐ 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019) [H9.02.02].

Thư viện của Nhà trường hiện đang trong KH đầu tư dài hạn với tổng diện tích sàn 2.696 m<sup>2</sup> theo các QĐ phê duyệt, điều chỉnh phê duyệt của UBND tỉnh Hải Dương về Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường ĐHHD [H9.02.03].

Thư viện với tổng diện tích 340m<sup>2</sup> được bố trí: 01 phòng đọc mở, 01 phòng kho; 01 phòng gồm 10 máy tính có kết nối Internet để bạn đọc có thể truy cập, tra cứu; được trang bị 25 bộ bàn ghế chuyên dụng để phục vụ nhu cầu đọc tại chỗ cùng lúc cho khoảng 50 bạn đọc. Hệ thống các phòng được bố trí liền kề nhau, có điều hòa làm mát và ánh sáng đầy đủ thuận lợi cho việc phục vụ bạn đọc [H9.02.04]. Hiện tại, thư viện có 5.563 đầu tài liệu với 65.624 bản (*bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử*) [H9.02.05]; với hệ thống trang thiết bị tại các phòng về cơ bản được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu mượn, đọc, tra cứu tài liệu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên cao học.

Nội quy phòng đọc được quy định chặt chẽ về thời gian đóng mở cửa phục vụ bạn đọc, vào mùa thi, Thư viện mở cửa cả ngày nghỉ, giờ nghỉ để phục vụ SV ôn tập hoặc theo yêu cầu của Hiệu trưởng Nhà trường [H9.02.09]. Thư viện có sổ đăng ký, ghi chép lượt bạn đọc để phục vụ cho công tác quản lý và theo dõi của Nhà trường, được trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy [H9.02.20].

Thư viện luôn nỗ lực trong việc lập KH, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện: lên KH bổ sung tài liệu hằng năm; thực hiện các công việc nghiệp vụ và phục vụ bạn đọc, quản lý thư viện tại QĐ số 20/QĐ-ĐHHD ngày 02/3/2016 của Trường ĐHHD về việc ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Thư viện [H9.02.06]. Bên cạnh đó, thư viện còn có nhiệm vụ xây dựng chính sách, định hướng phát triển Thư viện phù hợp với CLPT của Nhà trường trong từng giai đoạn với các mục tiêu và giải pháp cụ thể [H9.02.01.07].

Để phát huy hiệu quả hoạt động của thư viện, hằng năm thư viện tổ chức các lớp bồi dưỡng "Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện", SV sẽ được phổ biến các quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện vào tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H9.02.07].

Theo Đề án số 399/ĐA-ĐHHD ngày 21/12/2018 về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ CB, GV, nhân viên, lao động Trường ĐHHD [H9.02.08] và theo QĐ số 489/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 Phòng Khoa học và Công nghệ - Thông tin được biên chế 04 người, bộ phận thư viện có biên chế là 01 CB chuyên trách đứng chuyên ngành có trình độ Thạc sỹ ngành Khoa học Thư viện - Thông tin trực tiếp làm công tác Thư viện [H9.02.02]. Hiện nay theo QĐ 307/QĐ-ĐHHD ngày 30/6/2023, Phòng KH-CN-TT-TV được sắp xếp 08 người, trong đó có 03 người có chuyên môn Thư viện từ Đại học trở lên;

Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội quy, quy định được cụ thể hóa đối với từng đối tượng bạn đọc; từng loại hình tài liệu [H9.02.09]. Tuy nhiên, do số lượng CB làm công tác thư viện ít, công việc chưa được chuyên môn hóa,... nên đôi khi công tác bảo trì, đánh giá các nguồn lực học tập còn chưa kịp thời; chưa có TVĐT; chưa có kết nối với Thư viện tỉnh Hải Dương và các trường bạn trên địa bàn để phát huy hiệu quả nguồn lực học tập.

Hằng năm, căn cứ vào chỉ tiêu KH và nhu cầu thực tế của các đơn vị. Nhà trường có chủ trương đầu tư, phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu của GV, SV. Trên cơ sở đó, thư viện phối hợp với các khoa

chuyên môn lập KH lựa chọn các đầu sách cần bổ sung cho từng năm học; phối hợp với phòng TCKT cân đối nguồn tài chính bổ sung tài liệu theo dự toán ngân sách hằng năm. Tổng kinh phí đã đầu tư cho nguồn học liệu, CSDL và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy từ năm 2018 đến 2022 là: 198.596.600đ (2018: 190.890.000đ; 2019: 3.460.000; 2021: 4.624.000đ) [H9.02.10], chủ yếu là sách giáo trình phục vụ giảng dạy các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật, quản trị kinh doanh và một số tài liệu tham khảo phục vụ mở ngành đào tạo mới.

Thư viện được Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp CSVC và mua bổ sung tài liệu, phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH. Từ năm 2018 đến 2022, viện bổ sung 196 đầu sách tổng số lượng 1.985 quyển. Hiện nay, Thư viện có tổng 5.563 đầu sách với 65.624 cuốn chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh của Nhà trường; trong đó giáo trình, đề cương bài giảng là 2.707 cuốn; sách tham khảo là 57.849 cuốn; 342 đề tài NCKH; 981 cuốn khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp của SV; luận văn, luận án của CB GV là 128 cuốn và 342 cuốn của HV cao học ngành Kế toán khóa 1, khóa 2, khóa 3 [H9.02.11]. Ngoài ra, Thư viện luôn cập nhật bổ sung tài liệu thông qua các báo cáo đề xuất của các khoa chuyên môn về việc in ấn giáo trình, tập bài giảng hằng năm.

Xuất phát từ nhu cầu hiện đại hóa Thư viện, Nhà trường ban hành QĐ số 59/QĐ-ĐHKTKT ngày 02/3/2013 về việc giao nhiệm vụ cho CB, GV khoa CNTT, Trung tâm CNTT xây dựng hệ thống thông tin quản lý thư viện. Đến tháng 12/2013 đề tài “Xây dựng phần mềm quản lý Thư viện Trường ĐHHĐ” được Hội đồng nghiệm thu đánh giá theo QĐ số 815/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/12/2013 với tổng kinh phí 100.000.000 đồng. Phần mềm được nghiệm thu, đưa vào sử dụng giúp cho việc tìm kiếm và quản lý cơ sở dữ liệu hiệu quả [H9.02.12]. Hằng năm, Thư viện luôn chủ động xây dựng KH bảo trì các nguồn lực học tập: tài liệu, sách, giáo trình, bài giảng, đĩa CD - Rom, phòng máy, hệ thống mạng Internet... [H9.02.13] luôn được cập nhật để GV, người học có thêm dữ liệu để nghiên cứu và lựa chọn tài liệu phù hợp.

Hằng năm, Nhà trường dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu. Đối với từng khoản kinh phí đầu tư mới cho nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD luôn được thực hiện sau khi dự toán ngân sách được duyệt. Đặc biệt là chi cho đội ngũ CB, GV của thực hiện công tác bảo trì, nâng cấp phần mềm quản lý hệ thống thông tin thư viện. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đầu tư cho Thư viện với

tổng kinh phí lên tới 198.596.600đ. Giáo trình sử dụng trong giảng dạy, học tập tại Trường được viết mới và in ấn bằng nguồn kinh phí thường xuyên. Kết quả công tác đổi mới giáo trình tạo ra nguồn tài liệu học tập đầy đủ cho người học luôn được đưa vào báo cáo tổng kết năm của thư viện [H9.02.14]. Công tác bổ sung tài liệu in, tài liệu nội sinh để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện KH giảng dạy [H9.02.15]. Tài nguyên số nội sinh được xây dựng dựa trên các sản phẩm của GV, SV và có số lượng tăng ổn định hàng năm [H9.02.04].

Việc tiếp nhận, xử lý các tài liệu từ nguồn tài trợ, quyên góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân để đưa vào thư viện được phát động hàng năm để hưởng ứng “Ngày sách Việt Nam” [H9.02.16]. Các nguồn cơ sở dữ liệu được thông báo công khai đến bạn đọc đã quyên góp thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp. Hằng năm, Nhà trường cũng tăng cường thêm các thiết bị và máy móc để phục vụ cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD thông qua hệ thống số theo dõi, sử dụng thiết bị hỗ trợ giảng dạy [H9.02.17]. Với những tính năng của phần mềm đã đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm tài liệu, thông tin nhanh chóng, chính xác và tiện lợi. Ngoài ra, Thư viện còn có nguồn cơ sở dữ liệu toàn văn để tham khảo; có hệ thống bài giảng, giáo trình; luận văn, luận án và khóa luận tốt nghiệp phục vụ cho SV đọc, tra cứu tại Thư viện.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của thư viện được tiến hành thường xuyên thông qua kết quả khảo sát với SV và GV [H9.02.18]; báo cáo tổng kết hàng năm [H9.02.14]. Qua kết quả khảo sát đối với SV trong 3 năm gần đây nhất: 2017 (85SV), 2018 (78SV) và 2019 (65SV) cho thấy:

Tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 76%.

Về chất lượng nguồn học liệu và vốn tài liệu của thư viện đầy đủ có thể đáp ứng được nhu cầu học tập của SV từ 78% trở lên.

Đặc biệt, SV hài lòng về thái độ phục vụ của CB thư viện khi cung cấp dịch vụ thông tin. Tuy nhiên, đối với chất lượng của hệ thống tra cứu; tài liệu PVCD, giải trí thì tỷ lệ hài lòng (*khá đáp ứng nhu cầu sử dụng trở lên*) chỉ đạt hơn 50% là do Nhà trường chú trọng đầu tư vào các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu.

Đối với GV, qua kết quả khảo sát 3 năm gần đây: 2018 (67 GV); 2019 (72 GV); 2020 (67 GV); 2021 (56 GV); 2022 (55GV) cho thấy tỉ lệ hài lòng về CSVC, trang thiết bị của thư viện đạt 77%. Nguồn học liệu, mức độ cập nhật nội dung tài liệu của Thư

viện về cơ bản cũng đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của GV một cách đầy đủ, kịp thời và phù hợp, đạt tỷ lệ 80% .

Căn cứ vào số liệu thống kê qua hệ thống sổ mượn trả tài liệu [H9.02.19]; số lượt bạn đọc đến đọc tại đến học tập, nghiên cứu và khai thác thông tin trung bình 1.080 lượt/năm [H9.02.20] và danh mục bổ sung tài liệu các năm [H9.02.11]. Thư viện phối hợp với các khoa, tổ bộ môn, rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ người đọc... từ đó theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và thông qua email, phiếu khảo sát về nhu cầu và chất lượng phục vụ của thư viện vào chuyên đề trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [H9.02.07]. Thư viện tiến hành rà soát, kiểm kê hằng năm nhằm thanh lý, thanh lọc những tài liệu hết giá trị sử dụng và bổ sung được những tài liệu có chất lượng cho thư viện. Đồng thời cũng luôn thường xuyên vệ sinh, lau dọn, sắp xếp kho sách, cơ sở dữ liệu luôn được làm mới. Từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của công tác thư viện [H9.02.13].

Căn cứ vào thống kê số lượt mượn, trả tài liệu hàng năm [H9.02.19]; thống kê số lượt bạn đọc đến đọc tại thư viện hàng năm [H9.02.20] và danh mục tài liệu bổ sung các năm [H9.02.11], Thư viện phối hợp cùng các khoa rà soát lại nguồn tài liệu phục vụ bạn đọc [H9.02.19]; các GV, tổ trưởng bộ môn, CB, HV, SV... có quyền và nghĩa vụ theo dõi, đánh giá chất lượng nguồn lực học tập được bổ sung về Thư viện và góp ý cho cho thư viện giúp cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện.

Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã đề ra các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa phục vụ [H9.02.06];

Về nguồn học liệu hằng năm được viết mới và được bổ sung thường xuyên, năm năm 2018 là 1.729 cuốn; năm 2019 đến 2021: 256 cuốn là chủ yếu là giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm phục vụ GV, SV các khoa trong Trường. Trong đó, nhiều nhất là sách kế toán, kỹ thuật; tài liệu tham khảo vẫn còn hạn chế;

Phòng đọc và phòng máy tính trước đây chỉ sử dụng kết nối internet dây nay đã được kết nối internet không dây....Hệ thống quạt, điều hòa, ánh sáng được trang bị đầy đủ đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu khai thác, sử dụng của CB, GV, SV.

Tuy nhiên, thực tế công tác phối hợp, rà soát của các khoa với Thư viện chưa được chặt chẽ nên dẫn đến việc đánh giá hiệu quả nguồn học liệu chưa cao.

Công tác bổ sung nguồn học liệu của Thư viện được thực hiện hàng năm [H9.02.10]; cập nhật vào dữ liệu của Thư viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ, thu hút nhiều người dùng tin đến Thư viện để nghiên cứu tài liệu.

Từ năm 2018 đến 2022, tổng kinh phí đầu tư cho nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy là: 198.596.600đ. Nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu không chỉ phục vụ CB, GV, SV, HV trong nhà trường còn phục vụ các bạn đọc ngoài nhà trường. Trường ĐHHĐ đã ký kết các hợp đồng phối hợp đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh với các Trường THPT trong Tỉnh nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh, SV ở cả 02 trường: “*tổ chức bồi dưỡng lý thuyết, thực hành và tuyển sinh, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT...; sử dụng chung thư viện...*” [H9.02.22].

Cơ sở dữ liệu (*chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh*) luôn được cập nhật, bổ sung vào bộ sưu tập. Xử lý, tiếp nhận các tài liệu được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân tặng để bổ sung vào vốn tài liệu của thư viện [H9.02.16].

Tuy nhiên, kho tài nguyên điện tử của Thư viện còn chưa phong phú nên khả năng đáp ứng nhu cầu tin trong thời đại công nghệ 4.0 còn thấp.

2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động và đào tạo, nghiên cứu***

1. Mô tả

Nhà trường đã giao Khoa Kỹ thuật và công nghệ (trước đây là do Trung tâm Thực hành kỹ điện tử quản lý) theo dõi, quản lý và cho sinh viên thực hành bao gồm: các phòng thực hành chia theo các phân môn; các thiết bị và panel thực hành phục vụ hoạt động đào tạo (hoạt động dạy và học), nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch thực hành hàng năm; các qui định về nội qui trong phòng thí nghiệm thực hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý, sử dụng, phục vụ giảng viên giảng dạy và sinh viên học tập các môn chuyên ngành bảo đảm việc thực hành được thực hiện thống nhất trong Nhà trường.

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 11 phòng thực hành ở cơ sở H1 khu kí túc xá Liên Hồng. Các phòng thực hành được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Khoa Kỹ thuật và công nghệ căn cứ vào nhu cầu thực tế về việc thực hành các môn học đào tạo của ngành Kỹ

thuật điện và ngành Điện tử viễn thông để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành các phòng thực hành.

Thông qua kế hoạch đào tạo của ngành Kỹ thuật điện để xây dựng, triển khai, duy trì các phần thực hành theo các môn học. Giáo viên có trách nhiệm phối hợp với Khoa trong việc quản lý, vận hành, khai thác các thiết bị và panel thực hành qua Sổ theo dõi nhật kí phòng thực hành.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành tại các phòng thực hành, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị thực hành và các thiết bị panel thực hành, bộ phận quản lý các phòng thực hành lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị thực hành cho năm tiếp.

2. *Điểm mạnh:* Các văn bản liên quan đến thực hành được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng thực hành phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. *Điểm tồn tại:* Hiện một số panel và các thiết bị thực hành đã cũ, lỗi thời.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sửa chữa các panel thực hành đã bị hỏng, đầu tư mua thêm các linh kiện, thiết bị thực hành cần thiết	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các thiết bị thực hành hiện có	Khoa Kỹ thuật và công nghệ	hường xuyên	



5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

*1. Mô tả*

Nhà trường đã giao Trung tâm Tin học – Ngoại Ngữ (tiền thân là Trung tâm Tin học) [H9.04.01] theo dõi, quản lý và triển khai công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: hệ thống công nghệ thông tin trong Nhà trường; các phòng máy phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; hệ thống đào tạo trực tuyến (Goggle Meet, MS Team); xây dựng kế hoạch CNTT hàng năm; các qui định về xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống CNTT và bảo đảm nguồn nhân lực CNTT được thực hiện thống nhất trong Nhà trường

Hiện nay, để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 05 phòng máy ở các cơ sở (với tổng số lượng 150 máy tính) tại các cơ sở trong toàn trường [H9.04.02]. Các phòng máy được sử dụng thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của Giảng viên, học viên và sinh viên trong Nhà trường. Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ căn cứ vào nhu cầu thực tế về sử dụng trang thiết bị CNTT và ứng dụng CNTT [H9.04.03] của các đơn vị trong Nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện, quản lý, vận hành, trang bị CNTT định kỳ [H9.04.03] theo quy định [H9.04.04].

Nhà Trường tổ chức xây dựng, triển khai, duy trì các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm đào tạo trực tuyến dùng chung; quản trị hệ thống mạng Lan, mạng Internet, hệ thống an ninh mạng, an toàn dữ liệu, bảo trì, bảo dưỡng, theo dõi, đánh giá hiệu quả hệ thống CNTT trong Nhà trường [H9.04.05]. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với bộ phận quản lý CNTT trong việc quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống CNTT qua Sở theo dõi báo hỏng và bảo trì máy tính.

Nhà trường định kỳ thực hiện kiểm kê tài sản, thiết bị tin học tại các đơn vị, phân loại những thiết bị đã bị hỏng, thiết bị cần sửa chữa, nâng cấp; thực hiện lưu kho hoặc thanh lý đối với các thiết bị đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ tình trạng hiện tại của thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, bộ phận quản lý CNTT lập báo cáo rà soát nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm, kế hoạch nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng cho năm tiếp.

2. *Điểm mạnh:* Các văn bản liên quan đến CNTT được ban hành công khai, rõ ràng, đúng quy định; có đủ phòng máy phục vụ hoạt động giảng dạy và được định kỳ quản lý, bảo trì kịp thời.

3. *Điểm tồn tại:* Hiện máy móc, các thiết bị CNTT đã cũ, lỗi thời.

4. *Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao cấu hình các phòng máy, đầu tư thêm hạ tầng CNTT	Nhà trường	Tháng 6 năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt việc quản lý, vận hành các hệ thống thông tin hiện có	Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	Thường xuyên	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong Trường. Phòng Hành chính là đơn vị chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch và sự điều hành bộ phận đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường, Phòng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác môi trường, vệ sinh công cộng [H9.09.05.01].

Phòng Y tế có Tủ thuốc, giường y tế và đầy đủ thuốc, vật tư trang thiết bị y tế thiết yếu với 01 y sĩ và 01 dược sĩ phục vụ công tác sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành Chính theo đề án số 399/ĐA- ĐHHD về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ

cán bộ, giảng viên, nhân viên, lao động Trường Đại học Hải Dương, bộ phận Y tế trực thuộc phòng Hành chính [H9.09.05.02].

Mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch công tác y tế học đường, báo cáo công tác y tế vào cuối năm học Hàng năm, phòng Y tế lập dự trù kinh phí mua thuốc, vật tư, trang thiết bị Y tế phục vụ công tác sơ cấp cứu, khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, sinh viên [H9.09.05.03]. Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về việc tham gia bảo hiểm y tế đối với sinh viên, quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên thuộc gia đình chính sách, khuyết tật. Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, giảng viên và lao động trong Trường, khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên [H9.09.05.04]. Trong thời gian có dịch Covid-19, Nhà trường tích cực chung tay với cộng đồng thực hiện các biện pháp phòng chống: thành lập Ban chỉ đạo phòng chống covid-19, thành lập tổ phòng chống covid-19, mua thuốc, vật tư y tế phòng chống covid-19 cho cán bộ, viên chức lao động và người học.[H9.09.05.05].

Lực lượng bảo vệ chịu trách nhiệm công tác an ninh trật tự trong trường đủ về số lượng và được đào tạo nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp. Để đảm bảo NH được an toàn trong khuôn viên Trường cũng như khu Ký túc xá, Trường thành lập Trung đội Tự vệ và Bộ phận bảo vệ chuyên trách của Trường trực thuộc biên chế của phòng Hành chính, có quân số đảm bảo tuần tra bảo vệ các cơ sở 24/24. Nhà trường cũng kiện toàn ban Chỉ đạo xây dựng mô hình “Trường Đại học an toàn về an ninh, trật tự” [H9.09.05.06].

Đội phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thành lập và thực hiện rà soát, kiện toàn hàng năm. Nhà trường ban hành các quy định và phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. [H9.09.05.07]

Hàng năm, bộ phận môi trường và vệ sinh công cộng xây dựng kế hoạch kế hoạch kiểm kê, cải tạo, bổ sung, thay thế, chăm sóc, vệ sinh môi trường tại hai cơ sở. Việc xử lý rác thải sinh hoạt trong trường đều có hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị kết hợp tư vấn và xử lý rác thải sinh hoạt tại 02 cơ sở. [H9.09.05.08]

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường; về chất lượng môi trường học tập, các chính sách phục vụ cộng đồng, về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường. Kết quả khảo sát các năm học cho thấy mức độ hài lòng về vấn đề sức khỏe, an toàn môi trường trong Nhà trường đều đạt trên 80%. [H9.01.01.13]

### 2. Điểm mạnh

Trường có cán bộ y tế và lực lượng bảo vệ chuyên trách, không gian nhà trường rộng và phủ nhiều cây xanh.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và phỏng vấn người học về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được thực hiện trên diện rộng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác môi trường, sức khỏe, an toàn cho toàn thể cán bộ, giảng viên, HSSV trong toàn Trường	Các đơn vị trong toàn Trường	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị và triển khai trên diện rộng việc khảo sát và phỏng vấn CBQL, GV, NH các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật đáp ứng yêu cầu CTĐT của ngành ĐHK	Phòng CTHSSV Phòng QLĐT Các đơn vị liên quan	Hàng năm

5. Tự Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

### Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Trường đã trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Tuy nhiên, Các trang thiết bị cho mô hình lớp học thông minh chưa đáp ứng đủ để đưa vào giảng dạy chính thức trong các CTĐT của Trường nói chung và KTTTT nói riêng. Tài liệu tham khảo nước ngoài cho các HP các ngành còn hạn chế.

Một số HP chỉ mới có tài liệu trong nước mà không có tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh. Các công cụ nghiên cứu hiện nay của phòng thực hành, thí nghiệm của ngành còn thô sơ chỉ mới đáp ứng yêu cầu chủ yếu cho chuyên ngành. Việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 1 lần/năm, công tác này mới được thực hiện năm 2019. GV chưa khai thác hết các tính năng của phần mềm nội bộ. Thiết kế cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn chưa được chú trọng.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9: 4/7*

*Số tiêu chí đạt 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%*

### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

#### **Mở đầu**

Nâng cao chất lượng trong GDDH là yếu tố vô cùng quan trọng quyết định thành công và phát triển của một trường đại học. Bởi vậy, nhiều năm qua Trường Đại học Hải Dương luôn coi việc nâng cao chất lượng các ngành đào tạo là điều kiện sống còn đối với Nhà trường nói chung và Khoa KT - TC nói riêng cũng không ngoại lệ, việc chú trọng nâng cao chất lượng các ngành đào tạo Kế toán, Tài chính luôn được đặt lên hàng đầu. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống và đúng quy định. Dựa trên các quy định do Bộ GD&ĐT, Nhà trường và Khoa KT - TC đã thường xuyên rà soát, cập nhật, cải tiến, phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Trong quá trình xây dựng, rà soát phát triển CTĐT, Khoa KT-TC luôn khảo sát và lắng nghe thông tin phản hồi của các bên có liên quan (GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng). Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường và Khoa xây dựng CTDH ngành Kế toán theo cách tiếp cận hiện đại, hội nhập quốc tế, được cập nhật và điều chỉnh liên tục để đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và điều chỉnh chương trình dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường Đại học Hải Dương [H10.10.01.01] cùng các quyết định về điều chỉnh, rà soát CTĐT[H10.10.01.02]. Trong quá trình xây dựng và rà soát điều chỉnh CTDH, Trường đã có hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan qua các phiếu

khảo sát người học, người sử dụng lao động góp ý về CTĐT ngành Kế toán làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán, cải tiến chất lượng CTDH[H10.10.01.03] Hàng năm Trường và Khoa còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến SV năm cuối về CTĐT, các kết quả thu thập từ phản hồi được Nhà Trường xử lý và tổng hợp trong các báo cáo về ý kiến phản hồi [H10.10.01.04]. Ngoài ra, Khoa đã tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến các GV có kinh nghiệm của Khoa, các ý kiến phản hồi được thảo luận nhằm cải tiến CLĐT, phát triển CTDH thông qua các buổi họp Hội đồng Khoa [H10.10.01.05]. Khoa tổ chức các buổi trao đổi, seminar, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của ngành Kế toán giúp Khoa có cái nhìn về yêu cầu thực tế đối với CĐR và CTĐT của ngành Kế toán để từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn[H10.10.01.06].

Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, tiếp thu kinh nghiệm, kiến thức thực tế, Khoa còn thường tổ chức các chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV ngành Kế toán [H10.10.01.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm Nhà trường đã và đang xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, không những tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế, thực tập, trải nghiệm thực tế gắn lý thuyết với thực hành, còn hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên, như hợp tác với Công ty An phát Holding, Công ty TNHH Nông nghiệp HT Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH Việt nam Toyo Denso, Công ty cổ phần kinh doanh KYOKAWA. [H10.10.01.08].

Đồng thời, Khoa cũng tổ chức các cuộc họp tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội[H10.10.01.09] cùng các báo cáo tổng kết năm học có đánh giá CTĐT, CTDH, Kế hoạch phát triển CTDH các năm tiếp theo [H10.10.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Hiện nay Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi online nên việc thu thập thông tin sẽ được thuận lợi hơn nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó, Khoa thực

hiện liên kết với doanh nghiệp thông qua cựu SV nhằm mở rộng liên hệ hỗ trợ cho việc thu thập thông tin.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023-2024, Khoa KT - TC sẽ chủ động thực hiện thu thập thêm thông tin từ các bên liên quan. Trong các buổi sinh hoạt lớp, GVCN các lớp sẽ tăng cường việc tuyên truyền nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Khoa sẽ tăng cường khảo sát, tổ chức các hội nghị với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà sử dụng lao động để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT với thực tế.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả*

Nhà trường và Khoa xây dựng CTDH ngành Kế toán theo cách tiếp cận hiện đại, hội nhập quốc tế, được cập nhật và điều chỉnh liên tục để đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và điều chỉnh chương trình dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường Đại học Hải Dương [H10.10.01.01] cùng các quyết định về điều chỉnh, rà soát CTĐT [H10.10.01.02]. Trong quá trình xây dựng và rà soát điều chỉnh CTDH, Trường đã có hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan qua các phiếu khảo sát người học, người sử dụng lao động góp ý về CTĐT ngành Kế toán làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán, cải tiến chất lượng CTDH [H10.10.01.03] Hàng năm Trường và Khoa còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến SV năm cuối về CTĐT, các kết quả thu thập từ phản hồi được Nhà Trường xử lý và tổng hợp trong các báo cáo về ý kiến phản hồi [H10.10.01.04]. Ngoài ra, Khoa đã tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến các GV có kinh nghiệm của Khoa, các ý kiến phản hồi được thảo luận nhằm cải tiến CLĐT, phát triển CTDH thông qua các buổi họp Hội đồng Khoa [H10.10.01.05]. Khoa tổ chức các buổi trao đổi, seminar, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của ngành Kế toán giúp Khoa có cái nhìn

về yêu cầu thực tế đối với CĐR và CTĐT của ngành Kế toán để từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn [H10.10.01.06].

Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, tiếp thu kinh nghiệm, kiến thức thực tế, Khoa còn thường tổ chức các chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV ngành Kế toán [H10.10.01.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm Nhà trường đã và đang xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, không những tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế, thực tập, trải nghiệm thực tế gắn lý thuyết với thực hành, còn hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên, như hợp tác với Công ty An phát Holding, Công ty TNHH Nông nghiệp HT Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH Việt nam Toyo Denso, Công ty cổ phần kinh doanh KYOKAWA. [H10.10.01.08].

Đồng thời, Khoa cũng tổ chức các cuộc họp tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.09] cùng các báo cáo tổng kết năm học có đánh giá CTĐT, CTDH, Kế hoạch phát triển CTDH các năm tiếp theo [H10.10.01.10].

### *2. Điểm mạnh*

Hiện nay Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi online nên việc thu thập thông tin sẽ được thuận lợi hơn nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện liên kết với doanh nghiệp thông qua cựu SV nhằm mở rộng liên hệ hỗ trợ cho việc thu thập thông tin.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023-2024, Khoa KT - TC sẽ chủ động thực hiện thu thập thêm thông tin từ các bên liên quan. Trong các buổi sinh hoạt lớp, GVCN các lớp sẽ tăng



cường việc tuyên truyền nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Khoa sẽ tăng cường khảo sát, tổ chức các hội nghị với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà sử dụng lao động để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT với thực tế.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.***

1. *Mô tả*

Trường Đại học Hải Dương ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường [H10.10.03.01]. Trường ban hành quy định về quy trình đánh giá kết quả học tập của SV, Quy định về điều kiện thực tập tốt nghiệp, viết và bảo vệ khóa luận TN [H10.10.03.02]. Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHHD [H10.10.03.03].

Cuối học kỳ, Trường gửi thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV để cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học. Kết thúc học kỳ, Trường gửi thông báo xét kết quả học tập đến Khoa, SV để nhận phản hồi nếu có vấn đề phát sinh [H10.10.03.04].

Trường ban hành quy định cụ thể về rà soát, đánh giá phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo tương thích và phù hợp với CDR. Trên cơ sở này, Khoa họp thông qua các vấn đề liên quan đến dạy học, lập ngân hàng đề thi, chấm thi,... triển khai cụ thể đến từng GV. Từ năm học 2018 - 2019, Khoa là đơn vị đi đầu trong triển khai lập ngân hàng đề thi, chấm điểm tập trung tại văn phòng khoa, chấm thi cuối kỳ qua 02 vòng độc lập. [H10.10.03.05].

Cuối học kỳ, Trường lập ban tổ chức thi kết thúc học phần. Đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc từ khâu ra đề, tổ chức thi, chấm thi theo biểu mẫu quy định của Trường. Kết thúc mỗi kỳ thi, Nhà trường tổ chức họp tổng kết, đánh giá công tác tổ chức coi thi, ra đề, in sao đề thi, chấm thi,... để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập SV phù hợp hơn [H10.10.03.05].

Để đảm bảo sự tương thích giữa quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập, đầu mỗi năm học Trường đều lên kế hoạch thanh tra năm học nêu rõ trách nhiệm giữa các phòng ban và Khoa. Cuối mỗi năm học, Trường thực hiện báo cáo thanh tra năm học

nhằm phát hiện các vấn đề còn tồn tại, từ đó hoàn thiện các biện pháp cải tiến trong năm học tiếp theo [H10.10.03.06].

Trường thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy – học và kết quả học tập thông qua phần mềm khảo sát người học. Dựa trên các phiếu thu về, Trường lập báo cáo kết quả phản hồi của SV [H10.10.03.07], [H10.10.03.08]. Khoa tập trung nâng cao, đổi mới giảng dạy, học tập, NCKH,... Toàn thể GV nỗ lực đổi mới giảng dạy, tổ chức seminar trao đổi kinh nghiệm, chủ trì hội thảo khoa học cấp quốc gia và đồng tổ chức với nhiều đơn vị có uy tín chuyên môn trong cả nước [H10.10.03.09]. Các hoạt động diễn ra liên quan đến quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học của Khoa đều gắn liền với kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục do Trường ban hành [H10.10.03.10].

## *2. Điểm mạnh*

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thường xuyên theo từng học kỳ.

Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV tuy được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhưng chưa thu thập được ý kiến đánh giá đối với 100% học phần. Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2023-2024, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến SV; Phòng CTCTSV tăng cường việc nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Đối với Khoa KT - TC, GVCN tăng cường nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Khoa tập huấn phương pháp giảng dạy cho GV; các bộ môn dự giờ giảng, đặc biệt là GV trẻ để góp ý nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy lợi thế của Khoa là lực lượng GV nhiệt tình, năng động, chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao trong xây dựng và đóng góp quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.*

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

***1. Mô tả***

Hoạt động giảng dạy và NCKH luôn song hành với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Hoạt động NCKH của GV và người học là một yếu tố rất quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Dựa trên các quy định của Trường hằng năm số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015-2020 [H10.10.04.01], xây dựng quy định cụ thể về các loại hình NCKH của người học: Thực hiện đề tài NCKH các cấp với nội dung nghiên cứu là những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của GV hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp do GV làm chủ nhiệm đề tài; Tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh; Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học SV; viết bài đăng trên các ấn phẩm, tạp chí khoa học trong và ngoài Trường. (Điều 4, Quy định về việc NCKH của SV trong Trường ĐHHĐ)[H10.10.04.02], Trong Quy định cũng trình bày quy trình đăng ký đề tài, tổ chức thực hiện đề tài và tiêu chí đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH của SV kèm các biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn SV thực hiện đề tài.

Theo quy định của Bộ Giáo dục về các hoạt động NCKH của người học, nhà Trường luôn có các kế hoạch triển khai các các hoạt động này hàng năm. Ngay khi có kế hoạch của Nhà trường, các GV trong Khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để SV tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất và nhiều nhất vào năm cuối khóa [H10.10.04.03]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Nhiều GV là chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Trường,... [H10.10.04.04],[H10.10.04.05].

Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo, NCKH cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.06].

Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH, GV của Khoa còn thường xuyên công bố bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đặc biệt nhiều GV có công bố trong các tạp chí ISI và Scopus có uy tín trên thế giới. So với quy định chung của cả

nước và so với quy định hiện hành về giờ chuẩn NCKH của Trường và của Bộ GD&ĐT, thì số lượng và chất lượng công bố khoa học của các GV Khoa là khá cao. Đồng thời hoạt động NCKH còn hỗ trợ đắc lực cho các GV trong Khoa nâng cao kiến thức, tăng cường bổ sung biên soạn bài giảng, sách,... phục vụ hoạt động dạy và học [H10.10.04.07].

Khoa KT - TC còn rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, cụ thể 20% SV học ngành Kế toán tham gia hoạt động NCKH thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.08]. Cùng với đó, GV của Khoa còn tích cực khuyến khích và tạo điều kiện để người học tham gia hoạt động NCKH thông qua việc hướng dẫn SV thực hiện NCKH. Số lượng SV đăng ký tham gia hoạt động NCKH ngày càng tăng thông qua Phòng KH&CN-TT tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV về loại hình và khối lượng NCKH, kết quả khảo sát cho thấy năm 2019 có 75,71% ý kiến hài lòng về khối lượng, chất lượng đề tài NCKH của SV [H10.10.04.09]. Năm 2020, Nhà trường đã khảo sát ý kiến của SV về hoạt động NCKH của người học. Các nội dung khảo sát bao gồm: Nhận thức của SV về hoạt động NCKH, SV có được phổ biến về Quy định NCKH của SV và Quy chế quản lý TSTT, mức độ tham gia các hoạt động liên quan đến NCKH, loại hình nghiên cứu của SV, số lượng đề tài NCKH đã tham gia, sự hài lòng về loại hình NCKH của Nhà trường và mức độ hài lòng về sự hướng dẫn của giảng viên [H10.10.04.10].

Trường có thực hiện đối sánh trong nội bộ Trường theo từng năm học:

**Bảng 10.04.1 Đối sánh loại hình, số lượng SV NCKH theo từng năm**

Năm học Loại hình	2015 -2016	2016 -2017	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020
Đề tài NCKH SV	01	-	01	01	-
Tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở	-	-	-	-	4
Bài báo	1	-	-	-	1
Tham gia cuộc thi KHKT (Sáng tác video)	-	-	-	-	4

(Nguồn: Phòng KH&CN-TT tổng hợp)

**Bảng 10.04.2 Đối sánh số lượng đề tài NCKH giữa các ngành đào tạo năm học 2019 - 2020 (Hội thi sáng tác video cho sinh viên)**

<b>Đơn vị t/gia</b> <b>Nội dung</b>	<b>Khoa Kế toán - Tài chính</b>	<b>Khoa Kinh tế - Quản trị</b>	<b>Khoa Kỹ thuật &amp; Công nghệ</b>	<b>Khoa CB - Ngoại ngữ</b>
Số lượng đề tài NCKH	1	1	1	1
Số lượng sinh viên tham gia	3	3	3	3
Giải thưởng đạt được	Giải Ba	Giải Nhất	Giải Ba	Giải Nhì
Số tiền thưởng	300.000đ	1.000.000đ	300.000đ	500.000đ

Từ phân tích bảng số liệu trên cho thấy, hoạt động NCKH của sinh viên các ngành đào tạo của Nhà trường khá đồng đều, số lượng và chất lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Kế toán so với ngành QTKD, Kỹ thuật điện và Ngoại ngữ không có nhiều sự chênh lệch.

Ngoài ra, Khoa cũng đã tham gia tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo chuyên ngành về Kế toán. Khoa cũng thực hiện ký kết các biên bản hợp tác với các đơn vị về tăng cường trao đổi nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV và năng lực học, kỹ năng cho SV [H10.10.04.11].

### *2. Điểm mạnh*

Với đặc thù đội ngũ GV có chuyên môn sâu và có nhiều công trình khoa học được công bố trên tạp chí trong nước chính là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH của Khoa. Hàng năm, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH luôn được xác lập và giám sát. Hơn nữa, các hoạt động nghiên cứu của SV giữa các ngành trong Nhà trường được Khoa tiến hành đối sánh qua các năm. Thời gian gần đây Khoa khuyến khích SV chọn các đề tài NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

### *3. Điểm tồn tại*

Còn một số SV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong việc đăng kí hoạt động này. Khoa vẫn chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV với ngành Kế toán ở CSGD khác.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023-2024, Khoa KT - TC sẽ chủ động xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp giữa GV và SV. Bên cạnh đó Khoa KT - TC sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV của ngành Kế toán, tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

Đề xuất Nhà trường ban hành những quy định tạo động lực tốt cho SV NCKH như: cộng điểm khuyến khích học tập, cấp học bổng các khóa học bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH, hỗ trợ kinh phí cho những đề tài có giá trị khoa học và tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

##### *1. Mô tả*

Nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và SV, Trường Đại học Hải Dương đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.01]. Các đơn vị chức năng triển khai nhiều hình thức lấy ý kiến qua kênh phiếu khảo sát, sinh hoạt lớp, tổ chức đối thoại giữa SV với Hiệu trưởng đã thu thập được nhiều thông tin đề xuất, phản ánh xác đáng liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập [H10.10.05.03].

Hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo. Việc này được Nhà trường và Khoa tổ chức thực hiện hàng năm nhằm đánh giá một cách tổng quát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập [H10.10.05.04].

Nhà trường thường xuyên cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ Thư viện như triển khai mua phần mềm, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, cải tiến chất lượng

dịch vụ [H10.10.05.05]. Để nâng cao chất lượng phòng thực hành Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị Nhà trường đầu tư, cải tiến các trang thiết bị phòng thực hành, giáo trình đáp ứng CTĐT của Khoa triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho Giảng đường; trang bị phần mềm thực hành kế toán cho các phòng thực hành, Tạp chí Khoa học online, Trạm y tế, Thư viện [H10.10.05.06], [H10.10.05.07], [H10.10.05.8], [H10.10.05.9].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm, đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng, phần mềm học tập. Hệ thống phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin được trang bị trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thực hiện tốt cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời và thường xuyên do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Các thiết bị phòng thực hành chưa được thường xuyên bảo dưỡng. Chất lượng dịch vụ của Thư viện còn hạn chế, chưa hiện đại.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023-2024, Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục đáp ứng các nhu cầu về cơ sở vật chất để nâng cao CLĐT như duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên phòng thực hành. Xây dựng thư viện điện tử để SV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu từ nước ngoài.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.*

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Mô tả*

Tại Trường Đại học Hải Dương, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống.

Dựa vào các văn bản hướng dẫn về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hải Dương đã ban hành các Quyết định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường Đại học Hải

Dương nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo [H10.10.06.01].

Được thành lập theo Quyết định Số 490/QĐ-ĐHHD ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương, Phòng Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra của Trường Đại học Hải Dương là đơn vị chịu trách nhiệm về việc tổ chức, triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng, hoàn thiện hệ thống các loại phiếu khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát cho Bộ GD&ĐT cũng như Hiệu trưởng; tiếp nhận và xem xét các kết quả phản hồi để đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT và cấp Trường theo định kỳ cũng như xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.06.02].

Trước đây, việc khảo sát thường được thực hiện thông qua việc phát các phiếu hỏi; tuy nhiên trong những năm trở lại đây, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát, tài khoản cá nhân của SV [H10.10.06.03], [H10.10.06.04]. Sự đa dạng của công cụ khảo sát giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng hơn, độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật, có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được Trường quan tâm, đánh giá, xem xét. Hằng năm, Nhà trường đều đưa ra các thông báo, kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau khi khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng đều có văn bản báo cáo, đánh giá về công tác khảo sát kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến công tác này trong thời gian tới. Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08], [H10.10.06.09].

Đặc biệt, năm 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và SV để Nhà trường có thể nhanh chóng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc của SV [H10.10.06.10]. Ngoài ra, định kỳ Khoa KT - TC còn tổ chức



các cuộc họp lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Kế toán để có cơ sở xây dựng, đổi mới CTĐT ngành Kế toán theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho xã hội [H10.10.06.11]. Khoa cũng quan tâm thu thập thông tin phản hồi của người học thông qua các buổi sinh hoạt lớp; các buổi họp, gặp gỡ trực tiếp với các ban cán sự, CB Hội, CB Đoàn, sinh viên của các lớp để kịp thời nắm bắt các khó khăn, nguyện vọng của các em SV về công tác dạy và học để có thể đáp ứng nhu cầu của người học trong Khoa [H10.10.06.12], [H10.10.06.13]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến phản hồi, Nhà trường thường xuyên họp bàn, thảo luận để đưa ra các cải tiến nhằm nâng cao CLĐT và các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của người học. Mỗi năm, Trường Đại học Hải Dương đều đưa ra kế hoạch đảm bảo chất lượng cho năm học đó nhằm nâng cao CLĐT trong Nhà trường [H10.10.06.14]. Đặc biệt, việc điều chỉnh, phát triển CTĐT nhằm cải tiến CLĐT luôn được chú trọng quan tâm. Theo đó, Nhà trường và Khoa định kỳ đã ra các kế hoạch, quyết định nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật và xây dựng CTĐT các ngành trong Trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng [H10.10.06.15], [H10.10.06.16]. Mỗi lần cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các chuyên gia, người học, các GV và CB quản lý các cấp nhằm đảm bảo tính sư phạm, chất lượng chuyên môn, mức độ khả thi của CTĐT. Ngoài việc chỉnh sửa CTĐT, Khoa KT - TC còn tổ chức các buổi trao đổi, seminar, hội thảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của ngành Kế toán; tổ chức các chương trình nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho SV ngành Kế toán [H10.10.06.17], [H10.10.06.18]. Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ khác như phần mềm, trang thiết bị, thư viện, điện, internet, nước sạch,... cũng được nhà Trường quan tâm cải tiến nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của người học [H10.10.06.19], [H10.10.06.20], [H10.10.06.21].

## *2. Điểm mạnh*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Trường Đại học Hải Dương quy định bằng văn bản, có tính hệ thống. Trường Đại học Hải Dương nói chung và Khoa KT - TC nói riêng đã xây dựng hệ thống khảo sát online nên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được diễn ra thường xuyên, liên tục và dễ dàng hơn. Đây là cơ sở giúp các ý kiến phản hồi luôn được đánh giá và cải tiến kịp thời, có hệ thống; từ đó giúp cải tiến CTĐT cũng như chất lượng các dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và các bên liên quan. Kết quả phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá, cải tiến thường xuyên.

### 3. Điểm tồn tại

Trong quá trình vận hành phần mềm khảo sát online, ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV ở các học phần. Các đối tượng khác có liên quan như cựu SV, nhà sử dụng lao động chưa nhiệt tình tham gia khảo sát.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện các công cụ khảo sát để thu thập thông tin đầy đủ hơn. Đồng thời, duy trì việc đánh giá, xem xét các phản hồi; thường xuyên cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của người học và xã hội. Đồng thời, Phòng Công tác HS - SV sẽ tiếp tục phổ biến, nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường. Riêng Khoa KT - TC sẽ tăng cường tổ chức các cuộc họp mặt, làm việc với các SV đã tốt nghiệp cũng như nhà tuyển dụng, các đơn vị đang sử dụng SV ngành Kế toán đã tốt nghiệp để nắm rõ hơn nhu cầu nhân lực của xã hội, từ đó đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Trường Đại học Hải Dương và Khoa Kế toán - Tài chính đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ sinh viên, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTĐT.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (Tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Nội dung phiếu khảo sát chưa mang tính đặc thù của từng ngành học; Số lượng ý kiến phản hồi còn thấp đặc biệt từ các NTD và chưa có nhiều ý kiến có tính tham mưu và kịp thời; Nhà trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của giảng viên mời các nhà KH các chuyên gia giáo dục, chưa phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; Số lượng đề tài NCKH của cả giảng viên và sinh viên còn hạn chế và còn ở mức khiêm tốn, chưa có nhiều đề tài

mang tính đột phá hoặc ở cấp tỉnh, cấp Bộ; tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với CSVC còn chưa cao và quy trình đánh giá chưa được chủ động, đồng đều tại từng bộ phận.

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa đặt ra những kế hoạch hành động như: Chủ động lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động... để dễ dàng tham khảo ý kiến; có cơ chế tổng hợp, phản hồi, xử lý kịp thời nhằm cải tiến CTĐT; Phối hợp cùng Phòng ĐBCL&TT cập nhật nội dung phiếu khảo sát, tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi của các bên, đặc biệt bổ sung thêm việc lấy ý kiến của các GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng, các nhà KH/các chuyên gia giáo dục về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời có phương án phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; phối hợp cùng các cơ quan bên ngoài nhà trường tăng cường nguồn lực và hợp tác nâng cao năng lực NCKH.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 5/7

### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

#### ***Mở đầu***

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD đại học. Do đó, Trường Đại học Hải Dương cũng như Khoa KT - TC rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng bài NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

#### ***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### ***1. Mô tả***

Hoạt động học tập của người học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định Bộ GD & ĐT và quy định của Trường Đại học Hải Dương. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, tỷ lệ tốt nghiệp. Trong đó, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học (*nay là Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế*) làm đầu mối triển khai, các đơn vị phối hợp gồm Phòng ĐBCL&TT, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm và các khoa.

Tại Trường Đại học Hải Dương, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Kế toán được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống CVHT, Khoa KT- TC, Phòng

Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm được quản lý, giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường công bố trong Báo cáo công tác đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.02].

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế đã thực hiện giám sát thông qua nhiều hình thức: Sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, lịch dạy và học hàng tuần, từng kỳ; kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc học phần. Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành năm 2012, 2020, 2021 và 2023 [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], trong đó quy định về việc đăng ký học phần, học lại, học cải thiện điểm, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học. Đồng thời, vào đầu mỗi kỳ học, Nhà trường phối hợp với các Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Phòng Công tác sinh viên - Việc làm, Khoa tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” để phổ biến quy chế đào tạo đến toàn thể SV cũng như giải đáp các thắc mắc của SV liên quan đến học tập, rèn luyện, trong đó có các quy định về tốt nghiệp, thôi học để SV nắm được các quy chế đào tạo, yêu cầu về kết quả học tập trong mỗi kỳ học cũng như quy trình, cách thức đánh giá kết quả học tập, các quy định về quy trình xét thôi học, các quy định, quy trình về công nhận tốt nghiệp, và các quy định khác có liên quan đến SV.

Dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên là cơ sở để Nhà trường xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của sinh viên ngành kế toán và kết quả học tập của sinh viên được cập nhập thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp sinh viên theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách sinh viên bị cảnh báo học tập [H11.11.01.07] và thôi học được cập nhập theo năm học và được lưu tại Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế, phòng Công tác sinh viên - Việc làm [H11.11.01.08].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, giáo vụ khoa phối hợp với CVHT kiểm tra thông tin, xác nhận với Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Phòng Đào tạo - Hợp tác Quốc tế sẽ làm các thủ tục ra quyết định

và cấp bằng tốt nghiệp. Khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai đồng thời gửi về Khoa và các phòng ban có liên quan [H11.11.01.09]. Theo kết quả thống kê sinh viên các khóa học từ năm 2018 đến năm 2023, thông tin về tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua **Bảng 11.1.1**.

*Bảng 11.1.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây*

Năm học	Số lượng sinh viên	Tỉ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỉ lệ % người thôi học trong thời gian			
		3 năm	4 năm	> 4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2018-2019	115	0%	52,8 %	17,6%	9,6%	4,0%	4,0%	0%
2019-2020	111	0%	52,3%	15,3%	11,7%	5,4%	0,9%	0%
2020-2021	54	0%	64,8%	3,7%	7,4%	5,6%	3,7%	0%
2021-2022	75	0%	77,3%	2,7%	8,0%	0,0%	2,7%	0%
2022-2023	56	0%	66,1%	3,6%	8,9%	3,6%	3,6%	0%

*(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)*

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Tỉ lệ sinh viên ngành kế toán tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào của Nhà trường giữ ở mức ổn định có tỷ lệ trung bình là 71,2% và tỷ lệ Sinh viên ngành kế toán tốt nghiệp đúng hạn giao động từ 67,6% đến 80% và có xu hướng tăng. Tỉ lệ thôi học các khóa dao động từ 10% đến 17% và tỷ lệ thôi học hằng năm có xu hướng tăng.

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế đã thống kê nguyên nhân thôi học, nghỉ học của sinh viên và thông qua số liệu thống kê cho thấy SV thôi học chủ yếu là vào hai năm đầu tiên của khóa học, các nguyên nhân thôi học bao gồm: Sinh viên thôi học vì lí do cá nhân, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, đi du học hoặc do hoàn cảnh gia đình, bị buộc thôi học do kết quả học tập.

Theo báo cáo tổng kết của trường, khoa [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], cho thấy sinh viên chậm tốt nghiệp hơn so với thời gian quy định phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Hàng năm, tỷ lệ sinh viên ngành kế toán tốt

nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Để giám sát tỷ lệ thôi học của sinh viên Nhà trường đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng của sinh viên [H11.11.01.12] và liên hệ với đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ lớp thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên để tư vấn, cảnh báo sinh viên có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của sinh viên; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp đỡ sinh viên cải thiện kết quả học tập, rèn luyện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2018 - 2023 của sinh viên ngành kế toán với các CTĐT khác của Nhà trường được trình bày ở **Bảng 11.1.2**.

***Bảng 11.1.2. Bảng đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học ngành kế toán với các ngành trong 5 năm gần đây***

Năm học	Kế toán		Quản trị kinh doanh		Tài chính ngân hàng		Ngôn ngữ anh	
	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)	Tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT (%)	Tỉ lệ SV thôi học (%)
2018 - 2019	70,4 %	17,6%	47,2%	22,2%	57%	21,7%	-	-
2019 - 2020	67,6 %	18,0%	71,4%	17,9%	64%	18,2%	-	-
2020 - 2021	68,5 %	16,7%	63,6%	18,2%	50%	25%	100%	0%
2021 - 2022	80 %	10,7%	47,8%	21,7%	80%	0 %	42,9%	28,6%
2022 - 2023	69,6 %	16,1%	64,5%	12,9%	50%	25%	100%	0%

*(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, phòng Công tác sinh viên - Việc làm)*

Kết quả đối sánh cho thấy: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán cao hơn các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Ngôn ngữ anh. Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành kế toán thấp hơn các ngành khác nhưng tỉ lệ thôi học vẫn còn cao, SV thôi học chủ yếu là vào hai năm đầu tiên của khóa học do SV không thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTĐT, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, đi du học hoặc do hoàn cảnh gia đình. Tình hình SV tốt nghiệp, thôi học được giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh định kỳ hằng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới.

Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến để làm giảm tỷ lệ thôi học của SV. Cụ thể tăng cường sự quan tâm, động viên, giám sát của cố vấn học tập và Phòng CTSV - VL thông qua các buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động tập thể. Trao học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, sinh viên có kết quả học tập cao hằng năm để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.13]. Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho người học. Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp sinh viên xác định đúng đắn động cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu năm học [H11.11.01.14].

Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, tọa đàm với SV nhằm hỗ trợ, định hướng học tập cho SV, thực hiện khảo sát về tình hình việc làm, phối hợp với Hội SV và các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm nhằm giúp SV đang học vững tin hoàn thành CTĐT và SV đã tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm ngay khi ra trường [H11.11.01.15]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT, thiết lập, cải tiến các phương pháp quản lý kết quả học tập của SV, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập.

### *2. Điểm mạnh*

Khoa, Phòng CTSV - VL, cố vấn học tập, Đoàn thanh niên và Hội SV luôn giám sát, cập nhật tình hình SV (đặc biệt là SV thuộc diện khó khăn, có kết quả học tập yếu kém, sinh viên nghỉ học nhiều) thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác nhằm có sự trao đổi tư vấn để có hướng giải quyết phù hợp giúp làm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học hàng năm.

### *3. Điểm tồn tại*

Khoa mới chỉ thực hiện đối sánh với các ngành khác trong Nhà trường về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học mà chưa đối sánh với các trường khác chưa thực hiện được. Bên cạnh đó Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV, giúp SV có thể tra cứu kết quả học tập của mình qua mạng Internet.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023-2024, Khoa sẽ tìm hiểu và thực hiện việc đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học với các trường khác để có những biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm

hiều lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình hoàn thành CTĐT của SV.

Nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý SV và phần mềm quản lý kết quả học tập của SV để việc theo dõi tình hình học tập và tra cứu kết quả học tập của SV được dễ dàng, kịp thời hơn.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

### ***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### ***1. Mô tả***

Từ năm học 2012 - 2013, Nhà trường đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ đại học. Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hải Dương [H11.11.02.01] và Chương trình đào tạo ngành kế toán [H11.11.02.02], CTĐT ngành kế toán trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường có thời gian học chuẩn là 4 năm và tối đa là 8 năm. CTĐT ngành Kế toán có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng nguyện vọng học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm trước thời hạn. Tuy nhiên qua quá trình trường triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có sinh viên tốt nghiệp sớm.

Nhà trường áp dụng chuẩn đầu ra tin học, tiếng Anh đối với sinh viên kể từ khóa tuyển sinh năm 2014, yêu cầu SV tốt nghiệp phải có trình độ ngoại ngữ chuẩn A2 theo khung tham chiếu Châu Âu; Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B theo chương trình tin học ứng dụng do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành [H11.11.02.03].

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ-ĐHHD ngày 25/01/2019 [H11.11.01.04]. Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kế toán được trình bày Bảng 11.2.1.

**Bảng 11.2.1: Bảng thời gian tốt nghiệp trung bình của Sinh viên ngành kế toán theo khóa học giai đoạn 2018 - 2023**

Năm học	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	Trung bình
Thời gian tốt nghiệp	4.25	4.21	3.90	3.73	3.95	<b>4.01</b>

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)



Theo số liệu thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành kế toán là 4.01 năm, so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học. Trong đó Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế là đầu mối theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của người học, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỉ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

Trên cơ sở số liệu SV tốt nghiệp Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kế toán với thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các ngành khác trong Nhà trường, cụ thể tại **Bảng 11.2.2**.

**Bảng 11.2.2: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành kế toán với các ngành đào tạo khác theo khóa học giai đoạn 2018 - 2023**

Năm tốt nghiệp	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Tài chính ngân hàng	Ngôn ngữ anh
2018 – 2019	4,25	4,26	4,11	-
2019 – 2020	4,21	4,44	-	-
2020 – 2021	3,90	3,85	3,75	3,75
2021 – 2022	3,73	3,75	3,94	3,83
2022 – 2023	3,95	4,05	3,75	4,0
<b>Trung bình</b>	<b>4,01</b>	<b>4,07</b>	<b>3,89</b>	<b>3,86</b>

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế)

Tại Bảng 11.2.2 cho thấy kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kế toán thấp hơn ngành Quản trị kinh doanh và cao hơn ngành Tài chính ngân hàng, ngôn ngữ anh và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kế toán các khóa dao động từ 3,73 đến 4,25 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình cao hơn hơn thời gian thiết kế 1 tháng, sự khác biệt này là không nhiều gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT.

Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV thông qua bảng thống kê các môn học có nhiều SV không đạt các môn học trong CTĐT ngành kế toán [H11.11.01.05]. Theo kết quả phân tích từ Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế và Khoa, số SV tốt nghiệp muộn có nguyên nhân chủ yếu do nhiều SV nợ

các học phần trong CTĐT, cùng các nguyên nhân khác như không đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, không có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, nợ học phí; một số do hoàn cảnh cá nhân, mãi đi làm thêm, chưa biết lập kế hoạch học tập nên thời gian tốt nghiệp bị chậm.

Từ các phân tích trên, Khoa cùng các đơn vị trong trường đề xuất các giải pháp để giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian học tập, cụ thể như sau:

- Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đã cảnh báo tới từng SV bị chậm tiến độ, SV còn nợ môn học để nắm thông tin và hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H11.11.02.06].

- Tổ chức học kỳ phụ trong từng năm học và mở lớp học lại, học cải thiện điểm vào học kỳ chính và học kỳ phụ (Học kỳ hè) để SV có thể đăng ký học lại những môn chưa đạt, học cải thiện điểm hoặc đăng ký học vượt rút ngắn thời gian học tập. Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Nhà trường và nhu cầu của SV mà trường tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ phụ), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập, tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu hết SV các khoa, các ngành đào tạo trong trường. Đồng thời, Khoa yêu cầu các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm tư vấn sát sao đăng ký học lại của SV.

- Trường tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1 vào tháng 12, kỳ 2 vào tháng 8 hàng năm) và 02 kỳ tốt nghiệp phụ theo từng năm học sau khi SV hoàn thành học kỳ hè để cải thiện điểm hoặc học lại các môn học chưa đạt [H11.11.02.09]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của sinh viên, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT sau khi hoàn thành các học phần chưa đạt.

- Trong các báo cáo tổng kết năm học của Khoa Kế toán hàng năm, các giảng viên cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.10].

- Căn cứ quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV được áp dụng từ khoá 2014, Trường phối hợp với Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ tổ chức các chương trình đào tạo tiếng Anh, tin học tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CDR tin học và ngoại ngữ [H11.11.02.11], [H11.11.02.12] nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn ngành kế toán để hỗ trợ chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường đã thông báo sớm kế hoạch đào tạo học kỳ tiếp theo để SV bố trí sắp

xếp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho hệ thống cố vấn học tập để quản lý, theo dõi và hướng dẫn SV chậm tiến độ. Đồng thời Nhà trường cũng xem xét, điều chỉnh quy định về công tác CVHT cho phù hợp với việc quản lý SV trong thời kỳ chuyển đổi số [H11.11.02.13].

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường được khoa, Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế và trường chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành kế toán. Tại trường, SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp theo quy định bằng việc căn cứ trên quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường cùng với đó là có thể lấy ý kiến tư vấn từ CVHT, và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo đại học & Sau Đại học để đăng ký học vượt, học tự nguyện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu của CTĐT ngành Kế toán [H11.11.02.14].

Mặc dù Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. Đồng thời, Nhà trường cũng chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành kế toán.

## *2. Điểm mạnh*

Hầu hết SV ngành Kế toán có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV kịp thời nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Với chuẩn đầu ra môn ngoại ngữ và tin học, Trường chủ động tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CDR theo đúng tiến độ.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Chính vì vậy vẫn còn một số SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường. Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành Kế toán theo chương trình học chế tín chỉ (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành Kế toán đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV chưa tự tin đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2023-2024, Khoa KT-TC cùng với Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học, Phòng CTSV, giáo viên chủ nhiệm sẽ tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động theo dõi kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.

Phát huy tối đa vai trò của Giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi, hướng dẫn, giám sát và tư vấn cho SV trong suốt quá trình học tập, kịp thời nắm bắt thông tin để SV ra trường đúng tiến độ. Đồng thời tăng cường tương tác thông tin với SV qua các kênh thông tin chính thức của Khoa và Nhà trường.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.*

### ***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### *1. Mô tả*

Một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng CTĐT là tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của Nhà trường cũng như của Khoa Kế toán - Tài chính. Đồng thời chỉ tiêu này cũng phản ánh mức độ chủ động của người học trong việc tìm kiếm việc làm và định hướng nghề nghiệp trong quá trình học.

Phòng Công tác sinh viên - Việc làm là đơn vị được giao nhiệm vụ, trách nhiệm về việc theo dõi, giám sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, thể hiện trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc trường [H11.11.03.01], tại Mục 4: Phòng Công tác sinh viên, Điều 14. Nhiệm vụ quyền hạn, Khoản 24, quy định “Quản lý và thường xuyên cập nhật danh sách, địa chỉ, nơi công tác, chức vụ của cựu sinh viên. Phối hợp với các đơn vị có quản lý sinh viên tăng cường mối quan hệ với cựu sinh viên, học viên...”. Hàng năm, Phòng CTSV - VL với Khoa triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình,

vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của SV sau một năm tốt nghiệp [H11.11.03.02].

Để thường xuyên giữ mối liên hệ với các khóa sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, đặc biệt là sinh viên vừa tốt nghiệp để theo dõi tình hình việc làm của sinh viên. Phòng Công tác sinh viên - Việc làm phối hợp với khoa Kế toán - Tài chính thiết lập mạng lưới thu thập thông tin qua các kênh: Phối hợp với chủ nhiệm, cố vấn học tập các lớp lập danh bạ điện thoại cựu sinh viên và gọi điện trực tiếp cho các em để khảo sát [H11.11.03.03]; Lập nhóm zalo lớp trưởng, bí thư các lớp sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H11.11.03.04], xây dựng mẫu biểu khảo sát qua Google docs để các lớp trưởng, bí thư chuyển cho các sinh viên lớp mình thực hiện khảo sát, kết quả sẽ được Phòng CTSV - VL tổng hợp lại.

Từ nguồn dữ liệu khảo sát, Phòng CTSV - VL xử lý dữ liệu, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của SV và công khai trên website của Trường. Toàn bộ dữ liệu về khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm được lưu trữ tại Phòng CTSV - VL [H11.11.03.05].

Hàng năm, Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Kế toán với các ngành kinh tế khác trong Trường, kết quả cho thấy, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp ngành Kế toán của Khoa tương đối cao so với các ngành được so sánh và cao hơn mức trung bình của toàn trường qua các năm từ 2018 đến 2023. Chỉ riêng trong năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid - 19 trên phạm vi toàn cầu khiến các doanh nghiệp hoạt động khó khăn, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có việc làm chỉ đạt 70.09%. Các năm còn lại trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ sinh viên có việc làm đều đạt từ 85% trở lên. Hầu hết SV tốt nghiệp ngành Kế toán của trường làm đúng chuyên ngành mà mình được đào tạo [H11.11.03.06]. Cụ thể như sau:

- Năm 2019: có 82.79% sinh viên ngành Kế toán làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2020: có 56.07% sinh viên ngành Kế toán làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2021: có 69.49% sinh viên ngành Kế toán làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2022: có 80.41% sinh viên ngành Kế toán làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

- Năm 2023: có 73.81% sinh viên ngành Kế toán làm việc gần hoặc đúng chuyên ngành mình được đào tạo

Từ những số liệu phân tích trên có thể thấy rằng người học tốt nghiệp ngành Kế toán tại Trường Đại học Hải Dương có năng lực nghề nghiệp và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Về khu vực làm việc của sinh viên ngành Kế toán, chủ yếu các em làm việc trong khu vực tư nhân (Năm 2019: 77.5%, Năm 2020: 73.33%, Năm 2021: 78%, Năm 2022: 78.02%, Năm 2023: 93.75%). Điều này xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam ngày càng chuyển dịch mạnh mẽ theo cơ chế thị trường, số lượng đơn vị kế toán nhà nước (công ty nhà nước) ngày càng thu hẹp và thay vào đó là sự phát triển của các đơn vị kế toán tại khu vực tư nhân. Vì vậy, việc người học tham gia nhiều vào khu vực này là phù hợp.

**Bảng 11.3.1: Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành Kế toán so với các ngành kinh tế khác trong Trường**

Ngành	Tỷ lệ (%) người tốt nghiệp có việc làm				
	Năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Kế toán	86.02%	70.09%	91.53%	93.81%	76.19%
Kinh tế	71.43%	100%	100%	100%	-
Quản trị kinh doanh	100%	40.91%	88.89%	100%	100%
Quản trị DV du lịch và lữ hành	100%	-	-	100%	100%
Toàn trường	83.50%	66.67%	90.73%	95.06%	97.02%

Khoa thường xuyên giữ mối liên hệ với các khóa SV đã tốt nghiệp ra trường, đặc biệt là SV vừa tốt nghiệp để theo dõi tình hình xin việc làm của SV. Đối với những SV chưa có việc làm hoặc làm việc chưa đúng với chuyên ngành được đào tạo Khoa sẽ tìm hiểu nguyên nhân và có những hỗ trợ nhất định trong tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó Khoa và Nhà trường thường xuyên liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là SV tốt nghiệp của Khoa để tiếp nhận phản hồi, nhận xét, đánh giá khả năng làm việc, vận dụng chuyên môn được đào tạo vào công việc thực tế [H11.11.03.07],

[H11.11.03.08]. Từ đó Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT. Trong CTĐT các ngành học, Nhà trường đã đưa một số học phần chứa đựng những nội dung rèn luyện các kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng xin việc làm, kỹ năng viết đơn xin việc làm, như học phần: Kỹ năng giao tiếp. Để cho sinh viên được trải nghiệm thực tế, tự tin với công việc Nhà trường đã đưa học phần Thực tế cơ sở ngành trong CTĐT các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản trị dịch vụ, du lịch và lễ hành, Quản trị văn phòng, Công nghệ thông tin [H11.11.03.09]

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm [H11.11.03.10]. Nhà trường đã và đang xúc tiến các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, không những tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế, thực tập, trải nghiệm thực tế gắn lý thuyết với thực hành, còn hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên, như hợp tác với Công ty An phát Holding, Công ty TNHH Nông nghiệp HT Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH Việt nam Toyo Denso, Công ty cổ phần kinh doanh KYOKAWA. [H11.11.03.11]

Nhằm hỗ trợ cho sinh viên có điều kiện thuận lợi để rèn luyện, nâng cao các kỹ năng mềm, tạo cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp Nhà trường đã thành lập nhiều trung tâm, như:

- Trung tâm Tin học đào tạo cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin căn bản và nâng cao theo chuẩn quốc gia, các kỹ năng sử dụng những phần mềm phổ biến theo nhu cầu thực tế của xã hội [H11.11.03.12];

- Trung tâm Dịch vụ Quản trị - Du lịch, bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn kỹ năng khởi nghiệp [H11.11.03.13];

- Trung tâm Kế toán - Tài chính đào tạo các lớp ngắn hạn về Kế toán căn bản; Kế toán nâng cao; Kế toán máy; Kế toán thuế; cấp chứng chỉ Kế toán trưởng doanh nghiệp và Kế toán trưởng hành chính sự nghiệp [H11.11.03.14];

- Trung tâm Khởi nghiệp và Phát triển kỹ năng xã hội, bồi dưỡng các chương trình đào tạo kỹ năng xã hội và cung cấp các dịch vụ đào tạo kỹ năng và mô hình khởi nghiệp, các dịch vụ tham vấn - tư vấn tâm lý [H11.11.03.15];

- Trung tâm Ngoại ngữ, bồi dưỡng các chương trình ngoại ngữ ngắn hạn cho các đối tượng xã hội có nhu cầu [H11.11.03.16].

Trường Đại học Hải Dương đã thiết kế và duy trì hoạt động thường xuyên trang thông tin việc làm sinh viên trên website tại đường link: Website <http://www.uhd.edu.vn> [H11.11.03.17].

## *2. Điểm mạnh*

Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm của ngành Kế toán được khoa và Phòng CTSV - SV xác lập và giám sát hàng năm. Tỉ lệ có việc làm của SV ngành kế toán tương đối cao so với các ngành kinh tế khác trong trường. Nhà trường có nhiều giải pháp thiết thực hỗ trợ việc làm cho SV. Công tác khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp được thực hiện có hiệu quả, nguồn dữ liệu tin cậy và chính xác. Có nhiều doanh nghiệp hợp tác hỗ trợ nhà trường về việc làm cho SV.

## *3. Điểm tồn tại*

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành Kế toán chấp nhận làm trái nghề sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là những bạn SV mới ra trường. Dù đã được Nhà trường và Khoa quan tâm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm tuy nhiên vẫn còn một số SV vẫn chưa có kế hoạch cá nhân, chưa thực sự nỗ lực cũng như định hướng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng. Do đó những SV này vẫn gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Dữ liệu khảo sát, thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm còn ít.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện việc lưu trữ phân tích dữ liệu SV tốt nghiệp có việc làm để đưa ra các giải pháp thiết thực hơn với người học.

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường và Khoa thực hiện tốt việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; Thường xuyên kết nối, khảo sát CBLQ để thu thập, phân tích nguyên nhân SV chưa có việc làm từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.*

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### *1. Mô tả*

Hoạt động NCKH của GV và người học là một yếu tố rất quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Dựa trên các quy định của Trường hàng năm số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng.



Trường ĐHHD đã có quy định cụ thể về các loại hình NCKH của người học: Thực hiện đề tài NCKH các cấp với nội dung nghiên cứu là những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của GV hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp do GV làm chủ nhiệm đề tài; Tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh; Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học SV; viết bài đăng trên các ấn phẩm, tạp chí khoa học trong và ngoài Trường. (Điều 4, Quy định về việc NCKH của SV trong Trường ĐHHD) [H11.11.04.01]. Trong Quy định cũng trình bày quy trình đăng ký đề tài, tổ chức thực hiện đề tài và tiêu chí đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH của SV kèm các biểu mẫu cần thiết để hướng dẫn SV thực hiện đề tài.

Theo quy định của Bộ Giáo dục về các hoạt động NCKH của người học, nhà Trường luôn có các kế hoạch triển khai các các hoạt động này hàng năm. Ngay khi có kế hoạch của Nhà trường, các GV trong Khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để SV tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất và nhiều nhất vào năm cuối khóa [H11.11.04.02].

Việc theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng NCKH của SV được quy định tại điều 26, Quy định Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị giúp HT thực hiện chức năng quản lý, trong đó quy định một trong các nhiệm vụ của Phòng KH&CN-TT là “Tổ chức quản lý và theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH trong SV, HV cao học và nghiên cứu sinh” [H11.11.03.01].

Dựa trên KHCL của Nhà trường đã đề ra, hằng năm, Phòng KH&CN-TT xây dựng KH hoạt động KH&CN, tiến hành thông báo các hoạt động KH&CN đến SV để làm cơ sở đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cho người học. SV tìm GV hướng dẫn, làm hồ sơ và đăng ký đề tài nộp về Khoa, Khoa tập hợp nộp về Phòng KH&CN-TT. Phòng có trách nhiệm dự thảo Hội đồng xét chọn đề tài NCKH của SV trình HT duyệt (Điều 7, Quy định về việc NCKH của SV trong Trường ĐHHD). Hướng đề tài nghiên cứu của SV không bị hạn chế, được yêu cầu phù hợp với khả năng và nguyện vọng của SV, với nội dung CTĐT và đòi hỏi thực tiễn của xã hội, với định hướng và KH hoạt động KH&CN của Nhà trường (Điều 4). Điều 8 của Quy định nêu rõ SV thực hiện nhiệm vụ NCKH dưới sự hướng dẫn của GV, hàng tháng SV phải báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện đề tài với Khoa và Phòng KH&CN-TT. Theo KH KH&CN, Nhà trường tổ

chức kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của SV. Đề tài của SV được Nhà trường tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo các mức: Xuất sắc, tốt, khá, đạt, không đạt [H11.11.04.03].

Các đề tài xếp loại đạt trở lên sẽ nộp báo cáo về Phòng KH&CN-TT và Thư viện để lưu trữ và nộp hồ sơ tài chính về Phòng TCKT làm thủ tục quyết toán (Điều 8, Quy định về việc NCKH của SV trong Trường ĐHHD). Điều 6 của Quy định nêu rõ nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học được HT QĐ hỗ trợ, trích từ các nguồn: ngân sách Nhà nước, kinh phí đào tạo thường xuyên, nguồn tài trợ... Điều 10 của Quy định cũng nêu mức hỗ trợ đối với đề tài cấp Khoa là 200.000đ/đề tài, cấp Trường là 500.000đ/đề tài. Hàng năm, dự toán kinh phí hoạt động KH&CN của Trường cũng có mức dự toán kinh phí cho NCKH của SV [H11.11.04.04].

Trường có cơ sở dữ liệu về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học, được rà soát, cập nhật theo năm học bởi CB Phòng KH&CN-TT [H11.11.04.05].

Ngoài ra, Phòng Công tác SV còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn và làm căn cứ xét điểm rèn luyện cho SV khi xét học bổng và đánh giá SV khi tốt nghiệp được thể hiện trong Điều 7, chương III, Quy định về công tác SV Trường ĐHHD [H11.11.04.06].

Phòng KH&CN-TT tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV về loại hình và khối lượng NCKH [H11.11.04.06]. Kết quả khảo sát cho thấy năm 2019 có 75,71% ý kiến hài lòng về khối lượng, chất lượng đề tài NCKH của SV [H11.11.04.07].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của CBLQ về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học được thực hiện như sau: chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học được đánh giá bởi Hội đồng nghiệm thu qua các phiếu nhận xét của phản biện, phiếu đánh giá cho điểm, biên bản họp hội đồng nghiệm thu [H11.11.04.03]. Năm 2020, Nhà trường đã khảo sát ý kiến của SV về hoạt động NCKH của người học. Các nội dung khảo sát bao gồm: Nhận thức của SV về hoạt động NCKH, SV có được phổ biến về Quy định NCKH của SV và Quy chế quản lý TSTT, mức độ tham gia các hoạt động liên quan đến NCKH, loại hình nghiên cứu của SV, số lượng đề tài NCKH đã tham gia, sự hài lòng về loại hình NCKH của Nhà trường và mức độ hài lòng về sự hướng dẫn của giảng viên [H11.11.04.07].

Trường có thực hiện đối sánh trong nội bộ Trường theo từng năm học:

**Bảng 11.04. Đối sánh loại hình, số lượng SV NCKH theo từng năm**

Năm học Loại hình	2015 -2016	2016 -2017	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020
Đề tài NCKH SV	01	-	01	01	-
Tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở	-	-	-	-	4
Bài báo	1	-	-	-	1
Tham gia cuộc thi KHKT (Sáng tác video)	-	-	-	-	4

(Nguồn: Phòng KH&CN-TT tổng hợp)

**Bảng 11.05. Đối sánh số lượng đề tài NCKH giữa các ngành đào tạo năm học 2019 - 2020 (Hội thi sáng tác video cho sinh viên)**

Đơn vị t/gia Nội dung	Khoa Kế toán - Tài chính	Khoa Kinh tế - Quản trị	Khoa Kỹ thuật & Công nghệ	Khoa CB - Ngoại ngữ
Số lượng đề tài NCKH	1	1	1	1
Số lượng sinh viên tham gia	3	3	3	3
Giải thưởng đạt được	Giải Ba	Giải Nhất	Giải Ba	Giải Nhì
Số tiền thưởng	300.000đ	1.000.000đ	300.000đ	500.000đ

Từ phân tích bảng số liệu trên cho thấy, hoạt động NCKH của sinh viên các ngành đào tạo của Nhà trường khá đồng đều, số lượng và chất lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Kế toán so với ngành QTKD, Kỹ thuật điện và Ngoại ngữ không có nhiều sự chênh lệch.

## 2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng đề tài NCKH của sinh viên được xác lập, giám sát cụ thể cùng với chính sách hỗ trợ, tư vấn từ phía lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc NCKH.

### *3. Điểm tồn tại*

Còn một số SV chưa nắm rõ vai trò và tầm quan trọng của NCKH nên còn rụt rè trong việc đăng kí hoạt động này. Số lượng đề tài NCKH do sinh viên ngành Kế toán thực hiện còn khá hạn chế. Khoa vẫn chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV với ngành Kế toán ở CSGD khác.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2023 - 2024, thông qua các hoạt động của Nhà trường, Khoa KT - TC sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV của ngành Kế toán, tích cực tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các GV trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

Đề xuất Nhà trường ban hành những quy định tạo động lực tốt cho SV NCKH như: cộng điểm khuyến khích học tập, cấp học bổng các khóa học bồi dưỡng các công cụ hỗ trợ làm NCKH, hỗ trợ kinh phí cho những đề tài có giá trị khoa học và tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

*Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

## ***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của CBLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### *1. Mô tả*

Sự hài lòng của CBLQ là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT và cũng là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học. Do đó, Trường ĐHHD nói chung và Khoa KT - TC nói riêng rất chú trọng đến việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của CBLQ. Trong đó, Phòng đảm bảo chất lượng - Thanh tra là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của CBLQ đến CTĐT [H11.11.05.01]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của CBLQ được thực hiện dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của CBLQ tại Trường ĐHHD [H11.11.05.02]. Trong đó, Nhà trường sử dụng nhiều công cụ khác nhau để thu thập ý kiến phản hồi của

CBLQ như thông qua phiếu khảo sát, tài khoản cá nhân zalo, facebook của SV, ... nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi có tính hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy. Đồng thời, quy trình lấy ý kiến phản hồi trong các văn bản được quy định rất chặt chẽ, có hệ thống bao gồm lập kế hoạch khảo sát; phê duyệt kế hoạch khảo sát; tổ chức khảo sát; thu thập, xử lý thông tin phản hồi; báo cáo kết quả khảo sát đến CBLQ; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng; lưu trữ các văn bản và dữ liệu khảo sát [H11.11.05.03].

Những nội dung khảo sát bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành [H11.11.05.04]; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT [H11.11.05.05]; khảo sát ý kiến của CSV, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT [H11.11.05.06]; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH [H11.11.05.07]; khảo sát hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, khoa, trung tâm [H11.11.05.08]. Bảng tổng hợp phiếu khảo sát mức độ hài lòng của GV, người học [H11.11.05.17]. Hằng năm Nhà trường thường làm các phiếu khảo sát đối với các học viên tại trung tâm như Trung tâm tin học [H11.11.05.18], học viên Trung tâm Kế toán [H11.11.05.20], học viên thi cấp chứng chỉ [H11.11.05.19], phiếu khảo sát của sinh viên về các hoạt động như NCKH [H11.11.05.21]

Đặc biệt, hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa HT với SV nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học tập, sinh hoạt; từ đó Nhà trường sẽ có những biện pháp giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn, nâng cao chất lượng dạy và học [H11.11.05.09]. Ngoài ra, Khoa KT - TC còn thường xuyên tổ chức các buổi họp chuyên môn với giảng viên trong khoa và các chuyên gia ngoài trường để đánh giá CTĐT ngành Kế toán, từ đó có cơ sở rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT hợp lý và có tính ứng dụng cao [H11.11.05.10]. Riêng đối với GV, hoạt động giảng dạy và NCKH còn được đánh giá bởi đồng nghiệp và CB quản lý thông qua công văn và kết quả về việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động qua các năm học [H11.11.05.11] và báo cáo tổng kết các hoạt động khảo sát, đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H11.11.05.22]. Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa KT - TC thường xuyên tổng hợp, đánh giá, đối sánh hài lòng của CBLQ để có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của

CBLQ đến ngành Kế toán qua các năm và giữa ngành Kế toán với các ngành khác trong Trường [H11.11.05.12].

Nhà trường và Khoa thường xuyên đối sánh mức độ hài lòng CBLQ về chất lượng đầu ra của Trường ĐHHD với mức độ hài lòng của CBLQ đối với chất lượng đầu ra của một số Trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện tài chính [H11.11.05.13]. Dựa trên kết quả đối sánh, Nhà trường và Khoa KT - TC tiến hành cải tiến chất lượng đầu ra. Cụ thể: Nhà trường đã nhiều lần lập kế hoạch, ra các quyết định về việc tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT hệ chính quy và cao học; lập kế hoạch về việc tập huấn đánh giá, rà soát CTĐT đáp ứng CDR và cử CB GV tham gia khóa tập huấn, [H11.11.05.14]. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT giúp Nhà trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của người học, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của tỉnh Hải Dương và cả nước.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tiến hành đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho các hoạt động dạy, học, sinh hoạt và NCKH, đáp ứng các yêu cầu của SV, GV và người lao động trong Nhà trường [H11.11.05.15]. Từ đó, nâng cao được sự hài lòng của nhà tuyển dụng với SV ngành kế toán và tăng tỷ lệ có việc làm của SV ngành Kế toán sau khi tốt nghiệp.

Để đánh giá được kết quả học tập của học sinh Nhà trường đã ban hành Quy trình đánh giá kết quả học tập của Trường ĐHHD [H11.11.05.16]. Ban hành quy định về hồ sơ, sổ sách và hoạt động giảng dạy của GV trong đào tạo trình độ ĐH [H11.11.05.23]

Nhà trường thường xuyên thực hiện hoạt động Khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên, sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, công tác tài chính, thư viện của Trường ĐHHD [H11.11.05.25]

## *2. Điểm mạnh*

Trường ĐHHD và Khoa KT - TC đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của CBLQ. Theo kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT của ngành Kế toán được đánh giá cao, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và cả xã hội; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV ngành Kế toán cũng nhận được sự hài lòng của người học. Đồng thời, Trường và Khoa đã rất nhạy bén trong việc cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ CBLQ.

### 3. Điểm tồn tại

Theo kết quả khảo sát của các nhà tuyển dụng thì SV ngành Kế toán có kiến thức chuyên ngành vững vàng, nhiệt tình trong công việc tuy nhiên số đông còn nhút nhát, chưa thành thạo tiếng Anh và còn hạn chế về một số kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm. Mức độ hài lòng của CBLQ còn ít được đối sánh với các đơn vị bên ngoài Trường để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

### 4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2023-2024, Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động nhằm duy trì việc thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá được sự hài lòng của CBLQ. Từ đó có cơ sở để Khoa KT - TC tiếp tục cải tiến CTĐT, nâng cao sự hài lòng của CBLQ. Đồng thời, cũng trong năm học này, Khoa KT - TC sẽ tăng cường hơn nữa các hoạt động ngoại khóa để tăng kỹ năng mềm cần thiết cho công việc thực tế sau này cho SV ngành kế toán. Đồng thời, khuyến khích các em học thêm tiếng Anh, đọc tài liệu học tập và NCKH bằng tiếng Anh để cải thiện khả năng ngoại ngữ. Đồng thời, Trường và Khoa sẽ tăng cường đối sánh sự hài lòng của CBLQ với các đơn vị bên ngoài Trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

### **Kết luận Tiêu chuẩn 11**

Nhà trường và Khoa Kế toán - Tài chính, Bộ môn Kế toán thường xuyên theo dõi, hỗ trợ hoạt động học tập và NCKH của SV. Nhờ vậy, đã có cải tiến kịp thời nên số lượng SV cảnh báo học vụ, thôi học giảm. SV tốt nghiệp sau 4 năm học đạt tỷ lệ cao với chất lượng tốt. SV đã tích cực tham gia hoạt động NCKH SV, tham gia các đề tài NCKH các cấp do Nhà trường quản lý.

SV sau khi tốt nghiệp ra trường cơ bản có việc làm trong nhiều lĩnh vực cả khối tư nhân và Nhà nước. Đảm bảo yêu cầu cũng như kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của SV khối ngành Kế toán

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, kết quả tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt, trong đó 4 tiêu chí đạt 5/7, 01 tiêu chí đạt 4/7.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường Đại học Hải Dương, Hội đồng TĐG ngành Kế toán đã tiến hành công tác TĐG chất lượng CTĐT ngành Kế toán một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả TĐG chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành Kế toán.

Thông qua việc TĐG ngành Kế toán, khoa Kế toán, khoa Kế toán - Tài chính nói riêng, Trường Đại học Hải Dương nói chung đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

#### **1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành Kế toán**

##### ***1.1. Mục tiêu và CDR của CTĐT***

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường cũng như mục tiêu đào tạo của ngành và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành; đồng thời, có sự khảo sát về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT và được lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan.

Mục tiêu của CTĐT là đào tạo các cử nhân có kiến thức chuyên môn về Kế toán đáp ứng nguồn nhân lực mà xã hội cần. Mục tiêu của ngành được đăng tải trên website Trường và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Đó là có kiến thức chuyên môn về Kế toán doanh nghiệp, Kế toán công, Kiểm toán, Quản lý tài chính, Phân tích tài chính...; có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng lập luận và giải quyết các vấn đề, kỹ năng thực nghiệm và ứng dụng tri thức, kỹ năng suy luận và tư duy cá nhân, kỹ năng giao tiếp xã hội, làm việc theo nhóm; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, làm việc theo tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và nghiêm túc.

CDR của CTĐT ngành Kế toán phản ánh được các yêu cầu chung và thể hiện rõ yêu cầu chuyên biệt của các chuyên ngành thuộc ngành kế toán gắn với bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

##### ***1.2. Bản mô tả CTĐT***

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán đảm bảo đầy đủ thông tin, đáp ứng được yêu



cầu đổi mới của Trường; đồng thời, được tổ chức triển khai rà soát, chỉnh sửa và cập nhật theo hướng tiếp cận CDIO nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kế toán. Việc cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được tổ chức bài bản, lấy ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia; tổ chức họp trao đổi ý kiến ở các BM chuyên ngành và được thông qua Hội đồng KH&ĐT Khoa trước khi tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng KH&ĐT Trường, thẩm định CTĐT và được Hiệu Trưởng Trường phê duyệt lưu hành.

Đề cương học phần ngành Kế toán có đầy đủ các thông tin và được định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo ý kiến của các bộ môn, chuyên gia và yêu cầu đổi mới của Trường và nhu cầu thực tế và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: Website, trang đăng ký tín chỉ của người học, gửi email cho đơn vị liên quan để các bên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện nhất.

### ***1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH***

CTDH của ngành Kế toán, được thiết kế dựa trên CĐR của ngành, đáp ứng yêu cầu chuẩn đào tạo đại học. Các học phần thuộc các chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, HCSN đã đóng góp vào việc đạt được mục tiêu, CĐR ngành Kế toán của Trường là rõ ràng và đã thực hiện rà soát có hiệu quả, đảm bảo việc đạt được CĐR đáp ứng yêu cầu của xã hội. Chương trình có kết cấu hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất, đáp ứng yêu cầu thực tế về nguồn nhân lực Kế toán chất lượng cao của xã hội.

### ***1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi thông qua các văn bản lưu hành nội bộ, được lập kế hoạch chi tiết phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV và SV; được công bố công khai trên Website của Trường để các bên liên quan đều nắm rõ.

Tất cả đề cương học phần ngành Kế toán đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp với học phần/môn học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng; mô tả giờ học tự nghiên cứu/tự học của học phần.

Giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, không ngừng đa dạng hóa phương pháp dạy học để đạt CĐR. Người học được đội ngũ GV có tâm huyết tư vấn.

### ***1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thuộc ngành Kế toán được thiết kế

phù hợp với mục độ đạt được của CĐR. Trường đã ban hành quy định về ngân hàng đề thi đáp án và được triển khai đến từng ngành với từng học phần đã giúp cho việc tổ chức đánh giá thuận tiện hơn đảm bảo tính công bằng, minh bạch. Cách đánh giá người học cũng được mô tả chi tiết trong đề cương học phần. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng như: tự luận, Bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm máy, vấn đáp. Chính điều này đã đảm bảo đánh giá chính xác kiến thức của người học, tùy vào từng học phần mà lựa chọn ra phương pháp đánh giá phù hợp nhất. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời, người học có thể dễ dàng tiếp cận thông tin qua tải khoản cá nhân, BM quản lý, văn phòng khoa, Phòng BĐCL - TT, người học học kịp thời nắm được thông tin, tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và cải thiện việc học tốt nhất.

### **1.6. Đội ngũ giảng viên**

Toàn bộ GV ngành Kế toán đều đảm bảo đạt chuẩn trở lên. Tỷ lệ GV/người học được đáp ứng theo chuẩn khối lượng đào tạo quy định... Trường có quy định rõ ràng về khối lượng giảng dạy, NCKH cho đội ngũ GV theo từng chức danh nghề nghiệp.

Các tiêu chí tuyển dụng GV được quy định rõ ràng, chi tiết theo từng vị trí tuyển dụng. Trường đã cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với từng vị trí cán bộ quản lý (một số vị trí cao hơn tiêu chuẩn quy định của Nhà nước). Việc tuyển dụng GV ngành Kế toán đảm bảo theo quy định, được thông báo công khai trên trang thông tin của Trường.

Ngành Kế toán có tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ cao trong Trường, giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV có trình độ ngoại ngữ và tin học cao, luôn đáp ứng được nhu cầu đào tạo và phương pháp đào tạo trong bối cảnh mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Trường chú trọng thực hiện. Kết quả, số GV được đào tạo bồi dưỡng hàng năm luôn đạt trên 80% so với kế hoạch được phê duyệt.

Kế hoạch công tác của GV hàng năm được xác định rõ ràng theo từng công việc cụ thể như: khối lượng giờ giảng, giờ NCKH, hoạt động cố vấn học tập, hoạt động tổ chức thi (ra đề thi, coi thi, chấm thi), hướng dẫn sinh viên làm luận văn cuối khóa, hướng dẫn cao học viên, nghiên cứu sinh.

Trường thực hiện nhiều biện pháp nhằm xác định năng lực của đội ngũ GV như: TĐG, đánh giá qua đồng nghiệp và lãnh đạo, đánh giá bởi các bên liên quan (khảo sát lấy ý kiến SV). Trong 5 năm qua, gần 100% GV ngành Kế toán được đánh giá hoàn thành tốt trở lên nhiệm vụ giảng dạy và NCKH hàng năm.

### **1.7. Đội ngũ nhân viên**

Đội ngũ nhân viên được bố trí công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện CTĐT và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, có phong cách chuyên nghiệp, tận tâm, nhận được sự hài lòng, đánh giá cao từ đối tượng sử dụng dịch vụ.

Trường thực hiện nhiều biện pháp nhằm xác định năng lực của đội ngũ nhân viên như: TĐG, đánh giá qua đồng nghiệp và lãnh đạo, đánh giá bởi các bên liên quan (khảo sát lấy ý kiến SV)... Trong 5 năm qua, kết quả khảo sát, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hàng năm luôn đạt kết quả tốt.

Kế hoạch tuyển dụng viên chức được xây dựng trên cơ sở đề xuất từ các đơn vị, do đó tuyển đúng đối tượng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Trường có nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên với các nội dung phong phú, thiết thực.

### **1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh của ngành Kế toán được thực hiện tuân thủ theo đề án tuyển sinh của Trường phê duyệt từng năm, thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí tuyển sinh được công khai rõ ràng và có sự đối sánh với 2 năm gần nhất trước đó giúp người học nắm bắt rõ thông tin để lựa chọn ngành học và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin, phương pháp tuyển chọn được dư luận xã hội và các cơ quan quản lý đánh giá cao.

Hệ thống quản lý, giám sát được thiết kế logic, khoa học với sự tham gia của các ban liên quan trên nền tảng công nghệ số.

Các hoạt động tư vấn học đường, hoạt động thi đua có tác dụng khích lệ SV, hoạt động ngoại khóa luôn thu hút đông đảo SV tham gia. Trường, các Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho SV trong học tập - NCKH và rèn luyện, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người học.

### **1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

CSVC và trang thiết bị là điều kiện vật chất quan trọng để thực hiện mục tiêu sứ mạng của Trường nói chung và của CTĐT ngành nói riêng. Hệ thống CSVC, phòng học của nhà Trường trang bị đầy đủ cho người học và GV vượt yêu cầu mức chuẩn như: máy tính để bàn, máy chiếu, loa, micro, camera giám sát khu giảng đường, ký túc xá...

Thư viện của nhà trường được xây dựng hiện đại với nhiều đầu sách đa dạng, cung cấp môi trường học tập nghiên cứu cho người học một cách tốt nhất. Phòng thực hành được trang bị đầy đủ CSVC giúp SV tiếp cận với kiến thức thực tế, có hệ thống mạng internet wifi, thư viện điện tử để hỗ trợ cho người học cũng như người dạy trong đào tạo và nghiên cứu.

Ngoài ra, Trường có đầy đủ các khu thể thao, căng tin phục vụ đời sống SV và là một trong số rất ít trường có bể bơi. Các quy định về đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn cho người học được triển khai thực hiện có hiệu quả, nhận được phản hồi tốt từ người học.

Có sự kết hợp chặt chẽ giữa Tổ bảo vệ, Tổ quản lý KTX, Đội SV tự quản, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng phòng cháy chữa cháy của Trường và Công an sở tại trong công tác bảo vệ tài sản, đảm bảo trật tự, an toàn cho CBGV và người học.

### ***1.10. Nâng cao chất lượng***

Có hệ thống thu thập thông tin đồng bộ về nhu cầu nhân lực để thiết kế, phát triển CTDH các ngành nói chung và ngành Kế toán nói riêng. Toàn bộ thông tin được tổng hợp, phân tích và sử dụng có hiệu quả trong việc thiết kế, phát triển CTDH các ngành nói chung và ngành Kế toán nói riêng.

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo kế hoạch chung của Trường và thực hiện, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, SV, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và cựu SV. Nội dung CTDH được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

Việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, linh hoạt phù hợp với từng bối cảnh, điều kiện học tập. Các quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy và học được các khoa thuộc ngành Kế toán triển khai phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể đạt hiệu quả.

Các nghiên cứu liên quan đến ứng dụng trực tuyến trong giảng dạy và học tập, tổ chức hội thảo trực tuyến, nộp luận văn trực tuyến, thi trực tuyến đã được áp dụng tại Trường ĐH Hải Dương trong thời gian qua và thu được kết quả đáng khích lệ.

Trường thường xuyên đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và kịp thời cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để từ đó tập hợp lại đưa ra những cải tiến nhằm hoàn thiện CTĐT một cách tốt nhất.

### **1.11. Kết quả đầu ra**

Khoa Kế toán – Tài chính và các đơn vị liên quan đều có sự giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học - đặc biệt đã phân tích và chỉ rõ được nguyên nhân thôi học, tốt nghiệp muộn đối với từng SV từ đó các khoa đề ra biện pháp hiệu quả để cải tiến chất lượng, duy trì và phát huy chất lượng đào tạo dẫn đầu Trường.

Ngành Kế toán có số liệu tin cậy về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm thông qua số lượng SVTN có phản hồi khảo sát ở mức cao; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Kế toán có việc làm cao đứng thứ 2 trong toàn Trường.

Khoa Kế toán - Tài chính đã có nhiều hoạt động hỗ trợ người học trong tiếp cận, tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành được đào tạo.

Cùng với việc phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên về chất lượng đào tạo ngành Kế toán, các BM, khoa, ban, đơn vị đều có kế hoạch và đề ra các biện pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành kế toán đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

## **2. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT ngành Kế toán**

### **2.1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán chưa được rà soát thường xuyên theo quy định nên chưa được cập nhật kịp thời. Việc xin ý kiến các bên liên quan đối với CĐR chưa đa dạng. Mức tự chủ và trách nhiệm đã được thể hiện trong nội dung CĐR của CTĐT ngành Kế toán tuy nhiên chưa cụ thể.

### **2.2. Bản mô tả CTĐT**

Trước năm 2018, thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán chưa được cấu trúc thật sự logic. Việc rà soát đề cương học phần tại BM chưa có nhiều sự tham gia ý kiến từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài. Các bên liên quan đôi khi chưa tiếp cận thông tin dễ dàng, thuận lợi do việc thiết kế Website của Trường chưa tối ưu (có nhiều module).

### **2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH**

Một số CĐR của học phần/môn học chưa thực sự tương thích hoặc bao quát được với CĐR của CTĐT mỗi chuyên ngành thuộc ngành Kế toán về mức độ tự chủ và trách nhiệm. Một số học phần trong CTDH phần kiến thức đại cương có sự thay đổi tên học phần/môn học theo quy định của Bộ GD&ĐT nên chưa đủ thời gian thực tế để đánh giá

tổng thể sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt CDR. Phần tự chọn của khối kiến thức giáo dục đại cương đã được rà soát, cập nhật nhưng còn chưa đa dạng về số lượng học phần/môn học.

#### ***2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục của Trường chưa được xác định riêng mà được đề cập lồng ghép vào mục tiêu phát triển chung của Trường; Hoạt động dạy và học dựa trên ứng dụng công nghệ cao chưa được áp dụng thực sự hiệu quả ở một số giảng viên. Một số Bộ môn chưa phát huy hết cơ sở vật chất để xây dựng bài giảng điện tử, học liệu, phục vụ cho người học học tập mọi lúc mọi nơi để thuận lợi đạt CDR. Việc sử dụng hoạt động dạy - học để hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời chưa đồng đều ở một số Bộ môn trong CTDH của ngành Kế toán.

#### ***2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá chất lượng đề thi và đối sánh kết quả học tập giữa các ca thi/các khóa ngành Kế toán chưa được tiến hành thường xuyên. Chưa đánh giá được ưu nhược điểm của phương pháp thi trắc nghiệm khách quan do hình thức này mới mở rộng phạm vi triển khai. Việc đánh giá đề thi chưa sâu về độ giá trị.

Một số ít Bộ môn do số lượng bài thi lớn, thi dồn trong nhiều ngày liên tục nên việc thông báo kết quả chậm 2 - 3 ngày so với quy định (Tuy nhiên, không ảnh hưởng đến kế hoạch học tập của sinh viên).

Việc ứng dụng công nghệ trong tiếp nhận, xử lý khiếu nại về kết quả thi kết thúc học phần của người học mới ở mức thử nghiệm nên chưa phát huy hết hiệu quả.

#### ***2.6. Đội ngũ GV***

Công tác qui hoạch về chuyên môn cho đội ngũ giảng viên (GS, PGS, TS) chưa thực hiện định kỳ. Điều kiện để phân công GV giảng dạy kiêm môn, kiêm chức của ngành Kế toán chưa được xác định rõ ràng và có hệ thống.

Trường chưa tuyển đủ số lượng giảng viên cho ngành Kế toán do yêu cầu về các tiêu chí cao. Trong 5 năm qua, số lượng GV có trình độ TS ngành Kế toán thu hút được còn hạn chế.

Kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế. Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ GV chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc đánh giá năng lực sử dụng ngoại ngữ của GV ngành kế toán trong giảng dạy và NCKH chưa thực sự rõ ràng. Các báo cáo mới tổng kết năng lực qua văn bằng, chứng

chỉ ngoại ngữ của GV, chưa đánh giá được mức độ cải thiện trong năng lực sử dụng ngoại ngữ của các GV được phân công giảng dạy các học phần bằng Tiếng Anh hoặc các bài báo, công trình NCKH trình bày bằng Tiếng Anh. Công bố quốc tế của giáo viên đã có rất nhiều khởi sắc, song chỉ tập trung vào một số GV.

Việc quản trị kết quả công việc để phân công, tái phân công mới chỉ xem xét đơn lẻ từng năm, các đơn vị chưa tập trung đánh giá, phân tích dài hạn theo hướng tổng thể. Ngoài ra, việc đánh giá chỉ tổng kết về mặt số lượng (khối lượng công việc hoàn thành) mà chưa có sự đánh giá sâu về chất lượng.

### **2.7. *Đội ngũ nhân viên***

Một số quy hoạch chéo giữa các bộ phận trong Trường chưa phát huy hiệu quả. Trường chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với các viên chức được bố trí vào vị trí công tác định kỳ phải thực hiện chuyển đổi. Còn một số rất ít nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc nên chưa đạt mức đánh giá hoàn thành tốt trở lên. Còn ít các khóa đào tạo bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên mang tính thường xuyên, dài hạn. Quy chế làm việc của Trường chưa quy định cụ thể chế độ làm việc của đội ngũ nhân viên.

### **2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Nguồn thông tin dự báo nhu cầu đào tạo nhân lực phục vụ công tác tuyển sinh ngành Kế toán được cập nhật hàng năm nhưng chủ yếu dựa vào nguồn thông tin các năm trước tuyển của Trường, tham khảo thông tin các trường đại học cùng khối ngành... nên có ảnh hưởng tới việc phân tích, dự báo dài hạn.

Trường mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu chỗ ở đối với sinh viên diện ngoài chính sách đăng kí vào KTX.

Hiện tại khuôn viên Trường chưa có nhiều cây xanh để đem lại sự thoải mái, thư giãn cho người học do sự hạn chế về địa lý, diện tích.

### **2.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

- Trường vẫn chưa có đủ giảng đường nên CTĐT vẫn còn phải sử dụng các giảng đường thuê ngoài (mặc dù địa điểm thuê rất gần với khu giảng đường của Trường).

Số lượng máy tính ở phòng thực hành còn khiêm tốn, thời gian sử dụng chủ yếu là dành cho các giờ thực hành chủ yếu là giờ học theo thời khóa biểu, chưa có thời gian cho SV tự thực hành ngoài giờ. Việc sử dụng phòng Studio còn ít chủ yếu mới dùng cho hoạt động truyền thông.

Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo chưa đồng bộ mới chỉ có phần mềm giảng dạy trực tuyến (Zoom) và phần mềm thi trắc nghiệm máy online/offline.

Trường chưa có bộ phận chuyên trách về tư vấn tâm lý học đường.

### **2.10. Nâng cao chất lượng**

Việc triển khai thu thập thông tin và lấy ý kiến phản hồi về phát triển CTDH ngành Kế toán chưa thực hiện bao quát được các đối tượng liên quan.

Thời gian giữa 2 lần rà soát, đánh giá CTDH của ngành Kế toán chưa hợp lý.

Chưa đi sâu phân tích tính ưu nhược của từng phương pháp dạy và học. Đặc biệt là phương pháp dạy và học trong điều kiện trực tuyến hoặc kết hợp.

Tỷ lệ đề tài NCKH SV ứng dụng vào học tập còn ít.

### **2.11. Kết quả đầu ra**

Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp ngành Kế toán mới thực hiện đối sánh với các chuyên ngành trong Trường, chưa đối sánh với ngành Kế toán của các cơ sở giáo dục khác.

Hoạt động NCKH của người học tập trung chủ yếu vào sinh SV năm cuối, các bài viết tham gia hội thảo quốc tế dành cho sinh viên chưa nhiều

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên về lượng đào tạo ngành Kế toán chưa được so sánh với mức độ hài lòng của các CTĐT khác ngoài HVTC. Dữ liệu về thông tin việc làm của người học tốt nghiệp ngành Kế toán chưa có đối sánh với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

## **3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

### **3.1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT**

Trong 5 năm tới, Trường giao cho phòng ĐT- HTQT đầu mối phối hợp với các khoa (Kế toán, Tài chính công), các BM thuộc ngành Kế toán tổ chức rà soát, cập nhật mục tiêu CTĐT ngành Kế toán ít nhất 1 lần.

Học kỳ 1, năm học 2022-2023, các BM chuyên ngành phối hợp với phòng Bảo đảm Chất lượng - Thanh tra xin ý kiến, rà soát điều chỉnh CĐR ngành Kế toán về mức tự chủ và trách nhiệm.

### **3.2. Bản mô tả CTĐT**

Định kỳ ít nhất 1 lần trong 5 năm tới, Trường giao cho Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế (ĐT- HTQT) phối hợp với các khoa, BM tổ chức rà soát, cập nhật kịp thời tổng thể nội dung của bản mô tả CTĐT ngành Kế toán, đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định



của Bộ GD&ĐT và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đào tạo ngành Kế toán của Trường. Việc tổ chức rà soát, cập nhật đảm bảo đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được cấu trúc logic và khoa học.

Từ tháng 6/2023 trở đi, định kỳ 2 năm 1 lần, Trường tiếp tục tổ chức rà soát, cập nhật đề cương học phần, giao cho Phòng ĐT- HTQT đầu mối hướng dẫn nội dung triển khai, giao cho các BM phối hợp với các khoa liên quan tổ chức rà soát nội dung đề cương học phần thuộc BM và mời các cựu SV, nhà khoa học, các tổ chức bên ngoài (doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp) tham gia hoặc lấy ý kiến phản hồi về đề cương học phần.

Trước tháng 8/2022, Phòng ĐT- HTQT sẽ tổ chức rà soát và cập nhật thông tin đầy đủ về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trên Website của Phòng ĐT- HTQT; đồng thời phối hợp với TTTT để công khai thông tin liên quan trên Website của Trường.

Từ tháng 9-12/2022, Trường giao cho Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại các module và thiết kế lại giao diện Website của Trường đảm bảo tính tối ưu nhằm giúp các bên liên quan tiếp cận thông tin dễ dàng, thuận lợi.

### ***3.3. Cấu trúc và nội dung CTDH***

Định kỳ 5 năm 1 lần, Phòng ĐT- HTQT phối hợp với Hội đồng KH&ĐT các khoa, các BM tổ chức rà soát, đánh giá được ưu, nhược điểm của CTDH làm cơ sở đối sánh, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, cập nhật nội dung bản mô tả CTĐT, CTDH theo hướng tiếp cận CDIO ngành Kế toán. Định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức rà soát nội dung đề cương học phần.

Định kỳ ít nhất 1 lần trong 5 năm, Phòng ĐT- HTQT sẽ mời các chuyên gia tập huấn hướng dẫn các khoa, BM rà soát, cập nhật, xây dựng đề cương học phần phù hợp với yêu cầu CDR của học phần, của chuyên ngành và ngành Kế toán; đồng thời thống nhất phương pháp lấy ý kiến bài bản, khoa học về CTDH của học phần đối với các khoa, bộ môn.

Năm học 2023-2024, Phòng ĐT- HTQT làm đầu mối phối hợp với Phòng Bảo đảm chất lượng – Thanh tra, các khoa và BM để tổ chức đánh giá tổng thể sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt CDR đối với CTDH các chuyên ngành thuộc ngành Kế toán. Từ đó rà soát hệ thống học phần/môn học tự chọn nhóm kiến thức đại cương, kiến thức ngành và chuyên ngành trong CTDH của các chuyên ngành thuộc ngành Kế toán để đảm bảo tính đa dạng về học phần và xem xét bổ sung môn tự chọn về kỹ năng.

### ***3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Phòng ĐT- HTQT chủ trì rà soát mục tiêu giáo dục của Trường để phù hợp với giai đoạn phát triển mới và việc rà soát được lấy ý kiến khảo sát bài bản để làm cơ sở cập nhật mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán. Xây dựng kế hoạch cụ thể để giới thiệu/phổ biến thông tin đến các bên liên quan theo quy định như: giảng viên, cán bộ và đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, các cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan lý nhà nước về giáo dục...

Hàng năm, các khoa, BM tích cực tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm, bồi dưỡng để áp dụng phương pháp giảng dạy mới nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Các khoa, BM tổ chức xây dựng hệ thống bài giảng điện tử phục vụ đa dạng hoạt động dạy và học. Các BM chủ động phối hợp với đơn vị liên quan (Trung tâm , Thư viện) nhằm khai thác hiệu quả hơn cơ sở vật chất để xây dựng cơ sở học liệu điện tử đáp ứng yêu cầu đạt CĐR, tổ chức họp bàn trao đổi kinh nghiệm để triển khai hoạt động dạy - học, hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời để đảm bảo đồng đều các BM.

### ***3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học***

Phòng ĐT- HTQT thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát và hoàn thiện quy định đào tạo tín chỉ để thay đổi phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học.

Hàng năm, các BM thuộc ngành Kế toán xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá chất lượng đề thi, đánh giá hiệu quả các phương pháp thi trong đó có thi trắc nghiệm khách quan và đối sánh kết quả học tập giữa các ca thi/các khóa và triển khai thực hiện xuống tất cả các BM giảng dạy của ngành.

Phòng ĐT- HTQT cải tiến xây dựng lịch thi phù hợp, đảm bảo các BM có thời gian chấm thi trả điểm theo đúng thời gian quy định, phòng BĐCL - TT phối hợp với các BM tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, phúc khảo bài thi và trả kết quả cho SV đảm bảo đúng quy định về thời gian.

### ***3.6. Đội ngũ giảng viên***

Phòng TC- Tổng hợp, các khoa, bộ môn của Trường tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch đối với đội ngũ GV. Thường xuyên rà soát quy chế làm việc của giảng viên, xây dựng quy định về giảng viên kiêm môn, kiêm chức mới trong đó quy định cụ thể tiêu chí để phân công GV giảng dạy kiêm môn, kiêm chức. Cải tiến cách

thức đánh giá kết quả công việc của từng giảng viên.

Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho bài báo quốc tế, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, hỗ trợ các thành viên nâng cao năng lực nghiên cứu và tăng cường đặt hàng các nghiên cứu chuyên sâu, các nghiên cứu có công bố quốc tế, định kỳ các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm trong NCKH đăng tải trên tạp chí ISI; Scopus...

### **3.7. *Đội ngũ nhân viên***

Ban hành quy chế làm việc mới trong đó quy định cụ thể chế độ làm việc đối với đội ngũ nhân viên, tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đánh giá nhân viên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đối với nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, phòng TC- Tổng hợp, phối hợp với đơn vị quản lý viên chức tham mưu cho lãnh đạo Trường trong việc sắp xếp, bố trí, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng viên chức. Ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực công tác của đội ngũ nhân viên.

### **3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Thường xuyên tổ chức lấy ý kiến rộng rãi đối với các khoa, BM, các nhà khoa học và đối tượng sử dụng lao động về nhu cầu nguồn nhân lực, tiêu chí tuyển chọn người học ngành Kế toán để làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện đề án tuyển sinh/chính sách tuyển sinh của Trường.

Hàng kỳ, Trưởng khoa làm việc với cố vấn học tập của khoa để rà soát, đảm bảo sự gắn kết thường xuyên với gia đình người học, từ đó tăng cường sự giám sát đối với người học về học tập và rèn luyện.

Hoàn thiện các công trình mới trong dự án đầu tư xây dựng Trường, bố trí diện tích dành cho xây dựng mới khu giảng đường với nhiều mảng xanh trong khuôn viên Trường để người học có thêm khu vực học tập, nghiên cứu, cũng như sinh hoạt, tạo dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thoải mái phục vụ người học.

### **3.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Trường đã xin chủ trương và kinh phí để năm 2024 bắt đầu đầu tư xây dựng mở rộng Trường: Xây dựng khối giảng đường, khu nhà làm việc liên hợp cho các phòng, ban chức năng, các khoa và bộ môn.

Thư viện và Truyền thông cùng phòng ĐT- HTQT chủ động tìm hiểu, ký hợp đồng triển khai áp dụng các phần mềm giảng dạy, đánh giá online của các đơn vị trong

và ngoài nước. Thực hiện nghiêm túc chủ trương kết hợp giảng dạy trực tiếp với trực tuyến (Thời gian giảng trực tuyến tối thiểu 30%).

Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ cùng phòng ĐT- HTQT chủ động tìm hiểu, ký hợp đồng triển khai áp dụng các phần mềm giảng dạy, đánh giá online có đầy đủ các chức năng để tổ chức thực hiện kết hợp giảng dạy trực tiếp với trực tuyến.

Trạm Y tế tiếp tục triển khai về vấn đề sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, Văn phòng Trường triển khai về phòng cháy chữa cháy, có bộ phận chuyên trách lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của sinh viên khuyết tật trong quá trình học tập tại Trường.

### ***3.10. Nâng cao chất lượng***

Hàng năm, Phòng ĐT- HTQT làm đầu mối phối hợp với các khoa Kế toán - Tài chính và BM thực hiện việc thiết kế mẫu biểu phù hợp thực tiễn và phối hợp với các đơn vị liên quan thu thập thông tin, lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, chuyên gia, các nhà tuyển dụng về phát triển CTDH các ngành nói chung và ngành Kế toán nói riêng; rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán đảm bảo định kỳ ít nhất 1 lần trong 5 năm tới để chỉnh sửa, bổ sung và phát triển CTDH cho phù hợp.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả thi kết thúc các học phần, các khoa thuộc ngành Kế toán sẽ tiến hành phân tích ưu nhược điểm từng phương pháp dạy học, đặc biệt phương pháp dạy và học trong điều kiện trực tuyến hoặc kết hợp để có điều chỉnh phù hợp.

Trong NCKH của sinh viên, định hướng SV tập trung nghiên cứu các đề tài phục vụ cho học tập, nghiên cứu thực tế.

Ban hành văn bản cụ thể quy định về quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và giao cho phòng BĐCL – TT và Phòng ĐT- HTQT chủ trì, phối hợp với Bộ phận truyền thông thiết lập cơ chế thu nhận ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng SV ngành Kế toán theo hình thức trực tuyến tại cổng thông tin điện tử của Trường. Đồng thời, Trường thực hiện việc thu nhận ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng qua các kênh khác như “Ngày hội tuyển dụng” và “Thực tập tốt nghiệp cuối khoá của sinh viên”.

### ***3.11. Kết quả đầu ra***

Dựa vào hệ thống cơ sở dữ liệu về tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, khoa QLSV của ngành Kế toán cần phối hợp với các ban chức năng

tổ chức thực hiện việc phân tích ảnh hưởng của các nhân tố về chất lượng đầu vào, các quy định của CĐR, CTĐT, phương thức kiểm tra, đánh giá để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát tỷ lệ thôi học và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình, duy trì hoạt động các ban liên lạc SV theo khoa, theo khóa, theo chuyên ngành. Tăng cường khai thác thông tin từ các cơ sở đào tạo ngành Kế toán trong nước và quốc tế để có cơ sở đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm, xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ... phân tích mức độ hài lòng của các bên về lượng đào tạo ngành kế toán so sánh với mức độ hài lòng của các CTĐT khác trong và ngoài Trường.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Hải Dương**

Tên CTĐT: **Kế toán**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4.3	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4.3	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5.0	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5.0	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4.8	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

<b>Tiêu chuẩn 6</b>									
Tiêu chí 6.1					5				
Tiêu chí 6.2					5				
Tiêu chí 6.3				4				4.42	7
Tiêu chí 6.4				4					100
Tiêu chí 6.5				4					
Tiêu chí 6.6					5				
Tiêu chí 6.7				4					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>									
Tiêu chí 7.1					5				
Tiêu chí 7.2				4				4.6	5
Tiêu chí 7.3				4					100
Tiêu chí 7.4					5				
Tiêu chí 7.5					5				
<b>Tiêu chuẩn 8</b>									
Tiêu chí 8.1					5				
Tiêu chí 8.2					5			5.0	5
Tiêu chí 8.3					5				100
Tiêu chí 8.4					5				
Tiêu chí 8.5					5				
<b>Tiêu chuẩn 9</b>									
Tiêu chí 9.1				4					
Tiêu chí 9.2				4				4.0	5
Tiêu chí 9.3				4					100
Tiêu chí 9.4				4					
Tiêu chí 9.5				4					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>									
Tiêu chí 10.1					5				
Tiêu chí 10.2					5			5.0	6
Tiêu chí 10.3					5				100
Tiêu chí 10.4					5				

Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>									
Tiêu chí 11.1				5			4.8	5	100
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5					
Tiêu chí 11.4			4						
Tiêu chí 11.5				5					
<b>Đánh giá chung Chương trình đào tạo</b>							<b>4.65</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2024



**TS. Tạ Thị Thúy Ngân**



## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày ...../...../20.....

#### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013)

Tiếng Việt: Trường Đại học Hải Dương

Tiếng Anh: University of Hai Duong

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHHD

Tiếng Anh: UHD

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

5. Địa chỉ: Địa điểm 1: Khu đô thị phía Nam TP.Hải Dương - Xã Liên Hồng - TP. Hải Dương - T.Hải Dương

Địa điểm 2: Khu 8 - Phường Hải Tân - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

Địa điểm 3: 42 Nguyễn Thị Duệ - P. Thanh Bình - TP. Hải Dương - T. Hải Dương

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại .....

E-mail: ..... Website: uhd.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định số 1258/QĐ-TTgCP): 2011

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### **II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Kế toán - Tài chính

Tiếng Anh: Faculty of Accounting and Finance

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa KT-TC

Tiếng Anh: FoAaF

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Khoa Kế toán - Tài chính - Ngân hàng

Tiếng Anh: Faculty of Accounting - Finance - Banking

15. Mã CTĐT: 7340301

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 202 Nhà A3, Trường Đại học Hải Dương, Phố Trần Ích Phát, Phường Hải Tân, thành phố Hải Dương.

18. Số điện thoại liên hệ: .....; Email: ..... Website: .....

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):.....

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015.

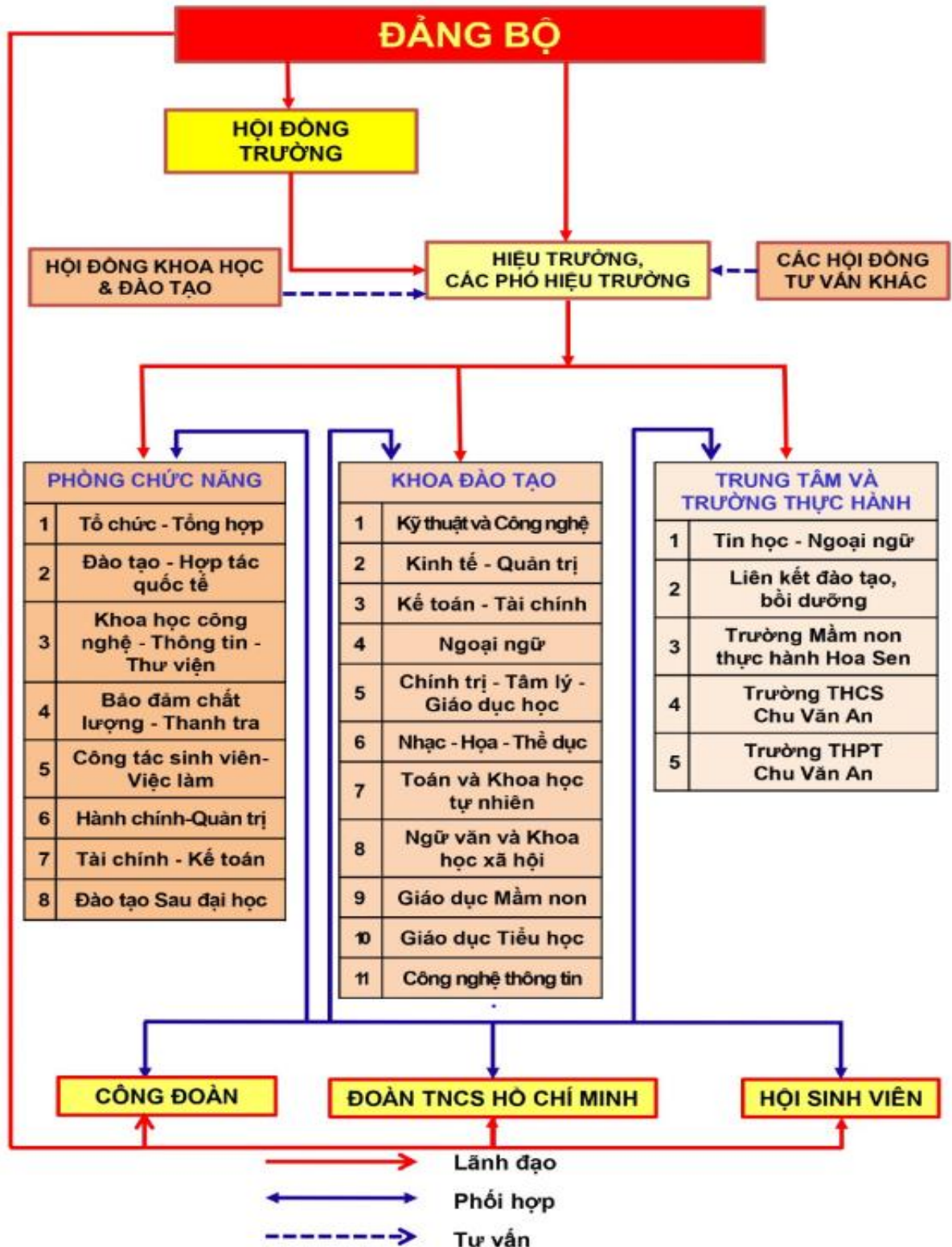
### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

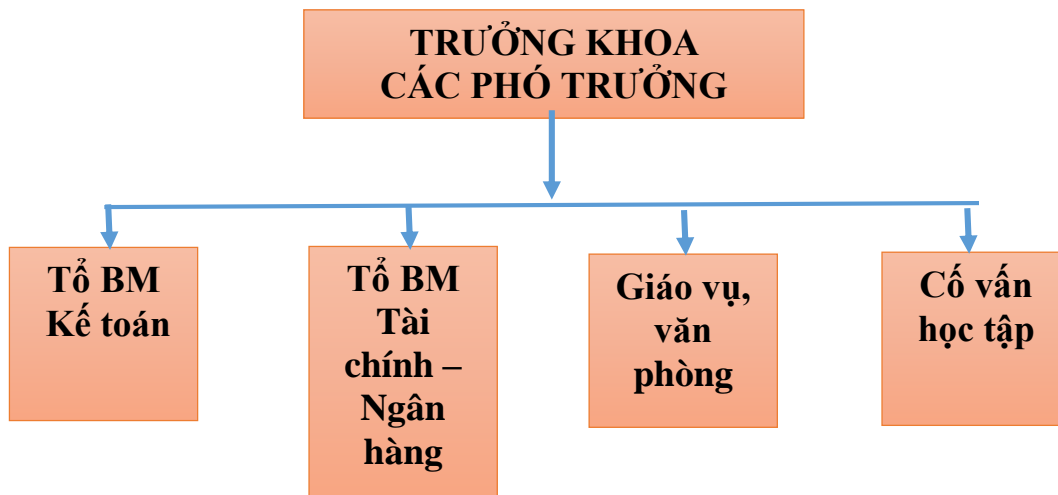
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương:

## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG



- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Kế toán - Tài chính:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

*(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).*

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>					
1	Chủ tịch HĐT	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904.256.915	letcns@gmail.com
2	Hiệu trưởng	Tạ Thị Thúy Ngân	1972	Tiến sĩ	0969931686	Tathithuyngancdhd@gmail.com
	<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>					
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Đào	1975	Tiến sĩ	0985202991	uhddaonguyen.edu@gmail.com
2	Phó Trưởng khoa	Phạm Quang Thịnh	1979	Tiến sĩ	0989372894	uhdthinhphamquang.edu@gmail.com

3	Phó Trưởng khoa	Phạm Thị An	1984	Thạc sĩ	0943734186	uhdanphamthi.edu@gmail.com
<b>II</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>					
1	Bí thư Đảng ủy	Vũ Đức Lễ	1964	Tiến sĩ	0904256915	letcns@gmail.com
2	Chủ tịch Công đoàn	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	uhsongto.edu@gmail.com
3	Bí thư ĐTN	Cao Thị Thu Phương	1986	Thạc sĩ	0936524886	Phuonketoanhd@gmail.com
4	Chủ tịch HSV	Đỗ Thanh Huyền	1988	Thạc sĩ	0974864146	uhdhuyendo.edu@gmail.com
<b>III</b>	<b>Các phòng, ban</b>					
1	Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Đàm Văn Bắc	1969	Tiến sĩ	0913664968	xuanbac.hd68@gmail.com
2.	Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Tô Văn Sông	1967	Tiến sĩ	0988642554	uhsongto.edu@gmail.com
3	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Nguyễn Mạnh Tuân	1980	Thạc sĩ	0905592888	uhdtuannguyenmanh.edu@gmail.com
4	Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Đặng Thị Trà My	1973	Thạc sĩ	0914796912	uhddangthitramy@gmail.com
5	Phòng Hành chính - Quản trị	Phùng Việt Phương	1980	Thạc sĩ	0988926686	uhdphuongphung.edu@gmail.com
6	Phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Nguyễn Thái Hưng	1976	Tiến sĩ	0973665677	thaihung.cdhd@gmail.com
<b>IV</b>	<b>Các bộ môn</b>					



I.1	Đội ngũ trong biên chế	6	30	<b>36</b>
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1	0	<b>1</b>
II	<b>Các đối tượng khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	0	0	<b>0</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>7</b>	<b>30</b>	<b>37</b>

## 34. Thông kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1		1			
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	6	5		1	0	0
5	Thạc sĩ	30	25	0	5	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	<b>Tổng số</b>	<b>37</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tổng số giảng viên cơ hữu = 37 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 89,1%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0						
2	Phó Giáo sư	3,0	1		1				3,0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						
4	Tiến sĩ	2	6	5		1	0	0	10,6
5	Thạc sĩ	1	30	25	0	5	0	0	26,5
6	Đại học	0							
	<b>Tổng</b>		<b>37</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			<b>40,1</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)



36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1		1		0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0		0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6		1	5	0	2	4	0	0
5	Thạc sĩ	30		5	25	0	19	11	0	0
6	Đại học	0		0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>37</b>	<b>100</b>	<b>7</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>21</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>1</b>

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,7 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 18,9%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 81,1%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	100%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
<b>Tổng</b>			

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	128	128	1:1	89	16.5/30	22.4	1
2019-2020	81	81	1:1	71	14/30	16.8	
2020-2021	125	125	1:1	99	15.25/30	22.8	
2021-2022	169	169	1:1	136	16.5/30	22.9	
2022-2023	134	134	1:1	92	14.5/30	21.8	

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học	431	386	370	372	317
Trong đó:					
Hệ chính quy	431	386	370	372	317
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021- 2022</b>	<b>2022-2023</b>
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	<b>Năm học</b>				
	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021-2022</b>	<b>2022- 2023</b>
Số lượng (người)	1	1	1	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0.2%	0.3%	0.3%	0.3%	0.0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021- 2022</b>	<b>2022- 2023</b>
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	25	22	18	20	17
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	12	10	10	8	8
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	<b>Năm học</b>

	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021- 2022</b>	<b>2022- 2023</b>
Số lượng (người)	0	3	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0,78	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

*Đơn vị: người*

<b>Các tiêu chí</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>				
	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>	<b>2020- 2021</b>	<b>2021- 2022</b>	<b>2022- 2023</b>
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	74	58	11	25	22
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	187	93	106	59	97
Trong đó:					
Hệ chính quy	187	93	106	59	97
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	187	93	106	59	97
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	77%	70%	67%	69%	80%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
<p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
<p>4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).</p> <p>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.</p> <p>- Sau 12 tháng tốt nghiệp.</p>					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022 - 2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	
3	Đề tài cấp trường	0,5	40	38	35	3	15	65,5
	<b>Tổng</b>		<b>40</b>	<b>38</b>	<b>35</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	<b>65,5</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 65,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,77

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

<b>TT</b>	<b>Năm</b>	<b>Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)</b>	<b>Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)</b>	<b>Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)</b>
1	2018-2019	0	0	0
2	2019-2020	0	0	0
3	2020-2021	0	0	0
4	2021-2022	0	0	0
5	2022-2023	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

<b>Số lượng đề tài</b>	<b>Số lượng cán bộ tham gia</b>			<b>Ghi chú</b>
	<b>Đề tài cấp NN</b>	<b>Đề tài cấp Bộ*</b>	<b>Đề tài cấp trường</b>	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	37	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	0	
Trên 6 đề tài	-	-	0	



Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	37	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): .....

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		5		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		<b>4</b>		

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1			2		3
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	2	5	5	6	10
	<b>Tổng</b>		<b>2</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>13</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 13

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,35

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		2	10
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>		<b>2</b>	<b>8</b>

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo		Số lượng
----	--------------------	--	----------

		Hệ số**	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5				1	1	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25	3				4	1,75
	<b>Tổng</b>		<b>3</b>			<b>1</b>	<b>5</b>	<b>2,75</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục 2,75c vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo		1	4
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>		<b>1</b>	<b>4</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

2021-2022	0
2022-2023	0

## 55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			3	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
<b>Tổng số người học tham gia</b>			<b>3</b>	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo		1 (giải ba)			
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

## **VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 355.310 m<sup>2</sup>

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 39.226,5 m<sup>2</sup>

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: 271,5 m<sup>2</sup>. Nơi học: 409,8 m<sup>2</sup>. Nơi vui chơi giải trí: 38.545,2 m<sup>2</sup>

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 1652 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,2 m<sup>2</sup>/1 sv.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 87

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 18 bộ máy tính

- Dùng cho người học học tập: 60 bộ máy tính

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,23 bộ máy tính/sinh viên.

## **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 238

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 89,1

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 19,7

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 75,2%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 1.876

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 10,1

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 91,7%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): .....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): .....

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): .....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): .....

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): .....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,77

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,35

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,07

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,23 bộ máy tính/sinh viên.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,2 m<sup>2</sup>/1sv.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4,2m<sup>2</sup>

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

## **Phụ lục 2: Các tài liệu liên quan**

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 616 /QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
trình độ đại học ngành Kế toán

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1258/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc Thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BĐCL-TT (5).

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
HẢI DƯƠNG  
TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN**  
 (Kèm theo Quyết định số 616 /QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2022  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Tạ Thị Thúy Ngân	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Thường trực
03	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
04	Nguyễn Thị Đào	Trưởng khoa Kế toán - Tài chính	Phó Chủ tịch
05	Phạm Thị Yến	Phó trưởng phòng BĐCL-TT	Thư ký
06	Tô Văn Sông	Trưởng phòng BĐCL-TT	Thành viên
07	Phạm Quang Thịnh	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên
08	Đàm Văn Bắc	Trưởng phòng ĐT - HTQT	Thành viên
09	Đặng Trà My	Trưởng phòng CTSV-VL	Thành viên
10	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thìn	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
12	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
13	Nguyễn Thái Hưng	Trưởng phòng Khoa học công nghệ - Thông tin - Thư viện	Thành viên
14	Phạm Thị An	Phó Trưởng khoa Kế toán - Tài chính	Thành viên
15	Bùi Phương Thanh	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
16	Phạm Thị Thu Trang	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
17	Lưu Thị Quyên	Sinh viên lớp K12. KT1	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số 816/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Tô Văn Sông	Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Trưởng Ban
02	Nguyễn Thị Kim	Viên chức Phòng Bảo đảm chất lượng - Thanh tra	Thành viên
03	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Thành viên
04	Trần Thị Thanh Loan	Giảng viên khoa Kế toán - Tài chính	Thành viên
05	Vũ Thị Nguyệt	Viên chức Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế	Thành viên
06	Nguyễn Thị Thương Thương	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
07	Vũ Tiên Thủy	Phó TP Phòng Công tác sinh viên - Việc làm	Thành viên

(Danh sách này có 07 người)



## DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1. Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, phần khái quát, kết luận</b>			
01	Nguyễn Thị Đào	Trưởng khoa KT-TC	Trưởng nhóm
02	Phạm Thị An	Phó trưởng khoa KT-TC	Phó trưởng nhóm
03	Trần Thị Thanh Loan	Giảng viên khoa KT-TC	Thư ký
04	Lê Thị Sinh	Phó trưởng phòng ĐT-HTQT	Thành viên
05	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
<b>Nhóm 2. Phụ trách tiêu chuẩn 3, 4, 5</b>			
01	Nguyễn Xuân Trường	Phó trưởng phòng ĐT-HTQT	Trưởng nhóm
02	Bùi Phương Thanh	Giảng viên khoa KT-TC	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Thị Nguyễn	Phòng Đào tạo ĐT-HTQT	Thư ký
04	Nguyễn Ngọc Anh	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
05	Phạm Thị Oanh	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
06	Phạm Thị Thu Trang	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
<b>Nhóm 3. Phụ trách tiêu chuẩn 6, 7</b>			
01	Nguyễn Mạnh Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp	Trưởng nhóm
02	Nguyễn T. Thương Thương	Viên chức Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thư ký
03	Vũ Thị Xuân	Viên chức Phòng Tổ chức - Tổng hợp	Thành viên
04	Phạm Thị Duyên	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
<b>Nhóm 4. Phụ trách tiêu chuẩn 8, 9</b>			
01	Phùng Việt Phương	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Trưởng nhóm
02	Đặng Trà My	Trưởng phòng CTSV-VL	Phó trưởng nhóm
03	Vũ Tiến Thủy	Phó TP Phòng CTSV -VL	Thư ký
04	Phạm Thị Thanh	Phó Giám đốc Trung tâm TH-NN	Thành viên
05	Trần Thị Thường	Viên chức Phòng HC - Quản trị	Thành viên
06	Phạm Thị Thêu	Phòng KH-CN-TT-TV	Thành viên
<b>Nhóm 5. Phụ trách tiêu chuẩn 10, 11</b>			
01	Phạm Quang Thịnh	Phó Trưởng khoa KT- TC	Trưởng nhóm
02	Nguyễn Thị Phương	Giảng viên khoa KT-TC	Phó trưởng nhóm
03	Đỗ Thị Tuyết	Viên chức Phòng ĐT- HTQT	Thư ký
04	Lê Thị Hoài Linh	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên
05	Phạm Ngọc Anh	Phòng Công tác sinh viên -VL	Thành viên
06	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên khoa KT-TC	Thành viên

(Danh sách này có 27 người)

Số: 83 /KH-ĐHHD

Hải Dương, ngày 03 tháng 11 năm 2023

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KẾ TOÁN**

**I. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

**II. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong chu kỳ KĐCLGD (T10 - 2018 đến T10 - 2023).

**III. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT bậc đại học ngành Kế toán ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 V/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL- KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2058/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

**IV. Hội đồng tự đánh giá**

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT bậc đại học ngành Kế toán được thành lập theo Quyết định số 616 /QĐ-ĐHHD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng, Hội đồng gồm có 17 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

- *Trưởng Ban thư ký*: Chịu trách nhiệm chung về báo cáo sơ thảo và báo cáo tự đánh giá cuối cùng;

- *Các thành viên thư ký*: Dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.



## b) Các nhóm công tác

- **Trưởng nhóm:** Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của các tiêu chuẩn, rà soát và thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo Kế hoạch tự đánh giá của Trường;

- **Phó trưởng nhóm:** Giúp trưởng nhóm và quản lý công việc khi nhóm trưởng vắng mặt, thực hiện nhiệm vụ được trưởng nhóm giao, góp ý cho bản dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn;

- **Thư ký nhóm:** Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, dự thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn nhóm mình phụ trách;

- **Các thành viên:** Thực hiện nhiệm vụ do nhóm phân công (thu thập và phân tích thông tin minh chứng, viết báo cáo), góp ý dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1,2, phần khái quát, kết luận	Nhóm 1	23/11 đến 13/12/2023	
2	3, 4, 5	Nhóm 2	23/11 đến 13/12/2023	
3	6, 7	Nhóm 3	23/11 đến 13/12/2023	
4	8, 9	Nhóm 4	23/11 đến 13/12/2023	
5	10, 11	Nhóm 5	23/11 đến 13/12/2023	

## V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Tuần 2

2. Thành phần: Thành viên HĐTĐG và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn thực hiện; kỹ năng phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng; kỹ năng viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn...

## VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...)

- **Nguồn lực huy động:** Các thành viên Hội đồng, Ban thư ký, Nhóm chuyên trách. Ngoài ra, tùy theo công việc thực tế có thể huy động nhân lực từ các khoa, phòng, trung tâm, lớp... (theo đề xuất của trưởng nhóm).

- **Cơ sở vật chất:** Sử dụng cơ sở vật chất hiện có để thực hiện quá trình tự đánh giá. Nếu cần bổ sung, Hội đồng tự đánh giá báo cáo Hiệu trưởng duyệt.

- **Về tài chính:** Các nội dung chi chính cho quá trình tự đánh giá bao gồm:

- + Tập huấn;
- + Thu thập thông tin từ ngoài Trường;
- + Phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia; làm thêm giờ.
- + Hội thảo;
- + Cơ sở vật chất, văn phòng phẩm;

### **VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Các nhóm chuyên trách lập kế hoạch cụ thể của nhóm, trình Chủ tịch Hội đồng. Nội dung kế hoạch cần thể hiện:

- Các thông tin cần thu thập bên ngoài, nguồn cung cấp;
- Thời gian cần thu thập, nhân lực thực hiện;
- Kinh phí cần có phục vụ cho việc thu thập thông tin.

### **VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn**

Thuê chuyên gia tư vấn trước khi gửi hồ sơ thẩm định để đánh giá ngoài.

### **IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

### **X. Thời gian và nội dung hoạt động**

Thời gian	Nội dung hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> 01/11 đến 15/11/2023	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.



Thời gian	Nội dung hoạt động
<b>Tuần 3</b> 16/11 đến 22/11/2023	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
<b>Tuần 4 - 6</b> 23/11 đến 13/12/2023	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
<b>Tuần 7 - 10</b> 14/12/2023 đến 03/01/2024	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<b>Tuần 11</b> 04/01 đến 10/01/2024	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
<b>Tuần 12</b> 11/01 đến 17/01/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
<b>Tuần 13-14</b>	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

T/A  
 NG  
 OC  
 UNG  
 9N

Thời gian	Nội dung hoạt động
18/01/2024 đến 31/01/2024	2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
<b>Tuần 15-16</b> 01/02 đến 15/02/2024	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
<b>Tuần 17</b> 16/2 đến 23/2/2024	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

**Nơi nhận:**

- UBND Tỉnh (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c)
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị thuộc Trường (để th/h);
- Lưu: VT, BĐCL-TT (2).

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm**



